



TẠP CHÍ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐIỆN TỬ

JOURNAL OF FIRE ONLINE

e-ISSN: 3093-3595



TRONG SỐ NÀY SỐ 09, THÁNG 02 NĂM 2026

ĐƯỜNG LỐI – CHÍNH SÁCH

3. TÔ LÂM: "Vững bước dưới cờ đảng".

6. LƯƠNG TAM QUANG: Công tác Công an thực hiện 3 mục tiêu chiến lược của Đảng: Hoà bình, ổn định; phát triển bền vững, chất lượng cao; nâng cao mọi mặt đời sống nhân dân.

9. LÊ QUANG BỐN: Đổi mới công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN PCCC&CNCH

16. NGUYỄN HOÀNG TUẤN: Phát huy tinh thần vì nhân dân phục vụ, lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Gia Lai tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả bão, lũ.

20. NGUYỄN MẠNH HÀ: Nâng cao trách nhiệm của các Ban Quản lý, chủ rừng trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

25. ĐÀO HỮU DÂN: Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy trong pháp luật Việt Nam: Bản chất pháp lý, so sánh quốc tế và hướng hoàn thiện.

31. ĐÀO ANH THU: Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực các học phần pháp luật tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy.

36. TRỊNH THẾ TUẤN: Một số vấn đề về đặt ra trong công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hiện nay.

40. PHAN ANH - NGUYỄN HỮU HIỆU - NGUYỄN THỊ NGỌC ANH: Xây dựng mô hình tính toán chỉ số Oxygen giới hạn (LOI) bằng các phương pháp hóa học lượng tử tính toán.

45. HÀ THỊ HUỆ: Một số nội dung nổi bật của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025.

50. NGUYỄN NGỌC THẮNG - TRẦN THỊ HUYỀN GIANG: Thiết kế công cụ tích hợp mô hình trực quan hóa trong giảng dạy giải tích và xác suất thống kê tại Đại học Phòng cháy chữa cháy.

55. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG - TRẦN THỊ HUYỀN TRANG: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Đại học PCCC góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.



INDEX Issue no 09, 02/2026

GUIDELINES – POLICIES

3. TO LAM: "Steadfast under the party's flag".

6. LUONG TAM QUANG: The role of the people's public security forces in realizing the party's three strategic objectives: Peace and stability; sustainable and high-quality development; and the comprehensive enhancement of people's living standards

9. LE QUANG BON: Innovating examination, assessment, and quality assurance in education to meet the requirements and tasks in accordance with Resolution no. 71-NQ/TW of the political bureau.

DEVELOPING THE MOVEMENT: "ALL PEOPLE'S PARTICIPATION IN FIRE PREVENTION, FIRE FIGHTING AND RESCUE"

16. NGUYEN HOANG TUAN: The "Serving the people" ethos in action: Gia Lai Provincial fire and rescue police in typhoon and flood response and recovery.

20. NGUYEN MANH HA: Enhancing the accountability of forest management boards and owners in forest fire prevention and suppression in Quang Tri Province.

RESEACH – EXCHANGE

25. DAO HUU DAN: Facilities subject to state management in fire prevention and fighting under vietnamese law: Legal characterization, international comparison, and policy recommendations for reform.

31. DAO ANH THU: Innovating assessment methods toward students' competency-based evaluation in law courses at The University of Fire Prevention and Fighting.

36. TRINH THE TUAN: Several issues in the current professional training for the fire and rescue forces.

40. PHAN ANH – NGUYEN HUU HIEU – NGUYEN THI NGOC ANH: Development of a computational model for calculating the limiting oxygen index (LOI) using quantum chemical computational methods.

45. HA THI HUE: Key highlights of the 2025 Law On Personal Data Protection.

50. NGUYEN NGOC THANG – TRAN THI HUYEN GIANG: Enhancing the application of information technology in teaching political theory at The University of Fire Prevention and Fighting to contribute to the training of high-quality human resources to meet the requirements and tasks in the new context.

55. NGUYEN THI LAN HUONG – TRAN THI HUYEN TRÀNG: Designing a tool integrating visualization models for teaching calculus, probability, and statistics at The University of Fire Prevention and Fighting.



Ngày nhận bài: 02/02/2026; Ngày thẩm định: 03/3/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

"VỮNG BƯỚC DƯỚI CỜ ĐẢNG"

GS, TS TÔ LÂM

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Tóm tắt: Kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2026), Tạp chí Phòng cháy và chữa cháy xin trân trọng giới thiệu bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm: *Vững bước dưới cờ Đảng*.

Từ khóa: vững bước, dưới cờ Đảng.

Abstract: To commemorate the 96th anniversary of the founding of the Communist Party of Vietnam (February 3, 1930 - February 3, 2026), the Journal of Fire respectfully presents the article by General Secretary Tô Lâm entitled "Steadfast Under the Party's Flag."

Keywords: steadfast, under the Party's flag.

Ngay sau thành công rực rỡ của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2026) với một tinh thần hân hoan đặc biệt. Dấu mốc 96 năm của Đảng càng có ý nghĩa, khi chúng ta bước vào năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới - năm khởi đầu có vai trò quyết định trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, đưa các mục tiêu chiến lược thành hiện thực. Niềm tự hào về chặng đường vẻ vang 96 năm dưới cờ Đảng quang vinh đang tiếp thêm sức mạnh, khơi dậy khí thế mới, niềm tin mới để chúng ta vững tin tiến bước.

Trải qua 96 mùa Xuân kể từ ngày ra đời, đặc biệt là hơn 80 năm Đảng cầm quyền, Đảng ta đã chứng tỏ một sức sống bền bỉ, bản lĩnh kiên cường và đường lối lãnh đạo đúng đắn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ khi có Đảng, dân tộc ta, với truyền thống ngàn năm văn hiến, đã viết tiếp những trang sử hào hùng: lãnh đạo nhân dân tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; lãnh đạo toàn dân chiến thắng thực dân, đế quốc trong các cuộc kháng chiến trường kỳ, thu non sông về một mối và đưa cả nước tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ

nghĩa. Mỗi bước thăng trầm của lịch sử đều là thử thách tôi luyện Đảng ta ngày càng trưởng thành, vững mạnh hơn trên con đường phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Chặng đường 96 năm qua đã khẳng định: không có lực lượng chính trị nào ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam đủ uy tín, năng lực và bản lĩnh lãnh đạo cách mạng với mục tiêu vì nhân dân. Vai trò cầm quyền và lãnh đạo toàn diện của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều làm nên sức mạnh, uy tín của Đảng không chỉ ở những chiến công hiển hách, mà còn ở tinh thần cầu thị, dám nhìn thẳng vào sự thật, dũng cảm nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. Nhờ đó, Đảng ta luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn để ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Hành trình 96 năm của Đảng đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Trước hết, ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải luôn được kiên định nắm vững - đó là hai mục tiêu chiến lược, gắn bó chặt chẽ với nhau trong suốt tiến trình cách mạng. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là nền tảng vững chắc bảo đảm nền độc lập chân chính, lâu bền cho dân tộc. Thấm nhuần chân lý đó, Đảng ta luôn kiên định con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta

đã lựa chọn: vừa kiên quyết bảo vệ bằng được độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, vừa bền bỉ xây dựng chủ nghĩa xã hội vì hạnh phúc của nhân dân.

Bài học sâu sắc, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đó là sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhân dân vừa là người làm nên những thắng lợi lịch sử, vừa là nguồn sức mạnh vô tận để Đảng tồn tại và phát triển. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đảng ta được nhân dân tin tưởng giao phó sứ mệnh và Đảng không có lợi ích nào khác ngoài phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng.”* Lời dạy của Bác vẫn vẹn nguyên giá trị, nhắc nhở rằng Đảng phải luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân, lấy dân làm gốc và lấy hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu cao nhất. Thực tiễn cũng cho thấy, một khi quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, thì đó sẽ là nguy cơ khôn lường cho vận mệnh đất nước và chính sự tồn vong của Đảng. Do đó, giữ gìn mối quan hệ máu thịt với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng luôn là nguyên tắc sinh tử. Sự ủng hộ, tin yêu của nhân dân chính là thước đo uy tín, nguồn sức mạnh và *“bí quyết”* thắng lợi của Đảng ta trong mọi giai đoạn cách mạng.

Bên cạnh đó, Đảng ta luôn coi trọng và không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công”* - lời hiệu triệu của Bác Hồ đã kết tinh chân lý: đoàn kết là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn nhất của cách mạng Việt Nam. Đảng phải biết phát huy tối đa sức mạnh đại đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, kết hợp hài hòa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đây vừa là bài học, vừa là phương châm hành động để Đảng lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, đưa đất nước vươn lên tầm cao mới trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Bài học lớn bao trùm lên tất cả là: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Lịch sử 96 năm qua khẳng định vai trò tiên phong, *“đội quân dẫn*

đường” của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Đảng muốn lãnh đạo lâu dài thì phải luôn tự hoàn thiện, tự làm mới, giữ vững bản chất cách mạng và tính tiên phong. Đảng ta phải không ngừng học tập, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng nâng cao trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức thực tiễn để đủ sức giải quyết những vấn đề mới do thực tiễn cách mạng đặt ra. Đồng thời, Đảng phải thường xuyên cảnh giác, đấu tranh phòng chống những nguy cơ lớn đối với mình, nhất là sai lầm về đường lối, chệch hướng, tụt hậu về kinh tế, bệnh quan liêu, tham nhũng và sự suy thoái, *“tự diễn biến”*, *“tự chuyển hóa”* trong nội bộ. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ tiếp tục là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Ở mỗi bước ngoặt lịch sử, Đảng đều kịp thời đề ra chủ trương đúng đắn và nghiêm khắc sửa chữa sai lầm, khuyết điểm nếu có. Sự dũng cảm *“tự soi, tự sửa”* giúp Đảng tránh rơi vào giáo điều, trì trệ, không ngừng lớn mạnh để đáp ứng yêu cầu của cách mạng qua từng giai đoạn. Từ những bài học lịch sử, Đảng ta luôn chủ động đưa ra những quyết sách kịp thời; tiêu biểu là công cuộc Đổi mới từ thập niên 1980 đã đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và phát triển mạnh mẽ. Gần đây, trước nạn tham nhũng, suy thoái trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận và quyết tâm thực hiện để chấn chỉnh, đẩy mạnh đấu tranh với tinh thần *“không có vùng cấm, không có ngoại lệ, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật”*.

Hôm nay, nhìn lại chặng đường gần một thế kỷ qua, chúng ta tự hào nhận thấy: dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ một dân tộc nô lệ, đói nghèo, Việt Nam đã vươn lên thành một quốc gia độc lập, thống nhất, tự chủ, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế; từ một đất nước kiệt quệ sau các cuộc chiến tranh, chúng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới 1986, đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Nhìn

ra thế giới, có thể khẳng định: cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam đang ngày một nâng cao. Bạn bè năm châu biết đến Việt Nam như một dân tộc anh hùng trong đấu tranh giành độc lập, đồng thời là một đối tác tin cậy, một quốc gia yêu chuộng hòa bình và đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đó khẳng định chân lý: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là *“ngọn cờ tập hợp sức mạnh toàn dân tộc”* trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội XIV của Đảng đã đề ra những định hướng, mục tiêu chiến lược quan trọng cho giai đoạn sắp tới, đặc biệt là quyết tâm thực hiện thành công hai mục tiêu chiến lược 100 năm. Trách nhiệm lịch sử đặt lên vai toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là phải hiện thực hóa những mục tiêu, khát vọng đó thành hiện thực sinh động. Mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên - nhất là người đứng đầu - cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong triển khai Nghị quyết Đại hội XIV, chủ động sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Toàn Đảng phải tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách quyết liệt, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; củng cố mối quan hệ máu thịt với nhân dân, dựa vào nhân dân để kiểm soát quyền lực và chỉnh đốn đội ngũ. Đồng thời, toàn hệ thống chính trị phải vào cuộc đồng bộ, phát huy hiệu quả để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong mỗi người dân Việt Nam.

Gần một thế kỷ ra đời, chiến đấu và trưởng thành, Đảng ta đã thực sự là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chặng đường phía trước sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm của Đảng cầm quyền, với truyền thống anh hùng và tinh thần đoàn kết của cả dân tộc, nhất định chúng ta sẽ vượt qua mọi trở ngại, tranh thủ thời cơ, tiếp tục giành những thắng lợi to lớn hơn nữa. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục chung sức đồng lòng, phát huy cao độ chủ nghĩa

yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và sức sáng tạo của con người Việt Nam trong thời đại mới. Dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, chúng ta vững bước tiến lên, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV, quyết tâm xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Vững bước dưới cờ Đảng quang vinh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nguyện đem hết tâm huyết, trí tuệ và bản lĩnh để kiến tạo một nước Việt Nam hùng cường, để Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng hơn vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh nhân loại, để chúng ta sánh vai cùng các cường quốc năm châu trong kỷ nguyên mới. Mùa Xuân của đất nước sẽ mãi tươi đẹp, bền vững khi mỗi người Việt Nam - dù ở cương vị nào - đều nỗ lực xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, chung tay xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh. Để mai sau nhìn lại, mỗi cán bộ, đảng viên và người dân Việt Nam có thể tự hào đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cao cả của dân tộc, đã sống và cống hiến xứng đáng cho Tổ quốc, cho nhân dân.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2026), *Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 23/01/2026 của Bộ Chính trị về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 21/01/2026; Ngày thẩm định: 03/3/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

CÔNG TÁC CÔNG AN THỰC HIỆN 3 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG: HOÀ BÌNH, ỔN ĐỊNH; PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, CHẤT LƯỢNG CAO; NÂNG CAO MỌI MẶT ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Đại tướng LƯƠNG TAM QUANG

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an

Tóm tắt: Sáng 21/01/2026, Đại tướng Lương Tam Quang - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an đã trình bày tham luận tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng với chủ đề “Công tác Công an thực hiện 3 mục tiêu chiến lược của Đảng: hòa bình, ổn định; phát triển bền vững, chất lượng cao; nâng cao mọi mặt đời sống Nhân dân”. Tạp chí Phòng cháy và chữa cháy xin trân trọng giới thiệu toàn văn bài tham luận của đồng chí Bộ trưởng.

Từ khóa: Công an, hòa bình, ổn định, phát triển bền vững, chất lượng cao, đời sống nhân dân.

Abstract: On the morning of January 21, 2026, General Luong Tam Quang - Member of the Politburo, Secretary of the Central Party Committee of the Public Security Ministry, and Minister of Public Security - delivered a presentation at the 14th National Congress of the Communist Party of Vietnam on the topic "The Role of the People's Public Security Forces in Realizing the Party's Three Strategic Objectives: Peace and Stability; Sustainable and High-Quality Development; and the Comprehensive Enhancement of People's Living Standards." The following is the full text of the Minister's paper.

Keywords: Police, peace, stability, sustainable development, high quality, people's living standards.

Kính thưa Đoàn Chủ tịch!

Kính thưa Đại hội!

Trước hết, Đoàn đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương bày tỏ nhất trí cao với dự thảo các văn kiện Trung ương trình Đại hội. Để làm sáng tỏ và sâu sắc hơn nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong dự thảo các văn kiện Đại hội, thay mặt Đoàn đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương, Tôi xin tham luận với chủ đề: “Công tác Công an thực hiện 3 mục tiêu chiến lược của Đảng: hòa bình, ổn định; phát triển bền vững, chất lượng cao; nâng cao mọi mặt đời sống Nhân dân”.

Kính thưa Đại hội!

Năm năm qua, đại dịch, thiên tai, biến động quốc tế, khó khăn về kinh tế, đứt gãy chuỗi cung ứng..., với nhiều vấn đề vượt dự báo, chưa có tiền lệ, nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có. Trong bối cảnh đó, Đảng

ta tiếp tục khẳng định bản lĩnh, trí tuệ, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đưa con thuyền cách mạng tiếp tục tiến nhanh và vững chắc, đưa sự nghiệp 40 năm đổi mới đạt được những thành tựu vĩ đại. Đặc biệt, trong những năm cuối nhiệm kỳ, với tầm nhìn chiến lược, nhạy bén, sáng suốt của Đảng, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII có những bước tiến mới mang tính lịch sử, đột phá, bước ngoặt. Cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; hàng loạt chủ trương chiến lược của Đảng với quyết tâm tiếp tục đổi mới, tháo gỡ triệt để điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, kiến tạo phát triển, chăm lo cho Nhân dân, đã khơi dậy mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sự “tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”, sức mạnh đại đoàn kết, khát vọng cống hiến, định hình khung chiến lược tổng thể để đất nước vững vàng tiến nhanh

trong những năm tiếp theo dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ví thể, uy tín của đất nước tiếp tục được nâng cao trên trường quốc tế; Việt Nam luôn thuộc nhóm nước có tăng trưởng kinh tế cao trong khu vực và thế giới; đời sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện với các chính sách thiết thực về việc làm, y tế, giáo dục, xoá đói giảm nghèo, chăm lo người có công, người yếu thế, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với tinh thần gương mẫu, tiên phong, một lòng vì Đảng, vì dân, công tác Công an đã có những bước tiến rõ rệt. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, với bản lĩnh, tầm nhìn, trí tuệ, Ban Thường vụ, Đảng ủy Công an Trung ương đã lãnh đạo lực lượng Công an nhân dân đề cao trách nhiệm, phát huy cao độ tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tiên phong sắp xếp tổ chức bộ máy, đưa Công an chính quy về xã, không tổ chức Công an cấp huyện, dẫn dắt tiến trình chuyển đổi số quốc gia, lập kỳ tích xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chủ động đề xuất hoàn thiện pháp luật với nhiều vấn đề mới, khó; luôn ở tuyến đầu cứu dân, giúp dân lúc hiểm nguy gian khó, trong phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”, với phương châm “lúc dân cần, lúc dân khó có Công an”. An ninh quốc gia được giữ vững, Việt Nam tiếp tục trong nhóm nước an ninh, an toàn hàng đầu thế giới; các vấn đề tiềm ẩn phức tạp, đối tượng chống đối trọng điểm được phát hiện, đấu tranh xử lý quyết liệt từ sớm, từ xa, từ ngoài biên giới lãnh thổ. Xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh; người dân có cuộc sống bình yên, hạnh phúc hơn; tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông, tai nạn cháy, nổ được kiềm chế, kéo giảm; đấu tranh không khoan nhượng với các loại tội phạm, nhất là các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tội phạm ma túy, môi trường, hàng giả; xây dựng văn hoá giao thông và hàng trăm xã không ma túy. Lễ mở ký Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng là dấu mốc khẳng định cam kết, trách nhiệm của Việt Nam tham gia dẫn dắt giải quyết các vấn đề toàn cầu. Vành đai an ninh, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững chắc, phát huy cao độ thế trận lòng dân, gắn chặt với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân. Qua

một nhiệm kỳ nỗ lực phấn đấu “vượt qua chính mình”, lực lượng Công an nhân dân có bước lớn mạnh, trưởng thành vượt bậc, cơ bản đã được xây dựng “thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, vững vàng khẳng định vai trò “thanh bảo kiếm”, “lá chắn thép” bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm kỳ tới, bên cạnh thời cơ, thuận lợi, bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn hiện hữu, có mặt gay gắt hơn, thể hiện dưới dạng thức mới; sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đứng trước 04 thách thức lớn: (i) Thách thức về nhận diện, nắm bắt kịp thời những xu thế, vận động mang tính thời đại, kịp thời có quyết sách lãnh đạo đất nước, giải quyết tốt mối quan hệ bên trong, bên ngoài, phát triển và an ninh, rủi ro và cơ hội. Sức ép lớn hơn “chọn bên”, “chọn tuyến” cả về chính trị, đối ngoại, kinh tế, quốc phòng, an ninh và công nghệ. (ii) Nhận diện kịp thời không gian, lĩnh vực, đối tượng bảo vệ mới; nhận diện, xử lý hiệu quả rủi ro về an ninh, hình thái xâm phạm an ninh, trật tự mới do sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, ví thể, tiềm lực của đất nước sau 40 năm đổi mới và triển khai các tư duy mới về phát triển. (iii) Kỳ vọng của Nhân dân đối với sự phát triển vươn mình của đất nước trong Kỷ nguyên mới, thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIV và các chủ trương chiến lược của Đảng. (iv) Thách thức trong việc thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội về bảo đảm an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

Trong bối cảnh đó, công tác Công an tập trung thực hiện “3 mục tiêu chiến lược của Đảng: hòa bình, ổn định; phát triển bền vững, chất lượng cao; nâng cao mọi mặt đời sống Nhân dân”, với một số nội dung sau:

Thứ nhất, giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Công an nhân dân; tiếp tục gương mẫu, đi đầu và là một trong các lực lượng chủ công, nòng cốt thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV và các chủ trương chiến lược của Đảng. Đổi mới mạnh mẽ tư duy bảo vệ an ninh quốc gia từ thực hiện “trách nhiệm công vụ” sang “trách nhiệm công vụ - phục vụ”, từ “mệnh lệnh, phục tùng” sang “mệnh lệnh, phục tùng và chủ động đề xuất, kiến tạo phát triển”; chuyển mạnh phương thức hoạt động từ truyền thống sang truyền thống kết hợp chặt chẽ với hiện đại. Không

chỉ bảo vệ vững chắc an ninh Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy, tuyệt đối không để đất nước bị động về chiến lược, mà chủ động đi trước, biến thách thức thành cơ hội cho phát triển đất nước, không ngừng củng cố tiềm lực an ninh, gia tăng đóng góp cho hòa bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới.

Thứ hai, duy trì vị thế đất nước trong nhóm các quốc gia hàng đầu về an ninh, an toàn trên thế giới; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, vì cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân, tạo nền tảng cho thành công của phát triển. Tăng cường bảo vệ an ninh chế độ, an ninh văn hoá, tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ yếu nhân, cán bộ cấp chiến lược, tinh hoa trong giới khoa học, công nghệ; giải quyết cơ bản các yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự, không để xảy ra bị động, bất ngờ. Chủ động nhận diện, bảo vệ vững chắc an ninh trên các không gian, lĩnh vực mới; đấu tranh hiệu quả với các phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm. Phân đầu xây dựng 50% xã trên cả nước, 18 địa phương không ma túy, tiến tới không tội phạm. Tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt tiến trình chuyển đổi số quốc gia, tạo nền tảng thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới hành chính, kiến tạo niềm tin số, xây dựng xã hội số, công dân số, phát triển kinh tế số, kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu. Tập trung xây dựng văn hoá “thượng tôn pháp luật”, văn hoá giao thông; củng cố vành đai an ninh từ xa; tăng cường bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân Việt Nam ở nước ngoài; tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, tăng cường hợp tác quốc tế thực hiện Công ước Hà Nội, đưa Việt Nam trở thành trung tâm hợp tác chống tội phạm mạng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Thứ ba, xây dựng lực lượng Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, “Kỷ luật nhất - Trung thành nhất - Gần dân nhất”, đi đầu trong công tác an sinh xã hội, củng cố vững chắc thể trận lòng dân. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên kỷ luật sắt, kỷ cương nghiêm, bản lĩnh thép, tinh thông nghiệp vụ, pháp luật, công nghệ, nhân văn, gần dân. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phương châm “lúc dân cần, lúc dân khó có Công an”. Nâng tầm công tác Công an hỗ trợ người yếu thế, người có hoàn cảnh

khó khăn, góp phần giải quyết từ gốc rễ các vấn đề liên quan an ninh, trật tự, phát huy “thế trận lòng dân” trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, tạo bước đột phá phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, củng cố tiềm lực an ninh, đóng góp tích cực thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, chất lượng cao của đất nước. Từ thực tiễn công tác bảo đảm an ninh, trật tự, nhất là bảo đảm an ninh mạng quá trình chuyển đổi số, quản lý nhà nước về an ninh, trật tự để nghiên cứu, phát triển, tự chủ công nghệ, sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh, vừa đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ an ninh, trật tự, làm chủ công nghệ lõi, vừa giảm thiểu nhập khẩu, cung ứng thị trường trong nước, tiến tới xuất khẩu. Trọng tâm là 05 nhóm sản phẩm: sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an toàn, an ninh mạng; sản phẩm, dịch vụ công nghiệp dữ liệu lớn phục vụ chuyển đổi số; sản phẩm kỹ thuật nghiệp vụ; sản phẩm phòng cháy, chữa cháy; sản phẩm phát hiện, cảnh báo, phòng ngừa từ sớm các nguy cơ an ninh, trật tự.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự phối hợp của các ban, bộ, ngành, địa phương, sự ủng hộ giúp đỡ của Nhân dân và bạn bè quốc tế, phát huy truyền thống vẻ vang hơn 80 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, toàn lực lượng Công an nhân dân quyết tâm thực hiện “Theo lời Bác dạy - Đổi mới tư duy - Nâng cao tri thức - Chính quy hiện đại - Vì Đảng, vì dân”, tạo nền tảng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV và các mục tiêu chiến lược của Đảng.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 10/01/2026; Ngày thẩm định: 05/3/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KHẢO THÍ, KIỂM ĐỊNH VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 71-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Trung tướng, PGS, TS LÊ QUANG BỐN

Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Lê Quang Bốn (Email: Mrfour@gmail.com)

Tóm tắt: Theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 71), “giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”. Là trường đại học duy nhất trong cả nước đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lực lượng Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH), Trường Đại học PCCC đã chủ động tiên phong triển khai Nghị quyết 71, hướng tới mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia, trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của lực lượng Công an nhân dân (CAND) cũng như của cả nước. Trong đó, đổi mới công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng để nhà trường hiện thực hóa mục tiêu đó.

Từ khóa: đổi mới, khảo thí, kiểm định, bảo đảm, chất lượng đào tạo, Trường Đại học Phòng Cháy chữa cháy.

Abstract: According to Resolution No. 71-NQ/TW dated August 22, 2025, of the Politburo on breakthroughs in education and training development (hereinafter referred to as Resolution 71), "higher education is the core of developing high-level human resources and talents, promoting science and technology and innovation." As the only university in the country training high-quality human resources for the Fire Prevention and Rescue Force, the University of Fire Prevention and Fighting has proactively pioneered the implementation of Resolution 71, aiming to become a national standard higher education institution, a research and innovation center of the People's Public Security Force as well as for the country as a whole. In particular, reforming examination, accreditation, and quality assurance in training is one of the important factors for the university to realize this goal.

Keywords: Innovation, assessment, accreditation, assurance, training quality, the University of Fire Prevention and Fighting.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 71-NQ/TW được Bộ Chính trị ban hành ngày 22/8/2025 là văn kiện chiến lược tiếp nối Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013, nhưng mang tính đột phá mạnh mẽ hơn, thể hiện tinh

thần hành động, bám sát thực tiễn và bảo đảm khả thi; coi giáo dục là động lực trung tâm cho phát triển quốc gia, đặt mục tiêu xây dựng nền giáo dục hiện đại, công bằng, tinh hoa, đáp ứng yêu cầu của nền công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

Về giáo dục đại học, quan điểm của Nghị quyết đã chỉ rõ: “*Giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*”; “*Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhận thức và thể chế. Tạo đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng; bảo đảm Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, lấy đầu tư công dẫn dắt, thu hút nguồn lực xã hội cho hiện đại hóa toàn diện hệ thống giáo dục quốc dân*.” Nghị quyết đặt mục tiêu nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của vùng vào năm 2030.

Với đặc thù là một cơ sở đào tạo thuộc hệ thống các trường CAND có bề dày lịch sử gần 50 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học PCCC là đơn vị duy nhất trong cả nước được phép đào tạo cán bộ làm công tác PCCC&CNCH trình độ Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ và các trình độ thấp hơn cho các ngành, đoàn thể và các tổ chức kinh tế, xã hội; nghiên cứu khoa học về PCCC&CNCH phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực PCCC&CNCH, bảo đảm học viên sau khi tốt nghiệp ra trường đảm nhiệm được chức trách và hoàn thành nhiệm vụ được giao, những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học PCCC đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và triển khai đồng bộ các hoạt động trong quá trình đào tạo; trong đó, công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo là nội dung được Nhà trường tổ chức khoa học, chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cùng với công cuộc chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên khắp cả nước, đồng thời mô hình chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai đã tác động trực tiếp đến công tác giáo dục, đào tạo của Trường Đại học PCCC. Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu cấp bách nhà trường cần phải đổi mới mạnh mẽ quá trình đào tạo theo xu hướng giáo dục hiện đại, nhân văn, trong đó, đảm bảo “*học đi đôi với hành*”, “*lý thuyết gắn liền với thực tiễn*”, “*nhà trường gắn liền với xã hội*”; “*người học là trung*

tâm, nhà trường là nền tảng, nhà giáo là động lực quyết định chất lượng giáo dục đào tạo”, đề cao sự phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội; nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp trong giáo dục, đào tạo. Theo đó, hoạt động khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng cũng phải nhanh chóng đổi mới nội dung, hình thức và các tiêu chí cơ bản để đảm bảo các mục tiêu theo Nghị quyết 71, góp phần xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Thực trạng công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo ở Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

Một trong những điểm nổi bật của công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng ở Trường Đại học PCCC là tham mưu có hiệu quả giúp Đảng ủy, Ban Giám hiệu xây dựng các kế hoạch công tác phù hợp với tình hình thực tiễn và triển khai phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên trong Nhà trường. Các hoạt động như: công tác đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; công tác kiểm tra, giám sát thi; công tác chấm thi, công tác làm phách, chấm kiểm tra, chấm thẩm định được tổ chức khoa học, bảo đảm sự chặt chẽ, khách quan; tổ chức các kỳ tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, tự đánh giá chương trình đào tạo hay hoạt động lấy ý kiến phản hồi, kiểm tra cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập... đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hạn chế tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục tại nhà trường.

Hiện nay, để bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo, Trường Đại học PCCC đã thực hiện 03 lần tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, trong đó 02 lần tự đánh giá vào các năm 2009, 2014 dựa trên bộ tiêu chuẩn được ban hành cùng Quyết định 65/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm có 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí. Đến năm 2019, để nâng cao hơn nữa chất lượng của các cơ sở đào tạo đại học, bắt kịp xu thế về chất lượng đào tạo của các nước trong khu vực và trên thế giới, Nhà trường tiếp tục tổ chức tự đánh giá lần thứ ba theo Bộ Tiêu chuẩn mới gồm 25 tiêu chuẩn với 111 tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn số 04/HD-BCA-X02 ngày 20/5/2019 về

“Hướng dẫn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Đại học trong CAND” của Bộ Công an. Bộ tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo của hệ thống các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á. Sau hoạt động tự đánh giá trên, nhà trường đã được Đoàn Đánh giá ngoài của Bộ Công an tổ chức khảo sát vào tháng 12/2020, đồng thời chính thức được công nhận đạt chuẩn chất lượng và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 3647/QĐ-BCA-X02, ngày 20/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an. Việc tổ chức công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài đã tạo nên nhiều chuyển biến tích cực về chất lượng, văn hóa chất lượng trong nhà trường. Hệ thống văn bản pháp quy được rà soát, điều chỉnh, bổ sung làm công cụ nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý, điều hành mọi mặt, mọi hoạt động của nhà trường để phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của khoa học, công nghệ và nhu cầu của xã hội.

Mặt khác, công tác khảo thí đã tạo sự chuyển biến trong học thực chất, thi thực chất đồng thời phản ánh năng lực, phương pháp giảng dạy của giảng viên, từ đó giúp nhà trường xây dựng, điều chỉnh kế hoạch nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, bảo đảm sát với nhu cầu của thực tiễn. Hiện nay, hầu hết các học phần (môn học) tại nhà trường đã xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi, đề thi, đáp án với 486 ngân hàng câu hỏi thi học phần đã biên soạn và 208 ngân hàng câu hỏi thi học phần đang sử dụng. Hệ thống câu hỏi thi, đáp án của các học phần, môn học đã bám sát nội dung, chương trình đào tạo, bảo đảm tính tổng hợp, vừa đáp ứng yêu cầu kiểm tra kiến thức cơ bản, vừa phát huy được tư duy độc lập, sáng tạo của học viên, làm cơ sở cho việc đánh giá phân loại học viên. Các khâu: xây dựng đề thi, đáp án; khâu tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm và chấm kiểm tra, chấm thẩm định bài thi, đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án khi có yêu cầu được giám sát chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định, quy chế. Hoạt động tổ chức kiểm tra, giám sát các khâu trong thi tốt nghiệp, thi kết thúc học phần (môn học) đối với tất cả các hệ đào tạo, loại hình đào tạo của nhà trường theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an; thẩm định các

điều kiện đảm bảo tổ chức thi; tổ chức chấm thẩm định theo quy định cũng được nhà trường quán triệt tổ chức thực hiện nghiêm túc. Do có sự quan tâm trong tổ chức hoạt động khảo thí nên trong nhiều năm qua, các hiện tượng tiêu cực trong thi cử đã được hạn chế, giúp khuyến khích tinh thần tích cực học tập của học viên, tạo động lực để học viên nhà trường nâng cao ý thức trách nhiệm, chủ động phấn đấu trong học tập và rèn luyện.

Đồng thời, để đảm bảo quy chế dân chủ trong hoạt động giáo dục, đào tạo; thiết lập kênh thông tin trao đổi giữa “Cơ sở đào tạo - Người được đào tạo - Người sử dụng sản phẩm đào tạo”; Trường Đại học PCCC đã triển khai hàng chục kế hoạch lấy ý kiến phản hồi về các hoạt động giáo dục, đào tạo cho các đối tượng là học viên đang học tập, học viên sắp tốt nghiệp, cựu học viên, lãnh đạo các đơn vị sử dụng lao động về hoạt động đào tạo của Nhà trường, đặc biệt là đối với hệ Đại học; từ đó xác định mức độ đáp ứng của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và các yếu tố đảm bảo chất lượng đào tạo đại học; tạo kênh thông tin giúp cho Ban Giám hiệu Nhà trường, lãnh đạo các khoa có thêm cơ sở để đánh giá chất lượng giảng dạy của từng giảng viên, phát hiện nhân rộng các mô hình, sáng kiến trong dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Đặc biệt, bất kịp xu thế chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo, công tác khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng của nhà trường cũng có sự chuyển mình quyết liệt. Để đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường Đại học PCCC đã đầu tư 01 phòng giám sát phục vụ kiểm tra, giám sát các giảng đường, lớp học, phòng chấm thi tập trung và nhiều máy móc, trang thiết bị hiện đại. Hệ thống máy chủ, hệ thống Camera giám sát các Phòng học lý thuyết, Phòng học thực hành Tiếng Anh, Tin học, Phòng chấm thi được kết nối giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, theo dõi tình hình lên lớp của giảng viên, học viên, công tác kiểm tra, giám sát thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh.... Bên cạnh đó, hướng tới sự chuyên nghiệp, nhà trường đã chủ động nghiên cứu và ứng

dụng công nghệ thông tin, số hóa tài liệu, chủ động xây dựng và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý, điều hành phục vụ công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng như: Phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, đáp án, tổ chức thi và xử lý kết quả thi – TEST PRO; Phần mềm quản lý điểm thi kết thúc học phần của Trường Đại học PCCC; Phần mềm ZIPGRAPE và SPSS 20.0; Phần mềm quản lý thông tin minh chứng hay xây dựng Chuyên mục Lấy ý kiến phản hồi trên Website trực tuyến của nhà trường... đã góp phần quản lý, khai thác và truy xuất dữ liệu nhanh chóng, dễ dàng, đánh giá tình hình, kết quả học tập, giảng dạy của học viên, giảng viên nhà trường trở nên khoa học, thuận lợi và chính xác.

Bên cạnh những kết quả, thành tích đạt được, qua thực tiễn những năm học vừa qua, việc triển khai công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo tại Trường Đại học PCCC còn bộc lộ một số khó khăn và vướng mắc cần phải khắc phục, cụ thể:

Một là, vẫn còn một bộ phận nhỏ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc thực hiện công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo tại đơn vị dẫn đến đôi lúc còn thiếu quan tâm, chưa quyết liệt trong lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo đã được củng cố, kiện toàn, tuy nhiên số cán bộ có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực công tác khảo thí, đo lường và đánh giá trong giáo dục còn ít, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo trong tình hình mới.

Hai là, hệ thống văn bản quản lý, quy định về công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo đã được Bộ Công an quan tâm xây dựng, ban hành, tuy nhiên vẫn còn chưa đầy đủ và đồng bộ, thống nhất, còn rải rác ở nhiều văn bản khác nhau. Việc triển khai chức năng nhiệm vụ giữa đơn vị Phòng Bảo đảm chất lượng đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo và bồi dưỡng nâng cao và một số đơn vị chức năng có liên quan đến nhiệm vụ của công tác khảo thí đôi lúc còn chồng chéo, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình phối hợp, tham mưu triển khai thực

hiện công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo.

Ba là, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ triển khai hoạt động khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo trong Nhà trường đã được Bộ Công an quan tâm đầu tư, tuy nhiên vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số. Một số phòng học, phòng thi tại 03 cơ sở đào tạo của nhà trường còn chưa có hệ thống Camera giám sát; số phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo còn ít. Hệ thống cơ sở dữ liệu về khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo chưa được hoàn thiện, liên thông, đồng bộ.

Bốn là, việc tổ chức hoạt động thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên còn một số tồn tại: nội dung thi, kiểm tra mới chỉ tập trung đánh giá, kiểm tra kiến thức của học viên, mà chưa chú trọng đến đánh giá kỹ năng vận dụng, sáng tạo giải quyết tình huống, đánh giá thái độ của học viên; việc lựa chọn hình thức thi kết thúc học phần, đánh giá môn học tuy đa dạng, phong phú nhưng trong một số trường hợp vẫn còn chưa thực sự phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu của học phần (môn học), vì vậy, chưa hoàn toàn đánh giá hết được khả năng đáp ứng chuẩn đầu ra của học viên Nhà trường.

Năm là, công tác tổ chức lấy ý kiến phản hồi về hoạt động giáo dục, đào tạo của nhà trường đạt hiệu quả chưa thật sự cao, một bộ phận học viên do chưa nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác lấy ý kiến phản hồi nên còn trả lời qua loa, đại khái, dẫn đến kết quả khảo sát chưa thực sự chính xác. Còn một số Công an, đơn vị địa phương chưa tham gia tích cực, phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi ở địa phương. Vì vậy, kết quả lấy ý kiến phản hồi chưa góp phần lớn trong việc cải tiến chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường.

Sáu là, kinh phí phục vụ các hoạt động khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo còn hạn chế, chưa có định mức chi cho các hoạt động khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo, gây khó khăn cho Nhà trường trong việc triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn.

3. Một số giải pháp thực hiện đổi mới hiệu quả công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị

Để phát huy những kết quả của công khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo đã đạt được trong thời gian vừa qua, tiến tới nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường, góp phần đưa Trường Đại học PCCC đạt chuẩn quốc gia vào năm 2030, nâng tầm trở thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo hàng đầu trên lĩnh vực PCCC&CNCH ở Việt Nam, đáp ứng các mục tiêu mà Nghị quyết 71 đã đề ra, Trường Đại học PCCC cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

Một là, tiếp tục quán triệt đầy đủ, sâu sắc, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của ngành Công an về công tác giáo dục đào tạo nói chung và công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo nói riêng, nhất là tinh thần của Nghị quyết số 71 cũng như 04 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị ban hành gần đây (Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân); Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW; tiếp tục thực hiện thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.... Đây là các Nghị quyết của hành động, Nghị quyết thay đổi tư duy để đột phá phát triển. Các Nghị quyết này là nền tảng quan trọng để giáo dục đại học nói chung và giáo dục trong lực lượng CAND nói riêng cất cánh.

Hai là, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện, thực hiện cơ chế quản trị tinh gọn, tập trung, giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện. Tiếp tục củng cố vững chắc, vận hành hiệu quả và đảm bảo nguyên tắc: “*Công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng của nhà trường phải được đặt dưới sự chỉ đạo, giám sát toàn diện của Đảng ủy, Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám hiệu*”, thể hiện bằng các chương trình hành động cụ thể, các Nghị quyết chuyên đề nhằm thường xuyên cập nhật, cải tiến và nâng cao chất lượng công tác này. Đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhưng vẫn bảo đảm sự tập trung, thống nhất cao, để vừa phát huy rõ nét vai trò nêu gương, trách nhiệm chính trị và quyền hạn của người đứng đầu trong quản lý nhà trường; đồng thời thiết lập hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục định kỳ, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Ba là, tiếp tục tăng cường hoạt động phổ biến, tuyên truyền để đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, học viên, công nhân viên của nhà trường nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đạo đức nhà giáo với phương châm “*thầy ra thầy, trò ra trò*”, “*coi trọng danh dự người thầy*”. Đồng thời tăng cường tuyên truyền về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của công tác khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo, coi đây là hoạt động then chốt, giúp nhà trường nhận rõ điểm mạnh, điểm yếu, đưa ra các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, “*xây dựng văn hóa học đường, văn hóa chất lượng, thực học, thực nghiệp*”, nhằm khẳng định vị thế của nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu mà thực tiễn đòi hỏi.

Bốn là, Trường Đại học PCCC tiếp tục tập trung củng cố mạnh mẽ và nhanh chóng hoàn thiện hệ thống các văn bản trong hoạt động khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo trong nhà trường theo hướng đồng bộ, có hệ thống. Các khâu, các công việc cụ thể phải được quy trình hóa, chuẩn hóa, lượng hóa cả về nội dung công việc và tiêu chuẩn cán bộ thực hiện trên cơ sở vừa phải đáp ứng quy định, yêu cầu mới của hệ thống giáo dục đại học quốc gia, vừa phải bảo đảm các tiêu chuẩn riêng theo quy định của ngành Công an để tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình đổi mới.

Tham mưu, đề xuất Bộ Công an sớm hoàn thiện và ban hành thống nhất các quy định cụ thể liên quan hoạt động khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng như: quy định, hướng dẫn thực hiện công tác bảo đảm chất lượng bên trong của các cơ sở giáo dục đại học trong CAND; Quy định về quy chế thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên trình độ sau đại học trong CAND và các loại hình đào tạo khác trong CAND; hay chính sách tài chính cho hoạt động khảo thí, kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo.... để kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt, tạo sự thống nhất trong triển khai hoạt động.

Năm là, tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức thi, phương pháp thi, kiểm tra đánh giá, đảm bảo đánh giá trung thực kết quả học tập, giảng dạy của học viên, giảng viên theo hướng “đánh giá đúng năng lực người học”; phù hợp với chủ trương đột phá phát triển giáo dục đào tạo và đặc thù của ngành Công an trên cơ sở bám sát mục tiêu đào tạo của từng hệ, loại hình, từng cấp trình độ đào tạo, từng học phần, môn học. Hệ thống ngân hàng đề thi, kiểm tra phải đo và đánh giá được mục tiêu cụ thể của từng học phần, môn học trên cơ sở mục tiêu chung của chuyên ngành và trình độ đào tạo. Nội dung thi, kiểm tra phải chuyển hướng theo phương pháp giáo dục hiện đại, tích cực; khuyến khích người học tăng cường tự học, trải nghiệm sáng tạo, có sự duy độc lập để vận dụng các kiến thức, kỹ năng, năng lực vào giải quyết các tình huống nghiệp vụ cụ thể. Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi kết thúc học phần (môn học), thi tốt nghiệp, giám sát chặt chẽ các khâu coi thi, chấm thi đảm bảo khách quan, công bằng và “đánh giá đúng năng lực người học”.

Sáu là, thiết lập quy trình xây dựng và phát triển “*Văn hóa chất lượng, thực học, thực nghiệp, gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo*” trong nhà trường hướng tới tạo môi trường công tác lành mạnh, khách quan, dân chủ, khoa học. Hoàn thiện mô hình đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kiểm soát chất lượng và cải tiến chất lượng đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu và yêu cầu chất lượng, mục tiêu kiểm định chất lượng nhà trường và chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng của từng lĩnh vực và từng hoạt động; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất

lượng; hoàn thiện hệ thống quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cho từng nội dung của các lĩnh vực quản lý chất lượng trong nhà trường.

Bảy là, tiếp tục duy trì có thường xuyên, liên tục việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi về các mặt công tác của nhà trường. Tránh việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi một cách hình thức, không đạt hiệu quả và ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Tăng cường phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để tổ chức lấy ý kiến phản hồi về hoạt động giáo dục, đào tạo của nhà trường. Đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến phản hồi, đặc biệt là đẩy mạnh việc triển khai lấy ý kiến phản hồi thông qua hệ thống Website trực tuyến của nhà trường (<https://daihocpccc.bocongan.gov.vn/>) cũng như hệ thống mạng nội bộ BCAnet của Bộ Công an....

Tám là, tập trung xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm và giảng viên tham gia vào công tác công tác khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhà trường cần có chiến lược dài hạn trong đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn chuyên sâu về công tác khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo; tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng cao, ra tăng số lượng kiểm định viên của nhà trường để đáp ứng yêu cầu công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo trong CAND bên cạnh việc bồi dưỡng năng lực sư phạm, tin học, ngoại ngữ. Phải xây dựng chính sách ưu đãi, đặc thù để giữ chân cán bộ, giảng viên giỏi, tạo động lực phấn đấu. Đồng thời, khuyến khích mời các chuyên gia có kinh nghiệm, khả năng tư vấn cải tiến, phân tích dữ liệu và đánh giá năng lực đầu ra để hỗ trợ nhà trường thực hiện cải tiến liên tục sau kiểm định.

Chín là, Nghị quyết 71-NQ/TW quy định dành tối thiểu 03% tổng chi ngân sách cho giáo dục Đại học, ưu tiên đầu tư cho giáo dục Đại học đã mở ra nguồn lực đầu tư đáng kể, tạo cơ hội để các trường CAND từng bước hiện đại hóa cơ sở đào tạo. Đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư, nâng cấp, khai thác hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật có sẵn để đáp ứng tốt nhất cho mọi mặt công tác của nhà trường trong đó có công tác khảo thí,

kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo. Đặc biệt, bên cạnh việc quản lý, sử dụng có hiệu quả hệ thống Camera giám sát đã lắp đặt tại các phòng học, phòng thi, phòng chấm thi tập trung, nhà trường cần mạnh mẽ ứng dụng chuyển đổi số, triển khai hệ thống quản lý trên nền tảng số, thi trực tuyến và quản trị hồ sơ điện tử; sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động lấy ý kiến phản hồi, hay các phương pháp kiểm tra, đánh giá.... Triển khai đồng bộ các phần mềm về công tác khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ được Bộ Công an trang bị trong thời gian tới; liên thông, liên kết với công tác quản lý đào tạo, quản lý học viên và các hoạt động giảng dạy, học tập khác trong nhà trường hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu, “quản trị giáo dục thông minh”, phục vụ xây dựng “trường học số, lớp học thông minh”.

Mười là, tích cực đẩy mạnh hợp tác và chủ động liên kết, chủ động nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm về công tác khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo của các đơn vị bạn, đẩy mạnh hoạt động trao đổi, học tập kinh nghiệm với các cơ sở đào tạo trong và ngoài ngành Công an có thế mạnh về công tác kiểm định, khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo để không ngừng hoàn thiện các quy định, quy trình nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm định, khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, hình thành “văn hóa chất lượng” trong Trường Đại học PCCC để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực CAND đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nghị quyết 71-NQ/TW mở ra thời cơ phát triển đột phá cho giáo dục đại học Việt Nam nói chung và giáo dục, đào tạo trong CAND nói riêng. Song hành với đó là những thách thức đòi hỏi sự nỗ lực đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt và khoa học. Bên cạnh đó, Nghị quyết 71 cũng cộng hưởng với Nghị quyết 57 về đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ sẽ đem đến mô hình đại học mới - đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới để trở thành nòng cốt và đầu tàu đổi mới, dẫn dắt hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Việt Nam. Để đạt được các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 71-NQ/TW, Trường Đại học PCCC

nói riêng và các nhà trường trong lực lượng CAND nói chung cần nhanh chóng có những thể chế hoàn chỉnh, chính sách linh hoạt để hoạt động, đồng thời mỗi nhà trường phải xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng vững mạnh, minh bạch, lấy “văn hóa chất lượng” làm mục tiêu để xây dựng đội ngũ cán bộ CAND, cán bộ PCCC&CNCH “tinh hoa”, “dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo”; đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự trong bối cảnh mới, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập Quốc tế*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”*, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2023), *Đề án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân đến năm 2030 đáp ứng mục tiêu xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*, Hà Nội.
6. Trường Đại học PCCC (2023), *Đề án nâng cao chất lượng công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo Trường Đại học PCCC giai đoạn 2023 – 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-T06-P7 ngày 30/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 12/01/2026; Ngày thẩm định: 22/01/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

PHÁT HUY TINH THẦN VÌ NHÂN DÂN PHỤC VỤ, LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ - CÔNG AN TỈNH GIA LAI THAM GIA ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BÃO, LŨ

Thượng tá NGUYỄN HOÀNG TUẤN

Trưởng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Hoàng Tuấn (Email: Nguyenhoangtuan190574@gmail.com)

Tóm tắt: Thời gian vừa qua, trên địa bàn tỉnh Gia Lai chịu ảnh hưởng nặng nề của cửa bão, mưa lũ. Bài viết tập trung phân tích những kết quả đạt được, những bài học kinh nghiệm rút ra cũng như những kiến nghị đề xuất nhằm tiếp tục phát huy tinh thần xung kích vì nhân dân phục vụ của lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an tỉnh Gia Lai.

Từ khoá: Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, vì nhân dân phục vụ, Công an tỉnh Gia Lai....

Abstract: Recently, Gia Lai Province has been severely impacted by typhoons and flooding. This article focuses on analyzing the outcomes achieved, the lessons learned, and the recommendations proposed to further promote the proactive, people-serving spirit of the Fire and Rescue Police Force of the Gia Lai Provincial Police.

Keywords: Fire and Rescue Police; serving the people; Gia Lai Provincial Police....

1. Tháng 11 năm 2025, trên địa bàn một số tỉnh, trong đó có tỉnh Gia Lai đã chịu ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 13 và mưa lũ trên diện rộng, sạt lở đất, chia cắt giao thông, làm thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về người, tài sản, hạ tầng và ảnh hưởng đời sống Nhân dân. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương cũng như của chính quyền địa phương và Công an tỉnh, trước khi bão đổ bộ vào cũng như thời điểm bão đổ bộ (từ 16 giờ 00 phút ngày 06/11/2025 đến 22 giờ 00 phút ngày 06/11/2025) và công tác khắc phục sau bão; cùng đợt mưa lũ từ 18 - 20/11/2025 và khắc phục hậu quả sau mưa lũ (22 - 23/11/2025), lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai đã đồng lòng, đồng sức cùng chính quyền, Công an các đơn vị, địa phương, phát huy tinh thần vì nhân dân phục vụ, không ai bị bỏ lại phía sau, đã làm tốt công tác chuẩn

bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, tham gia ứng phó và giúp dân khắc phục hậu quả sau bão cũng như sau mưa, lũ lụt xảy ra trên địa bàn.

2. Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai đã làm tốt công tác tham mưu, trong đó, điển hình là đã tham mưu Giám đốc Công an tỉnh ban hành Công văn số 3838/CAT-PC07 ngày 06/11/2025 về sẵn sàng ứng phó với diễn biến bão Kalmaegi, trực tiếp ban hành 08 văn bản, thông báo triển khai thực hiện nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Công an tỉnh về ứng phó bão số 13; 02 văn bản về ứng phó mưa, lũ.

Với tinh thần xung kích, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã làm tốt công tác chuẩn bị ứng phó trước khi cơn bão đến. Đã tổ chức rà soát, kiểm tra toàn bộ các phương tiện, thiết bị phục vụ phòng chống

lũ lụt, đảm bảo cán bộ, chiến sỹ sử dụng thành thạo phương tiện, thiết bị khi làm nhiệm vụ; bổ sung, dự trữ nhiên liệu cho các phương tiện. Qua đó, có phương án điều động phương tiện và lực lượng điều khiển, vận hành phương tiện cụ thể (30 xe chữa cháy, 03 xe thang, 04 xe CNCH, 5 xe chở nước, 6 xe chỉ huy, 02 xe chở phương tiện, 02 xe cứu thương, 05 ca nô chữa cháy, 04 xuồng CNCH, cùng các phương tiện khác: 17 máy cưa, 10 máy cắt, 46 đèn pin, 52 dây CNCH, 06 thiết bị phóng dây, 14 phao bè, 473 áo phao, 373 phao cứu sinh...); cùng với lực lượng thường trực có mặt tại đơn vị với 329 đồng chí tham gia ứng phó mưa, lũ, ngoài ra cử 35 đồng chí tham gia lực lượng xung kích Công an tỉnh. Trong thời gian bão số 13 đổ bộ, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã triển khai 31 lượt phương tiện và 227 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức các hoạt động cứu người do mưa, bão tác động gây sập đổ nhà, công trình, phương tiện giao thông không thể di chuyển, người bị mắc kẹt do nước dâng làm cô lập. Nhằm khắc phục hậu quả do bão gây ra, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh đã huy động tối đa lực lượng, phương tiện để tham gia các hoạt động khắc phục tình trạng sập đổ nhà, công trình, cây xanh bị ngã đổ... với 63 lượt phương tiện (xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ, máy cưa, máy cắt...) cùng 545 lượt cán bộ, chiến sỹ. Tiếp đó, trong thời gian mưa lớn, gây ngập lụt (từ ngày 18/11 đến ngày 20/11), lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh đã triển khai 245 lượt phương tiện, thiết bị và 1.250 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức các hoạt động cứu người, di chuyển tài sản do nước dâng làm cô lập nhà dân, nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng người dân là rất cao. Nhằm khắc phục hậu quả do lũ lụt gây ra, đơn vị đã huy động tối đa lực lượng, phương tiện để tham gia các hoạt động khắc phục tình trạng bùn đất trong các cơ sở dịch vụ công cộng, ngập úng, thiết nước sinh hoạt, lương thực, nhu yếu phẩm... với 123 lượt phương tiện (xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ, xe chở quân...) cùng 802 lượt cán bộ, chiến sỹ.

Với sự chuẩn bị sẵn sàng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, hướng đến bảo đảm an toàn, tính mạng cũng như tài sản cho người dân, dưới sự chỉ đạo

đồng bộ của chính quyền tỉnh, Công an tỉnh, công tác ứng phó với bão, mưa, lũ và cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ nhân dân được triển khai nhanh chóng. Trước thời điểm bão đổ bộ, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã triển khai 31 lượt phương tiện cùng 169 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia hỗ trợ gia cố nhà cửa đối với 38 hộ, di dời 454 hộ với 1.056 lượt người, kiểm tra 10 điểm xung yếu có nguy cơ sạt lở, đập tràn; hỗ trợ cơ sở, nhân dân cắt tỉa cây xanh tại 42 điểm có nguy cơ ngã đổ. Trong thời điểm bão đổ bộ (từ 16 giờ 00 phút ngày 06/11/2025 đến 22 giờ 00 phút ngày 06/11/2025): Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai tiếp nhận tin cứu nạn, cứu hộ và triển khai 31 lượt phương tiện cùng 227 lượt cán bộ, chiến sỹ trực tiếp xử lý 20 vụ, tổ chức cứu 68 người (02 người bị thương, 02 người khuyết tật, 01 bé sơ sinh). Diễn hình, vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 06/11/2025, đơn vị triển khai 01 xe cứu thương cùng 21 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức sơ tán, cứu 06 người (01 bé sơ sinh dưới 01 tháng tuổi) tại nhà số 35/9 Hà Huy Tập, phường Quy Nhơn và đưa đến trụ sở Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH an toàn; vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 06/11/2025, đơn vị triển khai 02 lượt xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cùng 17 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức xử lý sự cố, tai nạn tại nhà số 405/11A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Quy Nhơn Nam, cứu được 03 người bị nạn (Nguyễn Thị Nhân, Nguyễn Thị Nhân Triều (khuyết tật), Nguyễn Thị Phương) và đưa đến trụ sở Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH an toàn. Không dừng lại ở đó, sau khi cơn bão đi qua, công tác cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau bão được đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện. Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Gia Lai đã triển khai 258 lượt phương tiện cùng 3.785 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức cứu được 31 người bị nạn bị cô lập do nước lũ dâng, mắc kẹt trên cao; tham gia hỗ trợ gia cố, khắc phục sập đổ nhà cửa đối với 216 hộ; hỗ trợ chính quyền địa phương, cơ sở, nhân dân cắt tỉa cây xanh bị ngã đổ tại 554 điểm, khu vực, vệ sinh tại 35 cơ sở, trường học và nhiều tuyến đường trên địa bàn phường Quy Nhơn, hỗ trợ khắc phục sạt lở tại 09 điểm, cung cấp nước sạch tại nhiều khu vực. Diễn hình, rạng sáng ngày 07/11/2025, đơn vị đã triển khai

01 xe chữa cháy cùng 07 cán bộ, chiến sỹ tổ chức xử lý sự cố, tai nạn tại khu vực bãi cát thuộc xã Ia Tul, Gia Lai và cứu được 11 người bị cô lập; sáng ngày 08/11/2025, lực lượng đã triển khai 01 xe cứu nạn, cứu hộ, 07 cán bộ, chiến sỹ cùng các phương tiện cá nhân trực tiếp khắc phục tình trạng mái nhà bị sụp đổ với diện tích trên 200m² tại Trường Mầm non Hoa Sen, địa chỉ: đường 31/3, phường Quy Nhơn (đến nay đang tiếp tục thực hiện).

Trong đợt mưa lũ từ ngày 18/11/2025 đến ngày 20/11/2025, công tác cứu nạn, cứu hộ trong thời điểm mưa lớn, lũ lụt cũng được lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH tham gia ứng phó, giúp đỡ nhân dân. Việc tiếp nhận tin thông tin cứu nạn, cứu hộ bằng hình thức trực tiếp, qua tổng đài 114, điện thoại cá nhân và triển khai 245 lượt phương tiện cùng 1.250 lượt cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tổ chức cứu 4.952 người di chuyển đến khu vực an toàn (trong đó có nhiều trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, người khuyết tật, người già). Điển hình, vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 18/11/2025, đơn vị triển khai 01 xe chở quân, 01 xuồng máy cùng 14 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức cứu 07 người (trong đó có bé mới 01 tuổi, Nguyễn Võ Hải Đăng) tại khu vực hẻm đường Hùng Vương, phường Quy Nhơn Bắc; vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/11/2025, đơn vị triển khai 01 lượt xe chở quân, 01 xuồng máy cùng 39 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức cứu cùng lúc 22 người bị nạn (trong đó có cụ Phạm Thị Hương 100 tuổi, bé Nguyễn Thị An Yên sinh năm 2025) tại khu vực Chợ Dinh, phường Quy Nhơn Đông. ... Từ ngày 22 - 23/11/2025, để giúp nhân dân khắc phục hậu quả sau lũ, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã triển khai 173 lượt phương tiện cùng 1.054 lượt cán bộ, chiến sỹ tổ chức vệ sinh, khắc phục tình trạng bùn đất tại 16 trường học và 30 nhà dân xung quanh trường, 02 bệnh viện, 01 làng SOS (Làng SOS Children's Village Quy Nhơn), 05 công trình công cộng, trụ sở làm việc, 10 cơ sở, 02 tuyến đường (Trần Quốc Hoàng, Lạc Long Quân, KCN Phú Tài, phường Quy Nhơn Bắc) và 01 khu dân cư (lò gạch Phường Ayun Pa); hỗ trợ tiếp lương thực, nhu yếu phẩm với 5.557 suất, chuyển nhu yếu phẩm đến 2.522 hộ; hút nước chống ngập tại 02 địa điểm (Chung cư Ecohome Nhơn Bình, Công ty

TNHH Asean); cung cấp nước sạch cho người dân tạm lánh nạn tại trụ sở Phòng Cảnh sát Giao thông....

3. Với kết quả đó, càng thể hiện tinh thần xung kích của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, không chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước về PCCC, CNCH mà còn làm tốt công tác tham mưu, đề xuất, công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và đặc biệt đã thực hiện tốt trách nhiệm trước nhân dân, phát huy cao độ tinh thần vì nhân dân phục vụ, sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân trong thiên tai. Qua đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, bám sát chỉ đạo của lãnh đạo Công an tỉnh, tập thể lãnh đạo đơn vị đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ phòng, chống bão, mưa, lũ. Điều đó thể hiện rõ nét bằng việc đã tham mưu ban hành 01 văn bản và trực tiếp ban hành 10 văn bản tổ chức triển khai thực hiện. Tất cả lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ, chiến sỹ đều đồng lòng, đồng sức, đoàn kết, huy động sức mạnh tổng hợp của tập thể để thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc, hướng đến vì nhân dân phục vụ, giúp đỡ, hỗ trợ nhân dân khi thiên tai xảy ra.

Hai là, làm tốt công tác chuẩn bị sẵn sàng trong ứng phó trước, trong và sau khi cơn bão đi qua, kể cả trong mưa lũ và sau mưa lũ. Điều đó thể hiện rõ trong việc lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai đã chủ động phương án trong huy động lực lượng, phương tiện cứu nạn, cứu hộ và hỗ trợ khắc phục sau bão, lũ, có giải pháp đảm bảo an toàn tại các trụ sở làm việc, chuẩn bị đầy đủ máy phát điện và nhiên liệu dự phòng để phục vụ duy trì thường xuyên công tác thường trực, chiến đấu; kịp thời thông báo thông tin liên lạc các địa bàn để hỗ trợ khi có sự cố, tai nạn xảy ra; đảm bảo công tác phối hợp giữa các lực lượng trong ứng phó và khắc phục hậu quả. Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, kịp thời triển khai lực lượng xử lý các tình huống sự cố, tai nạn, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai đã tổ chức cứu được 5.051 người đưa đến khu vực an toàn do bão, sụp đổ công trình, nước lũ cô lập ở các địa bàn của tỉnh.

Ba là, thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ, truyền thống

của lực lượng, của Công an địa phương và đơn vị. Mục đích cuối cùng là bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe cũng như bảo toàn về tài sản cho người dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại xảy ra. Bằng việc giáo dục chính trị tư tưởng thường xuyên, định kỳ, mỗi cán bộ, chiến sỹ đều thấy trách nhiệm lớn lao trước nhân dân, trước chính quyền và Công an địa phương. Trên cơ sở đó, 100% lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ, chiến sỹ ứng trực và sẵn sàng nhận mệnh lệnh của Ban Chỉ đạo và của Công an tỉnh, chính quyền địa phương huy động.

Bốn là, công tác phối hợp lực lượng cũng là bài học kinh nghiệm được rút ra qua việc lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai tham gia ứng, khắc phục mưa, bão, lũ thời gian vừa qua. Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền và nhất là của Công an tỉnh, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền cấp cơ sở, với lực lượng các lực lượng Công an của tỉnh, với lực lượng Dân phòng, lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Sự phối hợp hiệp đồng, chặt chẽ, thống nhất đã giúp cho việc chủ động ứng phó cũng như khắc phục hậu quả sau mưa, bão, lũ nhanh chóng, ổn định tình hình trong nhân dân.

Từ những bài học kinh nghiệm trên cho thấy, để bảo đảm tiếp tục công tác tham gia ứng phó, khắc phục mưa, bão, lũ gây ra, cùng với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, cần tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, mạng lưới lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trên địa bàn, bổ sung đội ngũ cán bộ, chiến sỹ có năng lực, trình độ chuyên môn, đầu tư, trang bị các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH không chỉ các phương tiện phục vụ công tác PCCC&CNCH mà còn phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương như thời gian vừa ra. Thời gian tới, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai cần tiếp tục phát huy tinh thần sáng tạo, chủ động vì nhân dân phục vụ, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khắc phục, hỗ trợ nhân dân, vượt qua mọi khó khăn, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công an tỉnh Gia Lai (2025), *Các công văn chỉ đạo của Công an tỉnh về việc chủ động triển khai các biện pháp ứng phó cơn bão số 13, mưa lớn, lũ lụt, sạt lở, giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra cũng như tăng cường hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau mưa lũ, bão*, Gia Lai.
2. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Gia Lai (2025), *Báo cáo Tình hình, kết quả công tác ứng phó, khắc phục hậu quả bão, lũ (từ ngày 04/11/2025 đến ngày 23/11/2025)*, Gia Lai
3. Tỉnh ủy Gia Lai (2025), *Công văn số 79-CV/TU, ngày 08/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về việc tăng cường chỉ đạo khắc phục hậu quả cơn bão số 13*, Gia Lai.

Ngày nhận bài: 06/01/2026; Ngày thẩm định: 03/3/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN LÝ, CHỦ RỪNG TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Trung tá, ThS NGUYỄN MẠNH HÀ

Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Mạnh Hà (Email: manhhha225@gmail.com)

Tóm tắt: Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá tình hình cháy, nổ, thực trạng công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, bài viết tập trung phân tích những nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của các Ban Quản lý, chủ rừng trong công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Từ khóa: rừng, nguyên nhân, giải pháp, PCCC, Ban Quản lý, chủ rừng.

Abstract: Based on examination and assessment of forest fire situations and the implementation of forest fire prevention and suppression, this article focuses on analyzing the causes and proposing some strategic solutions to enhance the accountability of forest management boards and owners in forest fire prevention and suppression in Quang Tri province.

Keywords: forest, causes, solutions, fire prevention and suppression, management board, forest owner.

1. Đặt vấn đề

Quảng Trị là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, phía Đông giáp biển với chiều dài bờ biển khoảng 192km, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với đường biên giới dài khoảng 409,98km. Tỉnh có tổng diện tích tự nhiên khoảng 12.700km², dân số trên 1,86 triệu người. Quảng Trị là địa phương có diện tích rừng lớn; đến năm 2025, tổng diện tích rừng ước đạt 780.633ha, trong đó có 596.230ha rừng tự nhiên và 184.402ha rừng trồng. Tài nguyên rừng phong phú, phân bố chủ yếu dọc dãy Trường Sơn, với nhiều khu vực có hệ sinh thái rừng đa dạng như: các khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, Đakrông và các vùng rừng trồng tập trung. Tuy nhiên, địa hình rừng núi trên địa bàn tỉnh phần lớn hiểm trở, phức tạp, diện tích quản lý rộng lớn, gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng.

Trong những năm gần đây, tình hình cháy rừng trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp. Theo thống kê của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, trong 03 năm gần nhất đã xảy ra 18 vụ cháy rừng, gây thiệt hại gần 3 tỷ đồng và ảnh hưởng đến khoảng 52,5ha rừng tự nhiên và rừng trồng. Bên cạnh nguyên nhân do điều kiện nắng nóng kéo dài, vai trò và trách nhiệm của một số chủ rừng cũng như cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế; việc tổ chức các hoạt động phòng cháy tại chỗ và chữa cháy ban đầu chưa đạt hiệu quả cao là một trong những nguyên nhân cơ bản làm gia tăng mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra.

2. Thực trạng công tác quản lý và trách nhiệm của Ban Quản lý, chủ rừng trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

a) Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi rừng được giao quản lý

Qua khảo sát, đánh giá cho thấy đa số các chủ rừng là Ban Quản lý rừng và các tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất, giao rừng đã thực hiện tương đối tốt trách nhiệm tổ chức triển khai các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng. Trong 09 đơn vị chủ rừng trên địa bàn toàn tỉnh được khảo sát, phần lớn lãnh đạo các đơn vị đều quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác PCCC rừng; đã xây dựng, ban hành nội quy, quy chế, quy trình PCCC rừng phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng khu vực rừng quản lý; tổ chức phổ biến, quán triệt và yêu cầu cán bộ, người lao động, lực lượng bảo vệ rừng thực hiện nghiêm túc. Bên cạnh đó, các đơn vị đã chủ động duy trì và bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC rừng theo quy định, như: phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân; tổ chức lực lượng PCCC rừng tại chỗ; thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát lửa trong rừng và ven rừng vào thời kỳ cao điểm nguy cơ cháy rừng; xây dựng và cập nhật phương án PCCC rừng theo từng cấp dự báo cháy; lồng ghép nội dung PCCC rừng vào kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng hàng năm. Qua đó, công tác phòng ngừa cháy rừng tại nhiều khu vực đã có chuyển biến tích cực, góp phần hạn chế số vụ cháy và mức độ thiệt hại xảy ra.

b) Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch phòng cháy và chữa cháy đối với khu vực rừng mình quản lý

Qua khảo sát thực tế hồ sơ quản lý về phòng cháy, chữa cháy rừng của 09 đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho thấy, có 06/09 đơn vị chiếm tỷ lệ 66,7% đã xây dựng phương án chữa cháy rừng. Đối với các chủ rừng là hộ gia đình và cá nhân được nhà nước giao đất, giao rừng, qua khảo sát 100 chủ rừng cho thấy chỉ có 15 chủ rừng đã xây dựng phương án chữa cháy rừng, chiếm tỷ lệ 15% trên tổng số phương án theo quy định phải xây dựng. Phần lớn các hộ gia đình, cá nhân còn thiếu hiểu biết đầy đủ về trách nhiệm lập phương án PCCC rừng, chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc chưa chủ động thực hiện, dẫn đến khoảng trống lớn trong công tác phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi xảy ra cháy rừng.

c) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCC rừng; thành lập và duy trì hoạt động của Tổ, Đội PCCC rừng

Trong những năm qua, Ban Quản lý, các chủ rừng và các tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất, giao rừng đã quan tâm tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; đồng thời thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC rừng hàng năm cho lực lượng tại chỗ. Qua công tác tuyên truyền, nhận thức và ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC rừng của cán bộ, người lao động và người dân sinh sống, sản xuất trong và ven rừng từng bước được nâng lên; nhiều chủ rừng đã chủ động xây dựng phương án PCCC rừng, thành lập lực lượng xung kích, chuẩn bị một số trang thiết bị, phương tiện phục vụ chữa cháy ban đầu.

c) Công tác kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng và xử lý các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy rừng

Công tác kiểm tra an toàn PCCC rừng luôn được các chủ rừng quan tâm và xác định là một trong những nội dung trọng tâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Các đơn vị chủ rừng đã chủ động tổ chức duy trì hoạt động tự kiểm tra an toàn PCCC rừng theo quy định; thường xuyên đôn đốc cán bộ, công nhân viên và lực lượng bảo vệ rừng chấp hành nghiêm các nội quy, quy định về PCCC rừng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thông qua công tác tự kiểm tra, các chủ rừng đã kịp thời phát hiện, nhắc nhở và chấn chỉnh các hành vi có nguy cơ gây mất an toàn về cháy rừng; từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm của lực lượng tại chỗ trong việc tuân thủ các quy định về sử dụng lửa trong rừng và ven rừng, cũng như trong công tác quản lý nguồn lửa, nguồn nhiệt.

Bên cạnh đó, các chủ rừng đã phối hợp tương đối tốt với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và Kiểm lâm trong các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất; nghiêm túc tiếp thu các ý kiến hướng dẫn, kiến nghị của cơ quan chức năng và từng bước tổ chức triển khai các biện pháp khắc phục nhằm bảo đảm điều kiện an toàn về PCCC rừng theo thẩm quyền. Công tác xử lý, nhắc nhở các hành vi vi phạm quy định về PCCC rừng được thực hiện kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa và hạn chế nguy cơ xảy ra cháy rừng trên địa bàn.

e) Công tác đầu tư, trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy chữa cháy rừng

Thực hiện quy định tại Khoản 1, Điều 50, Luật Phòng cháy và chữa cháy, các cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ rừng trên địa bàn tỉnh đã quan tâm triển khai công tác trang bị phương tiện, dụng cụ phục vụ phòng cháy và chữa cháy rừng trong phạm vi quản lý. Qua kết quả kiểm tra định kỳ tại 09/09 đơn vị chủ rừng cho thấy, tất cả các đơn vị đều đã thực hiện việc trang bị các phương tiện, dụng cụ PCCC rừng cần thiết, bước đầu đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác phòng ngừa và xử lý cháy rừng tại chỗ. Nhiều đơn vị chủ rừng đã chủ động đầu tư các phương tiện cơ bản như máy bơm chữa cháy, dụng cụ thủ công và một số phương tiện cơ giới phục vụ công tác mở đường băng cản lửa, tiếp cận hiện trường khi xảy ra cháy rừng. Cụ thể, có 08/09 chủ rừng đã được trang bị máy bơm chữa cháy; 04/09 chủ rừng có máy ủi phục vụ công tác PCCC và khắc phục hậu quả sau cháy rừng. Việc trang bị này đã góp phần nâng cao khả năng cơ động, xử lý ban đầu và hỗ trợ hiệu quả cho lực lượng tại chỗ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, các đơn vị chủ rừng đã quan tâm bố trí nguồn kinh phí nhất định cho hoạt động PCCC rừng, từng bước lồng ghép nội dung đầu tư trang thiết bị, phương tiện PCCC rừng vào kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng hàng năm. Việc chủ động bảo đảm kinh phí đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác duy trì lực lượng, phương tiện và triển khai các biện pháp phòng ngừa cháy rừng theo quy định hiện hành của nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý và trách nhiệm của các Ban Quản lý, chủ rừng trong công tác PCCC rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Những hạn chế này là một trong các nguyên nhân làm cho tình hình cháy rừng trên địa bàn vẫn còn xảy ra, gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội và tình hình an ninh, trật tự của địa phương.

(1) Trong công tác tổ chức thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn và biện pháp về PCCC rừng, nhiều chủ rừng vẫn còn lúng túng, thụ động, chủ yếu dựa vào sự hướng dẫn, hỗ trợ của lực

lượng Cảnh sát PCCC. Một số chủ rừng còn có biểu hiện lơ là, thiếu trách nhiệm, chưa nhận thức đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác PCCC rừng, còn coi đây là nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Do đó, việc đầu tư về nhân lực và kinh phí cho công tác này chưa được quan tâm đúng mức; việc tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC rừng tại nhiều khu vực còn mang tính hình thức, đối phó, chưa thực chất.

(2) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, huấn luyện kiến thức và nghiệp vụ PCCC rừng còn nhiều hạn chế. Việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền, huấn luyện của các chủ rừng phần lớn còn phụ thuộc vào cán bộ kiểm tra an toàn PCCC phụ trách cơ sở; nhiều kế hoạch phải do lực lượng kiểm tra PCCC trực tiếp xây dựng hoặc nhắc nhở, kiến nghị thông qua biên bản kiểm tra thì mới được triển khai, dẫn đến tiến độ tổ chức thực hiện chậm, thiếu tính chủ động. Hoạt động tuyên truyền về PCCC rừng chưa được duy trì thường xuyên, chưa được tổ chức sâu rộng đến các cơ quan, tổ chức hoạt động trong rừng, ven rừng và các hộ dân cư sinh sống trong rừng, ven rừng. Đặc biệt, đa số các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân chưa được tham gia tuyên truyền, huấn luyện đầy đủ về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ PCCC rừng.

(3) Nguồn ngân sách bố trí cho công tác PCCC rừng chưa được quan tâm thỏa đáng. Qua rà soát cho thấy, 09/09 đơn vị chủ rừng và 100/100 chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân chưa xây dựng dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC rừng ngay từ đầu năm; việc sử dụng kinh phí cho công tác PCCC rừng vì vậy còn bị động, thiếu kế hoạch. Kinh phí chi trả, hỗ trợ cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng còn hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ và tính chất nguy hiểm của công tác chữa cháy rừng.

Những tồn tại, hạn chế trong công tác PCCC rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân. Nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận Ban Quản lý, chủ rừng về công tác PCCC rừng chưa đầy đủ, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào lực lượng chuyên trách. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện tại cơ sở chưa chủ động, chưa sát với điều kiện thực tế của từng khu rừng. Công tác tuyên truyền, huấn

luyện kiến thức và nghiệp vụ PCCC rừng chưa thường xuyên, chưa bao phủ đầy đủ các nhóm đối tượng, nhất là chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân; nguồn lực đầu tư cho công tác PCCC rừng còn hạn chế, việc bố trí kinh phí chưa được quan tâm đúng mức. Điều kiện địa hình phức tạp và tác động của thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài làm gia tăng nguy cơ cháy rừng và gây khó khăn cho công tác phòng ngừa, chữa cháy.

Những nguyên nhân nêu trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tăng cường vai trò, trách nhiệm của các ban quản lý, chủ rừng; đồng thời có giải pháp đồng bộ về cơ chế, nguồn lực, tổ chức và ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCCC rừng trong thời gian tới.

3. Giải pháp nâng cao trách nhiệm của ban quản lý, chủ rừng trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Một là, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Trị đã triển khai nhiều biện pháp nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác quản lý, bảo vệ rừng và PCCC rừng, từng bước trao quyền chủ động cho chính quyền các cấp, thực hiện phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp. Để nâng cao trách nhiệm của các chủ rừng trong công tác PCCC rừng, cần tiếp tục quy hoạch hợp lý vùng sản xuất nương rẫy, tạo điều kiện thuận lợi cho chương trình định canh, định cư gắn với bảo vệ rừng; thực hiện chính sách đổi mới kinh tế lâm nghiệp, tạo điều kiện cho nhiều thành phần kinh tế tham gia bình đẳng vào các hoạt động lâm nghiệp. Đồng thời, tăng cường bám sát cơ sở, bám dân, bám rừng để bảo vệ rừng từ gốc; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người dân và cộng đồng trong công tác PCCC rừng; tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách đưa cán bộ xuống cơ sở phụ trách địa bàn.

Hai là, xây dựng chương trình, kế hoạch quản lý an toàn PCCC rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2025 - 2030.

Xây dựng chương trình và kế hoạch PCCC rừng hàng năm theo hướng ưu tiên tập trung nguồn lực cho các vùng trọng điểm có nguy cơ cháy cao; quản lý đồng bộ các hoạt động PCCC rừng trên phạm vi toàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện quy trình

PCCC rừng gắn với đặc điểm chất cháy; bổ sung, hoàn thiện hệ thống cấp dự báo cháy rừng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Thiết lập bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng từ cấp tỉnh đến cấp xã, thôn, bản; ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám để phát hiện sớm cháy rừng trên cơ sở khai thác dữ liệu MODIS. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và kỹ thuật PCCC rừng thông qua các đề tài, dự án cấp tỉnh nhằm xây dựng các khu rừng an toàn về lửa, giảm thiểu mức độ thiệt hại khi xảy ra cháy. Đồng thời, nghiên cứu khai thác các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng như hấp thụ khí CO₂, phòng hộ đầu nguồn, du lịch sinh thái... để tái đầu tư cho công tác PCCC rừng tại các vùng trọng điểm và góp phần nâng cao đời sống người dân địa phương.

Ba là, hoàn thiện cơ chế chính sách, bảo đảm nguồn lực tài chính và tăng cường giáo dục cộng đồng.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCCC rừng theo hướng phân cấp rõ trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp xã, thôn trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động PCCC rừng, phát huy vai trò của cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân được giao rừng theo nguyên tắc nhà nước và nhân dân cùng hưởng lợi từ rừng. Tăng cường tổ chức bộ máy và thể chế cho hệ thống PCCC rừng; trước mắt ưu tiên đào tạo, trang bị cho các Ban Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có vai trò quan trọng. Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho công tác PCCC rừng; sử dụng hiệu quả các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và hoạt động khai thác, chế biến lâm sản để tái đầu tư cho PCCC rừng ở cả ba loại rừng. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn xã một cách hệ thống nhằm nâng cao năng lực hỗ trợ chính quyền cơ sở, cộng đồng dân cư và các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân; đặc biệt chú trọng các xã vùng sâu, vùng xa. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo kiến thức quản lý cháy rừng, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học cho người dân và chủ rừng.

Bốn là, hoàn thiện quy chế phối hợp và tăng cường chỉ đạo, điều hành giữa các lực lượng trong công tác PCCC rừng.

Thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo các vấn đề cấp bách về PCCC rừng ở các cấp. Tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế phối hợp giữa các lực lượng liên quan trong công tác PCCC rừng, đặc biệt là giữa Chi cục Kiểm lâm và Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Quảng Trị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao. Xác định đây là giải pháp then chốt nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, chữa cháy và trách nhiệm của các chủ rừng, xây dựng Quy chế phối hợp giữa các chủ rừng trong công tác PCCC rừng thực hiện theo các nội dung: trong trao đổi, xử lý thông tin, tình hình và huy động lực lượng trong công tác PCCC rừng; sự phối hợp trong kiểm tra, xử lý các vi phạm quy định về PCCC rừng trên địa bàn quản lý và giáp ranh; trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về PCCC rừng; huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho các tổ, đội PCCC rừng; sự phối hợp trong xây dựng và thực tập phương án PCCC rừng; trong đầu tư, trang bị phương tiện, dụng cụ PCCC rừng và bảo đảm kinh phí đầu tư cho hoạt động PCCC rừng; trách nhiệm của các bên trong thực hiện công tác PCCC rừng và các chế tài xử lý đối với chủ rừng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung theo quy chế đề ra.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2024), *Luật PCCC&CNCH năm 2024*, Hà Nội.
2. Quốc hội (2017), *Luật Lâm nghiệp năm 2017*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2018), *Nghị định số 156 NĐ/CP ngày 16/11/2018 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và NĐ/CP số 83/2020 ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156 NĐ/CP*, Hà Nội.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024), *Thông tư số 14/TT-BNN-PTNT Quy định về Phòng cháy chữa cháy rừng*, Hà Nội.
5. UBND tỉnh Quảng Trị (2025), *Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh về tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý rừng, quản lý đất lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng*, Quảng Trị.
6. UBND tỉnh Quảng Trị (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế, xã hội tỉnh Quảng trị năm 2025*, Quảng Trị.

Ngày nhận bài: 11/02/2026; Ngày thẩm định: 03/3/2026; Ngày duyệt đăng:.

CƠ SỞ THUỘC ĐIỆN QUẢN LÝ VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM: BẢN CHẤT PHÁP LÝ, SO SÁNH QUỐC TẾ VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

Đại tá, PGS, TS ĐÀO HỮU DÂN

Nguyên Trưởng Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Đào Hữu Dân (Email: danbm3@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết tiếp cận khái niệm “cơ sở thuộc điện quản lý về phòng cháy, chữa cháy” trong pháp luật Việt Nam. Phân tích bản chất pháp lý, so sánh với cách tiếp cận trong pháp luật phòng cháy, chữa cháy của một số nước phát triển, từ đó đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (PCCC) ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: cơ sở phòng cháy, chữa cháy, đối tượng quản lý phòng cháy, chữa cháy.

Abstract: This article examines the concept of "facilities subject to fire prevention and fighting management" in Vietnamese law. It analyzes the legal nature of these facilities, compares them with the approaches in fire prevention and fighting laws of some developed countries, and proposes guidelines to improve Vietnam's current legal framework for fire prevention and fighting.

Keywords: fire prevention and fighting facilities; subjects of fire prevention and fighting management.

1. Đặt vấn đề

Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) năm 2024 đều xác định “cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC” là đối tượng trung tâm của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Trên nền tảng đó, hệ thống văn bản dưới luật đã xây dựng Danh mục cơ sở, phân cấp thẩm quyền quản lý và thiết lập cơ chế trách nhiệm của chủ cơ sở, chủ hộ gia đình và cá nhân có liên quan.

Tuy nhiên, khái niệm này còn gây tranh luận về bản chất pháp lý và hiệu quả vận hành trong thực tiễn áp dụng. Bài viết tập trung làm sáng rõ nội hàm khái niệm “cơ sở”, so sánh với cách tiếp cận pháp luật PCCC ở một số nước và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật phù hợp với điều kiện quản lý hiện nay.

2. Khái niệm và bản chất pháp lý của “Cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC”

Tại Khoản 7, Điều 2 Luật PCCC&CNCH quy định: “Cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC là nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật thuộc danh mục do Chính phủ quy định. Trong một cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức” [1]. Theo đó, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã ban hành Danh mục cơ sở thuộc điện quản lý về PCCC (Phụ lục I) và Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ tại Phụ lục II [2].

Khái niệm cơ sở được thiết kế không bó hẹp vào một loại hình pháp lý cụ thể (doanh nghiệp, cơ quan, hộ gia đình) mà dựa vào mục đích sử dụng thực tế:

dùng để ở, sản xuất, kinh doanh, làm việc và các mục đích khác. Đồng thời cũng phù hợp với thực tiễn quản lý đa chủ thể trong trường hợp “một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức” như các cơ sở trong khu công nghiệp, trung tâm thương mại, nhà đa năng, là một điểm tiến bộ rõ rệt so với tư duy quản lý cứng nhắc trước đây; tạo cơ sở pháp lý cho việc phân định trách nhiệm PCCC theo phạm vi quản lý thực tế, không thuần túy theo tư cách pháp nhân.

Các quy định về Danh mục cơ sở, Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ đã tạo điều kiện cho phân cấp quản lý về PCCC giữa cơ quan Công an với Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã và các lực lượng khác, giúp giảm tải cho lực lượng Công an, phát huy vai trò quản lý của chính quyền cơ sở, tăng tính chủ động trong công tác phòng ngừa, chủ động xử lý khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra.

Bản chất pháp lý của “cơ sở” trong pháp luật PCCC: *Cơ sở không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy được xác lập trên các tiêu chí chuyên môn PCCC, mà là khái niệm pháp lý – quản lý, trong đó các yêu cầu kỹ thuật PCCC được tích hợp nhằm xác lập phạm vi trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể quản lý, sử dụng.*

Trước hết, cần khẳng định rằng “cơ sở” không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy của lĩnh vực PCCC. Không giống như các khái niệm chuyên môn như: công trình xây dựng, nhà ở, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, bậc chịu lửa hay tải trọng cháy ... vốn được xác lập trên cơ sở các tiêu chí kỹ thuật, thông số chuyên ngành và được chuẩn hóa thông qua hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, khái niệm “Cơ sở” không có nội hàm kỹ thuật độc lập, cũng không được xác định bằng các thông số chuyên môn riêng biệt. Tuy nhiên, việc “Cơ sở” không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy không đồng nghĩa với việc nó đứng ngoài hoặc tách rời các yêu cầu kỹ thuật PCCC. Trái lại, các quy định tại các Điều 19 (Phòng cháy đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công), Điều 20 (Phòng cháy đối với nhà ở), Điều 21 (Phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh), Điều 22 (Phòng cháy đối với phương tiện giao thông) và Điều 23 (Phòng cháy đối với cơ sở) trong Luật PCCC

và CNCH [1] đã cho thấy pháp luật PCCC Việt Nam gắn chặt “Cơ sở” với các quy định về điều kiện an toàn về PCCC, buộc phải bảo đảm và duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Các yêu cầu này không chỉ về mặt tổ chức quản lý mà là các yêu cầu về kỹ thuật, được quy định trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC.

Điểm then chốt nằm ở chỗ pháp luật không sử dụng “Cơ sở” để phân loại đối tượng theo các tiêu chí kỹ thuật, mà sử dụng “cơ sở” như một đơn vị quản lý - pháp lý nhằm tích hợp và vận hành các yêu cầu kỹ thuật đó trong thực tiễn. Nói cách khác, các yếu tố kỹ thuật PCCC là đối tượng được điều chỉnh, trong khi “Cơ sở” là điểm xuất phát để xác lập trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ của chủ thể quản lý, sử dụng. Các điều kiện về PCCC đối với nhà, công trình... chỉ phát sinh và được gắn trách nhiệm pháp lý khi chúng trở thành cơ sở thuộc diện quản lý.

Việc lựa chọn “Cơ sở” làm đơn vị trung tâm của quản lý nhà nước về PCCC cho phép pháp luật Việt Nam không chỉ kiểm soát các điều kiện kỹ thuật an toàn, mà còn xác định rõ trách nhiệm của chủ cơ sở, người đứng đầu, chủ hộ gia đình hoặc cá nhân có liên quan trong suốt vòng đời hoạt động của đối tượng được quản lý.

Cách tiếp cận này phản ánh đặc trưng của pháp luật PCCC Việt Nam: điều chỉnh kỹ thuật thông qua thiết chế pháp lý, thay vì điều chỉnh kỹ thuật một cách thuần túy, qua đó bảo đảm sự gắn kết giữa yêu cầu an toàn cháy, nổ và cơ chế trách nhiệm pháp lý trong quản lý nhà nước về PCCC.

Tuy nhiên, khái niệm “Cơ sở” trong Luật PCCC&CNCH đã bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, nó là một khái niệm khung, phụ thuộc lớn vào danh mục “Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC” do Chính phủ quy định, nếu danh mục chậm sửa đổi sẽ dẫn đến bỏ sót đối tượng quản lý; nếu danh mục liệt kê “quá cứng” sẽ khó xử lý các mô hình mới phát sinh.

Thứ hai, có nguy cơ “hành chính hóa” việc quản lý nhà nước về PCCC theo danh mục, việc chia cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ do cơ quan Công an quản lý, cơ sở còn lại do UBND cấp xã quản lý, tản xuất

thực hiện công tác kiểm tra PCCC đều thực hiện theo mức độ nguy hiểm cháy, nổ do Nghị định đã quy định mà không tính đến mức độ nguy cơ xảy ra cháy, nổ đang tồn tại trên thực tế đối với mỗi cơ sở như thế nào. Mặt khác, việc chia danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thành hai nhóm (nhóm 1 và nhóm 2) theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ là bước tiến trong tư duy phân loại và phân cấp quản lý PCCC. Tuy nhiên, cách tiếp cận này vẫn mang tính chất tĩnh, chưa phản ánh đầy đủ mức độ nguy hiểm cháy, nổ trong quá trình vận hành thực tế (việc đánh giá mức độ nguy hiểm cháy, nổ đáng lẽ phải dựa trên quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC nhưng các quy chuẩn, tiêu chuẩn mới chỉ chủ yếu được sử dụng trong giai đoạn thẩm định, kiểm tra công trình mà chưa hình thành cơ chế pháp lý gắn kết chặt chẽ giữa kết quả áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn với chế độ quản lý của cơ quan nhà nước đối với cơ sở) do vậy càng khiến cho công tác quản lý mang tính hành chính chứ không phải là quá trình liên tục gắn với sự thay đổi trên thực tế của cơ sở.

3. So sánh với cách tiếp cận trong pháp luật PCCC của một số nước phát triển

Nếu như pháp luật PCCC Việt Nam lấy “Cơ sở” là khái niệm trung tâm và việc áp dụng các biện pháp quản lý dựa trên danh mục cơ sở và phân loại cơ sở theo quy định của Chính phủ, thì tại một số quốc gia phát triển, pháp luật về PCCC có cách tiếp cận quản lý khác với Việt nam.

Tại Vương quốc Anh: pháp luật PCCC của Anh chủ yếu dựa trên The Regulatory Reform (Fire Safety) Order 2005, áp dụng cho các Premises (địa điểm). Đặc trưng của pháp luật Anh là xác định “Responsible Person”, tức người có trách nhiệm an toàn PCCC, trong đó: chủ sở hữu, người kiểm soát hoặc người quản lý Premises phải thực hiện đánh giá rủi ro cháy và bảo đảm các biện pháp phòng cháy phù hợp; nghĩa vụ này được gắn trực tiếp với hành vi kiểm soát, việc sử dụng premises, không gắn với một danh mục hành chính cố định [3].

Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ “đối tượng PCCC” sang chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý rõ ràng và đo lường được theo từng thời điểm kiểm soát.

Tại Hoa Kỳ: không tồn tại khái niệm “Cơ sở thuộc diện quản lý PCCC”. Đặc điểm cốt lõi là áp dụng các tiêu chuẩn PCCC, tiêu chuẩn về xây dựng (Fire Code và Building Code) cho mọi công trình, không phân biệt có thuộc diện hay không thuộc diện quản lý. Điểm khác nhau chỉ ở: mức độ yêu cầu Tiêu chuẩn áp dụng (NFPA, IBC...). Cách tiếp cận của NFPA là không phân loại “cơ sở nguy hiểm cháy” theo nghĩa hành chính mà thay vào đó sử dụng: Occupancy classification (phân loại công năng sử dụng), Hazard classification (mức nguy hiểm của vật liệu, quá trình) [7].

Tại Đức và nhiều nước EU: quản lý PCCC dựa trên xác định mức độ nguy cơ cháy, nổ theo nguyên tắc “nguy cơ – tương xứng”. Đặc trưng trong pháp luật về PCCC: không có khái niệm “Cơ sở thuộc diện quản lý PCCC” mà thay bằng nghĩa vụ bảo đảm an toàn cháy cho mọi công trình. Cơ quan nhà nước không “chọn” cơ sở để quản lý mà kiểm soát thông qua tiêu chuẩn xây dựng, trách nhiệm của chủ sở hữu.

Tại Nhật Bản: quy định việc quản lý PCCC dựa trên sự tích hợp công trình, công năng và sự nguy hiểm. Đạo luật Dịch vụ phòng cháy (Fire Service Act) đặt trọng tâm vào việc phòng cháy và bảo vệ tính mạng, tài sản của người dân, nhưng không xây dựng danh mục cơ sở như ở Việt Nam. Luật không giới hạn đối tượng quản lý, mọi công trình đều phải có nghĩa vụ phòng cháy tối thiểu, nghĩa vụ tăng dần theo diện tích, chiều cao, số người, mức độ nguy hiểm cháy, nổ của công trình [4].

Tại Singapore: Luật PCCC năm 1993 (Fire Safety Act 1993) dùng khái niệm “Premises” hay “building” để chỉ địa điểm chịu trách nhiệm an toàn cháy. Luật bắt buộc chủ sở hữu và người thuê quản lý phải tuân thủ các biện pháp phòng cháy, trong nhiều trường hợp phải trung dụng fire safety manager (người quản lý an toàn cháy) cho tòa nhà hoặc premises. Luật Singapore gắn trách nhiệm và chế tài trực tiếp với địa điểm và người chịu quyền kiểm soát về an toàn cháy, thay vì quản lý theo danh mục kiểu hành chính [5].

Qua nghiên cứu pháp luật PCCC của một số quốc gia phát triển cho thấy: pháp luật PCCC hiện đại

không quản lý cháy, nổ thuần túy thông qua các đối tượng kỹ thuật, mà luôn gắn các đối tượng đó với một đơn vị chịu trách nhiệm pháp lý cụ thể. Khác với Việt Nam, các quốc gia này không xây dựng một khái niệm pháp lý thống nhất mang tên “Cơ sở” như một đơn vị quản lý bao trùm, thay vào đó, họ xác định ai kiểm soát nguy cơ cháy, nổ và đánh giá, phân loại trách nhiệm pháp lý của họ theo từng thời điểm thực tế. Suy rộng ra, pháp luật PCCC cần gắn trách nhiệm pháp lý không chỉ với việc cơ sở có thuộc diện quản lý hay không, mà với hành vi của các chủ thể trong quá trình hình thành và duy trì điều kiện an toàn PCCC. Điều này giúp tránh tình trạng trách nhiệm được phân định cứng nhắc chỉ theo danh mục, tăng tính chủ động, cá thể hóa trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc đánh giá, kiểm tra và xử lý vi phạm. Đây là tư duy quan trọng mà Việt Nam có thể tiếp cận trong hoàn thiện pháp luật PCCC.

4. Một số kiến nghị

Trong bối cảnh Luật PCCC&CNCH năm 2024 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đang trong giai đoạn đầu của việc triển khai thực hiện, việc đề xuất chuyển đổi mô hình quản lý nhà nước về PCCC theo hướng quản lý rủi ro cháy, nổ là chưa có đủ cơ sở pháp lý và điều kiện thực tiễn. Do đó, yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn hiện nay cần được tiếp cận theo hướng thận trọng, khả thi, không nên tập trung vào việc định nghĩa lại khái niệm “cơ sở” hay chuyển ngay sang quản trị rủi ro cháy, nổ, mà cần đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả vận hành các thiết chế pháp lý đã có. Theo đó:

Một là, cần từng bước chuẩn hóa trách nhiệm pháp lý gắn với quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ trong các văn bản dưới luật. Thay vì chỉ quy định trách nhiệm pháp lý tập trung cho người đứng đầu, pháp luật cần thể hiện rõ trình tự thực hiện trách nhiệm pháp lý gắn với giai đoạn đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng, vận hành, thay đổi công năng cho đến chấm dứt hoạt động của cơ sở. Cách tiếp cận này không làm phát sinh nghĩa vụ mới, nhưng giúp liên kết các trách nhiệm hiện có thành một tiến trình trách nhiệm liên tục, thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm. Theo đó, danh mục cơ sở và việc

phân nhóm cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ chỉ nên được coi là điểm khởi đầu của quản lý nhà nước, còn trọng tâm cần chuyển sang việc đánh giá và giám sát khả năng kiểm soát nguy cơ cháy, nổ trong quá trình hoạt động thực tế. Cách tiếp cận này đòi hỏi pháp luật PCCC phải coi việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là nền tảng để xác định và điều chỉnh trách nhiệm pháp lý, thay vì chỉ là yêu cầu kỹ thuật mang tính hình thức. Khi mức độ kiểm soát nguy cơ cháy, nổ được đặt ở vị trí trung tâm, quản lý nhà nước về PCCC mới thực sự hướng tới mục tiêu phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại, thay vì chỉ phản ứng sau khi sự cố đã xảy ra. Như vậy, việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật PCCC không chỉ là yêu cầu kỹ thuật tại thời điểm thẩm duyệt hoặc nghiệm thu, mà là nghĩa vụ pháp lý phải được duy trì trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở. Theo hướng này, trách nhiệm pháp lý của chủ cơ sở và các chủ thể khác có liên quan được xác định gắn với quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ, thể hiện ở việc duy trì các điều kiện an toàn PCCC theo chuẩn mực kỹ thuật đã được xác lập.

Khi cơ sở thay đổi công năng sử dụng, gia tăng mật độ người, vật liệu dễ cháy hoặc không bảo đảm các yêu cầu về bậc chịu lửa, ngăn cháy, thoát nạn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, thì mức độ trách nhiệm pháp lý của chủ thể quản lý phải được xem xét tương ứng, kể cả trong trường hợp cơ sở không thay đổi nhóm phân loại theo Phụ lục II.

Thứ hai, cần nâng cao giá trị pháp lý của hồ sơ về PCCC, CNCH của cơ sở như một công cụ pháp lý trung gian. Hồ sơ này không chỉ phản ánh tình trạng kỹ thuật của cơ sở tại một thời điểm nhất định, mà cần ghi nhận xuyên suốt quá trình tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, kết quả kiểm tra, bảo trì, cũng như các thay đổi liên quan đến công năng và điều kiện an toàn về PCCC. Trong trường hợp xảy ra cháy, nổ, hồ sơ về PCCC, CNCH trở thành căn cứ quan trọng để đánh giá việc thực hiện trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan. Việc chuẩn hóa và số hóa hồ sơ PCCC, CNCH không chỉ phục vụ công tác quản lý hành chính mà còn góp phần làm rõ trách nhiệm pháp lý theo quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ, từ đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa và xử lý vi phạm trong lĩnh

vực PCCC. Theo đó, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cần phải nghiên cứu, đề xuất bổ sung quy định trong Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP về nội dung tài liệu có trong hồ sơ, phương thức quản lý, cập nhật và chế độ thông tin báo cáo với cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH qua Hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy.

Thứ ba, từng bước hoàn thiện quy định về phân loại cơ sở theo hướng mở và linh hoạt. Như đã phân tích ở các phần trên, việc phân chia cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thành hai nhóm tại Phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP là cần thiết nhưng chưa đủ. Pháp luật PCCC Việt Nam cần tiếp cận việc phân loại cơ sở theo hướng mở, coi danh mục và phân nhóm hiện hành là khung quản lý ban đầu, thay vì là căn cứ duy nhất và cố định để xác định chế độ quản lý. Theo đó, cần bổ sung cơ chế pháp lý cho phép điều chỉnh mức độ quản lý đối với từng cơ sở dựa trên tình trạng thực tế về việc duy trì điều kiện an toàn PCCC. Việc điều chỉnh này không nhằm thay đổi danh mục cơ sở, mà nhằm làm rõ rằng cùng một loại hình cơ sở có thể có các yêu cầu quản lý khác nhau tùy thuộc vào mức độ kiểm soát nguy cơ cháy, nổ trong quá trình hoạt động. Cách tiếp cận này phù hợp với bản chất biến động của nguy cơ cháy, nổ và góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa. Các tiêu chí kỹ thuật như bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy, nổ, tải trọng cháy không nên chỉ được sử dụng trong giai đoạn thẩm duyệt và nghiệm thu, mà cần được xem là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ và điều chỉnh chế độ quản lý trong suốt vòng đời hoạt động của cơ sở. Đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật PCCC cần hướng tới nâng cao hiệu quả phòng ngừa bằng cách xây dựng cơ chế quản lý dựa trên mức độ tuân thủ điều kiện an toàn PCCC của từng cơ sở. Theo đó, các cơ sở duy trì tốt điều kiện an toàn, tuân thủ đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có thể được áp dụng chế độ quản lý phù hợp, tránh gây quá tải về thủ tục hành chính. Ngược lại, các cơ sở không bảo đảm điều kiện an toàn cần được đưa vào diện giám sát chặt chẽ hơn.

5. Kết luận

Khái niệm “Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy” giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc

pháp luật PCCC Việt Nam, vừa là căn cứ xác định phạm vi quản lý nhà nước, vừa là điểm gắn kết các yêu cầu kỹ thuật an toàn cháy, nổ với trách nhiệm pháp lý của các chủ thể có liên quan. Qua phân tích cho thấy, “Cơ sở” không phải là khái niệm kỹ thuật thuần túy, nhưng cũng không thể bị hiểu đơn giản như một danh mục hành chính, mà là một khái niệm pháp lý – quản lý mang tính tích hợp, được xây dựng trên nền tảng các đối tượng kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật PCCC nhằm phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước và cá thể hóa trách nhiệm. So sánh với pháp luật PCCC của một số quốc gia cho thấy, xu hướng chung của quản lý PCCC hiện đại là dịch chuyển từ việc xác định đối tượng quản lý sang việc tổ chức và vận hành chuỗi trách nhiệm pháp lý gắn với hành vi kiểm soát thực tế đối với nguy cơ cháy, nổ. Trong bối cảnh đó, mô hình quản lý theo “cơ sở” của Việt Nam vừa thể hiện những ưu điểm nhất định về mặt tổ chức và phân cấp quản lý, vừa bộc lộ những hạn chế khi chưa làm rõ và vận hành đầy đủ tính liên tục của trách nhiệm PCCC trong suốt quá trình hoạt động. Từ góc độ hoàn thiện pháp luật, bài viết cho rằng yêu cầu đặt ra hiện nay không phải là thay thế hay phủ định khái niệm “Cơ sở”, mà là nâng cấp cách thức vận hành khái niệm này theo hướng gắn chặt hơn trách nhiệm pháp lý với quá trình kiểm soát nguy cơ cháy, nổ. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật PCCC, vừa tạo dư địa cho việc tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý và yêu cầu bảo đảm an toàn cháy, nổ trong giai đoạn phát triển hiện nay.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.
3. Government of the United Kingdom (2005), *The Regulatory Reform (Fire Safety) Order 2005* (SI 2005/1541).<https://www.legislation.gov.uk/ukxi/2005/1541/contents>

4. Japan Ministry of Justice (1948), *Fire Service Act* (Act No. 186 of 1948). Japanese Law Translation.
<https://www.japaneselawtranslation.go.jp>

5. Republic of Singapore (1993), *Fire Safety Act* (Chapter 109). Singapore Statutes Online.
<https://sso.agc.gov.sg/Act/FSA1993>

6. United States Congress (1974), *Federal Fire Prevention and Control Act of 1974*.
<https://www.govinfo.gov>

7. National Fire Protection Association. (2018).
NFPA 101: Life Safety Code. NFPA.

Ngày nhận bài: 09/01/2026; Ngày thẩm định: 03/3/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐỐI VỚI CÁC HỌC PHẦN PHÁP LUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thiếu tá, ThS ĐÀO ANH THƯ

Khoa Luật, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Đào Anh Thư (Email: Thudao147@gmail.com)

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học là một trong những yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng giảng dạy. Bài viết đánh giá thực trạng kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học đối với các học phần pháp luật tại Trường Đại học PCCC thời gian qua, chỉ ra những hạn chế; từ đó đề xuất một số giải pháp đổi mới công tác này thời gian tới.

Từ khoá: kiểm tra, đánh giá, năng lực, pháp luật, Trường Đại học PCCC.

Abstract: In the context of current educational reforms, competency-based assessment methods have become a crucial factor in enhancing the quality of teaching and learning. This article assesses the current state of competency-based assessment in law courses at the University of Fire Prevention and Fighting, identifies existing limitations, and proposes solutions to improve its implementation.

Keywords: testing, assessment, competency, law, University of Fire Prevention and Fighting

1. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học đóng vai trò quan trọng tạo động lực thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Kiểm tra là xem xét, soát lại công việc thực tế để đánh giá, nhận xét, là khâu đầu tiên của quá trình đánh giá. Quá trình kiểm tra thường hướng tới kiểm tra các thành phần: kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực của học viên. Đánh giá là hành động đưa ra những nhận định, những phán xét về giá trị của sự vật, con người trên cơ sở những thông tin, những bằng chứng thu thập và xử lý được, đối chiếu với mục tiêu đã đề ra. Năng lực là khả năng đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong một bối cảnh cụ thể.

Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học là quá trình tập hợp và phân tích thông tin nhằm đưa ra những nhận định về việc vận dụng tích hợp tri thức, kỹ năng, thái độ của người học để giải quyết các nhiệm vụ học tập phức hợp trong một bối cảnh thực tế hoặc giả định để đáp ứng mục tiêu về năng lực đặt ra. Trong kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học, số lượng các bài kiểm tra sẽ nhiều hơn nhưng lại không tạo quá nhiều áp lực và sự căng thẳng lên người học do hình thức các bài kiểm tra không chỉ dừng ở trên giấy đơn thuần như đối với hình thức kiểm tra tiếp cận vào nội dung mà sẽ đa dạng hơn như các sản phẩm dự án, các dạng bài tập nhóm, thực hành, thuyết trình.... Giảng viên (trong vai trò là người hướng dẫn, chuyên gia hoặc cố vấn) thường xuyên hợp tác với học viên để trao đổi và tiếp nhận thông tin phản hồi. Sự hợp tác, tinh thần phối hợp và

hoạt động nhóm trong mô hình kiểm tra đánh giá này được khuyến khích nhiều hơn. Các công cụ đo lường sẽ được sử dụng cho từng giai đoạn phát triển tương ứng với các chỉ tiêu đạt được và số tín chỉ theo quy định của khoa.

Các học phần pháp luật liên quan đến việc nghiên cứu, giải thích và áp dụng pháp luật, gắn liền chặt chẽ với sự biến đổi của xã hội cũng như trước nhu cầu đòi hỏi phải thay đổi nhằm đáp ứng các yêu cầu của thời đại. Các học phần này thường thiên về lý luận, yêu cầu tư duy logic, phân tích tình huống thực tiễn, vận dụng điều luật để giải thích vấn đề và kỹ năng lập luận pháp lý. Các học phần pháp luật do Khoa Luật, Trường Đại học PCCC giảng dạy gồm: Lý luận Nhà nước và pháp luật, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Hành chính, Pháp luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH), Đại cương một số ngành Luật và Pháp luật. Năng lực người học đối với các học phần pháp luật tại Trường Đại học PCCC là khả năng vận dụng, kết hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ để lập luận, giải quyết các tình huống pháp lý nói chung và trong lĩnh vực PCCC&CNCH nói riêng trong thực tiễn. Ngày nay, các quan hệ xã hội biến thiên không ngừng nghỉ và đòi hỏi pháp luật cũng phải biến đổi theo. Năng lực người học đối với các học phần pháp luật tại Trường Đại học PCCC cũng phải thường xuyên nâng cao để phù hợp với xu thế.

Do đó, việc kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học đối với các học phần pháp luật tại Trường Đại học PCCC là cần thiết, để thúc đẩy, phát triển toàn diện năng lực cho học viên, qua đó đo lường, điều chỉnh và hoàn thiện các mục tiêu đào tạo. Để đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục căn bản và toàn diện trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, ngoài việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học thì cần đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học bởi đây là động lực thúc đẩy sự đổi mới toàn bộ quá trình dạy học.

2. Thời gian qua, cùng với việc thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, Trường Đại học PCCC đã tích cực áp dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học đối với các học phần

pháp luật. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên đối với các học phần pháp luật chuyển trọng tâm đánh giá chủ yếu từ ghi nhớ, hiểu kiến thức... sang đánh giá năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề pháp lý của thực tiễn, chú trọng đánh giá các năng lực tư duy bậc cao như tư duy sáng tạo. Đối với các học phần pháp luật tại Trường Đại học PCCC, hệ số đánh giá bộ phận tối đa không quá 40% tổng thành phần đánh giá, số lần đánh giá thường xuyên, định kỳ tùy vào tổ chức hoạt động dạy học của giảng viên trên cơ sở số tín chỉ (mức tối thiểu đánh giá quá trình: 1 tín chỉ 1 lần đánh giá), hình thức đánh giá có thể chọn các cách như: kiểm tra vấn đáp, tự luận (viết), kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan. Còn đối với đánh giá cuối kỳ, hệ số thấp nhất 0,6, hình thức đánh giá có thể chọn: vấn đáp hoặc tự luận.

Trong quá trình giảng dạy các học phần pháp luật, giảng viên đã áp dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học như: bài kiểm tra tự luận; bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan; đánh giá qua tình huống thực tế; qua thực hành của học viên như: đánh giá qua quan sát, qua bài tập làm việc độc lập, qua hồ sơ học tập, qua sản phẩm dự án. Kết quả khảo sát tại của tác giả cho thấy, các phương pháp có tần suất sử dụng cao lần lượt là: bài kiểm tra tự luận (chiếm 25%); tình huống thực tế (chiếm 23%); sản phẩm dự án (chiếm 20%); các phương pháp có mức độ hiệu quả cao lần lượt là: tình huống thực tế (chiếm 20%), sản phẩm dự án (chiếm 18%), bài kiểm tra tự luận, hồ sơ học tập (chiếm 15%).

Hiện nay, 100% các giảng viên đều đã xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập tình huống pháp lý theo từng chủ đề học phần có thể sử dụng ngay trên các thiết bị điện tử như: vi phạm hành chính, vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC&CNCH, tội phạm, tội phạm về PCCC, đồng phạm, biện pháp ngăn chặn cần áp dụng đối với từng đối tượng trong tình huống cụ thể.... Đối với việc kiểm tra, đánh giá dưới dạng tự luận, tiểu luận, một số giảng viên đã sử dụng trực tiếp trên các công cụ trực tuyến như Padlet, Google Classroom, Canvas.... Với cách tiếp cận này, giảng viên và học viên chủ động trong hoạt động kiểm tra, đánh giá, để

dàng tương tác, thảo luận và chia sẻ với nhau. Ngoài việc được giảng viên đánh giá, học viên còn được khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo lẫn nhau.

Đối với phương pháp kiểm tra, đánh giá qua tình huống thực tế, để kiểm tra kiến thức của bài học trước, giảng viên không kiểm tra học thuộc bài về nhà trong đầu giờ học mà trong quá trình học, để học viên phát hiện, trả lời về các tình huống pháp lý theo hướng dẫn của giảng viên. Qua đó, tăng sự thu hút, làm chủ bài học, khơi dậy sự năng động, sáng tạo và phát huy năng lực của học viên. Sau khi học xong một chủ đề, một chương hoặc kết thúc học phần, bên cạnh việc kiểm tra viết, giảng viên sử dụng linh hoạt các bài kiểm tra gồm các bài tập, tình huống pháp lý được thiết kế theo các mức độ, yêu cầu cần đạt dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận, dự án hoặc kết hợp trắc nghiệm, tự luận để đánh giá mức độ đạt được về các nội dung cần đánh giá. Ví dụ, đối với học phần Pháp luật về PCCC&CNCH, trong quá trình dạy học bài “Phòng cháy”, giảng viên đưa ra tình huống về việc thực hiện các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với một cơ sở cụ thể để học viên phân tích, đánh giá các yêu cầu này; hoặc trong quá trình dạy học bài: “Xử lý vi phạm pháp luật PCCC&CNCH”, giảng viên đưa ra các tình huống về hành vi vi phạm pháp luật để học viên xác định loại vi phạm, hình thức xử lý, thẩm quyền xử lý trong lĩnh vực PCCC&CNCH.

Đối với phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực thực hành của học viên, giảng viên sử dụng nhiều hình thức. Trong đó, hình thức đánh giá qua bài tập làm việc độc lập và đánh giá qua sản phẩm dự án được áp dụng phổ biến. Ví dụ, đối với học phần Luật Hành chính, khi dạy bài: “Vi phạm hành chính”, giảng viên đưa ra các hồ sơ vụ việc cụ thể về vi phạm hành chính và tội phạm và yêu cầu học viên hoàn thành bài tập làm việc độc lập sau: phân biệt vi phạm hành chính và tội phạm. Thực hiện bài tập này, học viên rèn luyện kỹ năng làm việc với hồ sơ vụ việc để phát hiện tri thức. Hoặc khi dạy bài: “Trách nhiệm hành chính”, giảng viên đưa ra dự án học tập: “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC&CNCH đối với chợ”. Giảng viên chia lớp thành 03 nhóm và giao nhiệm vụ (thời gian thực hiện là 1 tuần): Đồng chí hãy

đóng vai là cán bộ kiểm tra PCCC thực hiện các sản phẩm sau: một sơ đồ tư duy phân tích các yếu tố cấu thành vi phạm hành chính trên, một bài thuyết trình bằng Powerpoint xác định hình thức, mức xử phạt, thẩm quyền xử phạt đối với vi phạm trên; một video clip đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong phát hiện và xử lý đối với hành vi trên. Như vậy, qua nhiệm vụ dự án, học viên phải vận dụng các năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và các kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, kỹ năng công nghệ thông tin... để hoàn thành sản phẩm dự án. Hoặc, căn cứ vào nội dung của bài học, từng chủ đề học phần, giảng viên giao nhiệm vụ cho học viên làm việc theo nhóm hoặc cá nhân phải hoàn thành sản phẩm và nộp cho giảng viên như việc tìm hiểu cấu trúc bộ máy nhà nước, hoạt động của chính quyền địa phương, đặc điểm vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC&CNCH, tội phạm về PCCC... thiết kế bằng slide, clip, tranh ảnh.... Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học viên, từ đó, đánh giá theo từng nội dung có liên quan.

Ngoài ra, trong quá trình dạy học, giảng viên viên thường xuyên theo dõi, lắng nghe học viên bằng việc sử dụng phiếu quan sát, phiếu học tập, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của học viên để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện như: quan sát cách học viên giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống pháp lý, bài tập theo yêu cầu của giảng viên khi làm việc nhóm hoặc hoạt động cá nhân....

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học đối với các học phần pháp luật tại Trường Đại học PCCC vẫn còn một số hạn chế như: việc áp dụng các phương pháp này chưa thường xuyên, linh hoạt mới chỉ tập trung vào một số học phần như: Luật Hình sự, Luật Hành chính, Pháp luật về PCCC&CNCH; hiệu quả áp dụng các phương pháp này chưa cao do một số giáo viên mới chỉ đánh giá thiên về bài tự luận của học viên; một số phương pháp chưa có sự phân hóa rõ rệt giữa các học viên.... Nguyên nhân của những hạn chế trên là do trình độ năng lực, nhận thức và kỹ năng của một số giảng viên chưa cao nên chưa kết hợp linh hoạt

các phương pháp vào từng bài học cụ thể; khung đánh giá chưa đồng bộ và toàn diện nên giảng viên gặp khó khăn trong việc thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá đúng và đầy đủ các năng lực của học viên; nhiều học viên chưa quen với phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực nên tỉ lệ tương tác, phản hồi với giảng viên thấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đầy đủ nên làm giảm hiệu quả thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực.

3. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học đối với các học phần pháp luật tại Trường Đại học PCCC cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó cần chú ý một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của giảng viên về việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học thông qua thông qua việc tăng cường tuyên truyền, bồi dưỡng chuyên môn và thống nhất nhận thức về vai trò của đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá. Bản thân mỗi giảng viên phải không ngừng nỗ lực, nâng cao kỹ năng tự học, cập nhật những phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực phù hợp với các học phần pháp luật tại trường Đại học PCCC, với từng đối tượng học (trong ngành và ngoài ngành Công an) để áp dụng một cách linh hoạt nhằm đạt được các mục tiêu kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra. Giảng viên cũng cần chuyển dịch trọng tâm từ việc đánh giá kiến thức sang đánh giá quá trình thông qua việc đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực. Ngoài ra, cần tạo điều kiện và khuyến khích học viên tham gia tích cực vào các hoạt động học tập và đánh giá để các em làm quen, tích cực phản hồi với giảng viên cũng như phát triển kỹ năng tự đánh giá và tự phản biện.

Hai là, tăng cường áp dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học một cách thường xuyên, trong đó: đánh giá quá trình từ 03 - 04 lần/học phần và 1 lần đánh giá cuối kỳ; kết hợp linh hoạt, đa dạng các phương pháp như: trắc nghiệm khách quan với bài kiểm tra tự luận; tình huống thực tế về PCCC&CNCH với sản phẩm dự án... đa dạng các bài kiểm tra, đánh giá như tiểu luận, bài tập về đối sánh, bài tập về đánh giá, phân tích quy định

pháp luật nói chung và pháp luật về PCCC&CNCH nói riêng.... Ngoài hình thức thi tự luận hoặc vấn đáp, có thể kết hợp thuyết trình, báo cáo chuyên đề, phỏng vấn, xử lý tình huống pháp lý để tăng cường sự phân hóa kết quả học tập của học viên. Ngoài ra, giảng viên tăng cường sử dụng các hình thức kiểm tra trực tuyến, mô phỏng thực tế từ hồ sơ pháp lý và các bài tập dự án để đánh giá toàn diện năng lực người học trong quá trình học tập.

Ba là, giảng viên sử dụng linh hoạt các phần mềm và công cụ hỗ trợ kiểm tra, đánh giá năng lực người học có tích hợp trí tuệ nhân tạo như: Google Classroom AI, Magic School AI, Gemini.... Với tài khoản thông thường, giảng viên có thể sử dụng các phần mềm và công cụ hỗ trợ này để tự động hóa quá trình kiểm tra, đánh giá, từ việc tạo đề thi đến việc đánh giá và phân tích kết quả. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và công sức của giảng viên đồng thời giúp việc kiểm tra, đánh giá trở nên linh hoạt, chính xác hơn, giảm thiểu những sai sót có thể phát sinh.

Bốn là, Khoa Luật thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm cách thức kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học và rà soát chất lượng hệ thống câu hỏi tự luận, tình huống pháp lý, ngân hàng đề thi các học phần pháp luật. Thông qua rút kinh nghiệm, phát huy những ưu điểm, khắc phục hạn chế trong kiểm tra, đánh giá theo năng lực, từ đó đổi mới cách thức xây dựng câu hỏi thi, đáp án bảo đảm đánh giá được năng lực của người học trong tình huống cụ thể; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối học kỳ; nâng cao chất lượng câu hỏi, ngân hàng đề thi, đáp án kết thúc học phần, thi tốt nghiệp cuối khóa nhằm đánh giá năng lực học viên đảm bảo công tâm, khách quan.

Năm là, nhà trường đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ như hệ thống máy tính, bảng thông minh, hệ thống mạng, wifi, phần mềm hỗ trợ học tập... giúp đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học; thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho giảng viên về đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học; khuyến khích giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin, công cụ trí tuệ nhân tạo trong kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học; biên soạn và cung cấp

các tài liệu hướng dẫn chi tiết khung đánh giá cho giảng viên, giúp giảng viên có thể xây dựng các hoạt động kiểm tra, đánh giá theo năng lực phong phú và đa dạng hơn như năng lực nhận thức và tư duy pháp luật nói chung và pháp luật PCCC&CNCH nói riêng, năng lực vận dụng pháp luật vào thực tiễn, năng lực kỹ năng pháp lý nghề nghiệp.... Đồng thời, triển khai các hoạt động khảo sát, điều tra, lấy ý kiến từ người học để từ đó đưa ra các thông tin kịp thời giúp giảng viên cải thiện phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực.

4. Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học là nội dung quan trọng trong quá trình dạy - học. Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học đối với các học phần pháp luật tại trường Đại học PCCC không những là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với xu thế đổi mới toàn diện giáo dục hiện nay mà còn là điều kiện cần thiết để mỗi giảng viên nâng cao hơn nữa chất lượng dạy - học nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về PCCC&CNCH.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.

2. Đỗ Anh Dũng (2019), *Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh*. Bộ Giáo dục và đào tạo, <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-trung-hoc/Pages/tin-tuc.aspx?ItemID=6273>.

3. Nguyễn Công Khanh (2017), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 12/12/2025; Ngày thẩm định: 09/01/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ HIỆN NAY

Đại úy, ThS TRỊNH THẾ TUẤN

Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Trịnh Thế Tuấn (Email: trinhthetuant34@gmail.com)

Tóm tắt: Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy (PCCC), cứu nạn, cứu hộ (CNCH) là một nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng trong công tác phòng ngừa và xử lý các vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố. Bài viết tập trung khái quát những quy định của pháp luật có liên quan; trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp góp phần tổ chức hiệu quả công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC&CNCH thời gian tới.

Từ khoá: Huấn luyện, bồi dưỡng; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ.

Abstract: Training and professional development in fire and rescue (F&R) constitute an important task in preventing and responding to fires, explosions, accidents, and emergency incidents. This article provides an overview of relevant legal regulations and, based on this, proposes several solutions to enhance the effectiveness of training and professional development activities in F&R over the coming period.

Keywords: Training, professional development; fire; rescue.

1. Luật PCCC&CNCH được Quốc hội ban hành ngày 29/11/2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Theo đó, có nhiều quy định mới, nội dung mới đã được luật hóa thành các quy định mang tính quy phạm; Luật cũng đã bãi bỏ nhiều quy định, thu tục hành chính không còn phù hợp với thực tiễn, trong đó có các quy định và thủ tục về công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH. Cụ thể: (1) Bãi bỏ thủ tục hành chính cấp, cấp đổi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH; (2) Bãi bỏ quy định cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC. Đồng thời, Luật PCCC&CNCH, các văn bản hướng dẫn thi hành đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

Về đối tượng huấn luyện, bồi dưỡng: Bổ sung đối tượng phải huấn luyện, bồi dưỡng là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, người thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở, người đã đăng ký tham gia hoạt động PCCC, CNCH

tình nguyện, đối tượng khác có nhu cầu (khoản 1 Điều 45 Luật PCCC&CNCH).

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH chung, thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kéo dài (huấn luyện từ 48 giờ - 72 giờ; bồi dưỡng từ 24 giờ - 32 giờ), dẫn đến khi tổ chức thực hiện có một số bất cập: Nội dung chung chung, không phù hợp với một số đối tượng (như: Đội Dân phòng có đặc điểm khác với Đội PCCC cơ sở), thời gian thực tế trong 8 giờ nhưng phải ghi là 48 giờ trong chứng nhận, mặt khác qua kiểm tra thực tế người được huấn luyện còn chưa nắm vững kiến thức, kỹ năng. Để bảo đảm việc huấn luyện đi vào thực chất, phù hợp với từng đối tượng, giảm thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ đã sửa đổi bổ sung quy định cụ thể về huấn luyện, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng. Theo đó, nội dung

huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH được chia thành 4 phần: Quy định của pháp luật về PCCC&CNCH; kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ (Điều 28 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ). Giảm thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng đối tượng, ví dụ đối với thành viên đội dân phòng giảm từ 16h đến 24 giờ còn 8 đến 12 giờ (Điều 29 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ)

Về thẩm quyền huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, đã bổ sung thẩm quyền của cơ sở đào tạo về PCCC, CNCH và phân định rõ đối tượng thuộc thẩm quyền huấn luyện của từng cơ quan (Khoản 3, Khoản 4, Điều 45 Luật PCCC&CNCH, Điều 30 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 36/2025/TT-BCA). Theo đó:

Cơ sở đào tạo về PCCC, CNCH huấn luyện nghiệp vụ cho người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP (đây là đối tượng bắt buộc, theo đó, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các địa phương cần hướng dẫn cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, đăng ký với cơ sở đào tạo về PCCC, CNCH để huấn luyện cho người được phân công thực hiện công tác kiểm tra về PCCC thuộc phạm vi quản lý); Thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH khi có đề nghị; bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH cho người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP khi có đề nghị;

Cục Cảnh sát PCCC&CNCH huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đối tượng thuộc cơ quan Đảng, nhà nước ở trung ương khi có đề nghị.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các địa phương huấn luyện nghiệp vụ cho đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 45 Luật PCCC&CNCH khi có đề nghị, trừ người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo

Nghị định số 105/2025/NĐ-CP do cơ sở đào tạo về PCCC, CNCH huấn luyện; bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 45 Luật PCCC&CNCH khi có đề nghị. Trường hợp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cá nhân thuộc cơ sở do UBND cấp xã quản lý, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ Dân phố, thành viên Đội Dân phòng thì Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở, cá nhân đăng ký với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền huấn luyện quy định tại Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 36/2025/TT-BCA để tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Cơ quan Công an sau khi tiếp nhận đăng ký huấn luyện của các tổ chức, cá nhân: tổng hợp danh sách, tổ chức thành các lớp theo từng nhóm đối tượng; bố trí địa điểm, nơi tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng phù hợp để thuận tiện về thời gian, đi lại cho đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng; thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiểm tra và có văn bản thông báo kết quả huấn luyện, bồi dưỡng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ (Điểm c, Khoản 3, Điều 13 Thông tư số 36/2025/TT-BCA)

Thời hạn huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ và chuyển tiếp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 29 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP thời hạn huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH là 05 năm một lần, bồi dưỡng định kỳ hàng năm.

Quy định chuyển tiếp: Theo quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP: Chứng nhận huấn luyện đã được cấp theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (thời hạn 5 năm) còn hạn, sau khi hết hạn phải huấn luyện lại theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; Chứng nhận huấn luyện theo Nghị định 50/2024/NĐ-CP (không có thời hạn), sau 05 năm kể từ ngày cấp chứng nhận, người đó phải huấn luyện theo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Cơ sở có 01 người kiêm nhiệm các nhiệm vụ thì yêu cầu huấn luyện theo đối tượng có yêu cầu về nội dung huấn luyện lớn nhất.

Ngày 23/7/2025 Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đã ban hành Công văn số 2251/C07-P5, trong đó hướng dẫn địa phương phổ biến, quán triệt cho lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, chiến sỹ được phân công thực hiện công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ để nắm và tổ chức thực hiện thống nhất, hiệu quả 08 bộ tài, gồm: (1) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã (24 tiết); (2) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho người đứng đầu cơ sở và người thực hiện nhiệm vụ PCCC&CNCH tại cơ sở (12 tiết); (3) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho thành viên Đội PCCC&CNCH cơ sở (24 tiết); (4) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với chất, hàng hoá nguy hiểm về cháy, nổ (12 tiết); (5) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và thành viên đội Dân phòng (12 tiết); (6) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho người được phân công thực hiện kiểm tra PCCC tại cơ sở (32 tiết); (7) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho thành viên Đội PCCC&CNCH chuyên ngành và người đã đăng ký tham gia hoạt động PCCC&CNCH tình nguyện (32 tiết); (8) Tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH dành cho người điều khiển phương tiện giao thông và đối tượng khác có nhu cầu (12 tiết).

Đồng thời, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đã hướng dẫn, căn cứ khung chương trình, tài liệu, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các địa phương xây dựng bài giảng phù hợp với đối tượng để thực hiện bồi dưỡng, huấn luyện hiệu quả, chất lượng; tổ chức huấn luyện, ra câu hỏi kiểm tra, tổ chức kiểm tra cho người đã được huấn luyện, chấm bài và ra thông báo kết quả huấn luyện (nêu rõ người có kết quả kiểm tra đạt/không đạt yêu cầu); có kế hoạch và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH cho 100% Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách công tác PCCC; Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố; thành viên Đội Dân

phòng; trường hợp cơ sở có 01 người, thực hiện các nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở, người thực hiện kiểm tra về PCCC, người thực hiện công tác PCCC&CNCH tại cơ sở. Việc huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH thực hiện cho người đứng đầu cơ sở (theo quy định đối tượng này phải huấn luyện đầy đủ các nội dung).

Những quy định của pháp luật và hướng dẫn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cụ thể của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH về công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho thấy, cơ sở pháp lý và hướng dẫn trong tổ chức thực hiện công tác này cơ bản đã rõ ràng, cụ thể; qua đó tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị và cơ sở triển khai thực hiện hiệu quả quy định của pháp luật theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao.

2. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ là nhiệm vụ có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng trong phòng ngừa và xử lý hiệu quả cháy, nổ, tai nạn, sự cố. Vai trò cốt lõi của công tác này là chuyển hóa kiến thức pháp luật và kiến thức, kỹ năng PCCC, CNCH thành năng lực hành động và phản xạ thực tế của con người. Nó đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao nhận thức phòng ngừa của cộng đồng và xây dựng tư duy chiến thuật cho lực lượng tại chỗ.

Huấn luyện giúp chuẩn hóa kỹ năng, đảm bảo sự đồng bộ trong tổ chức các hoạt động PCCC, CNCH và tối ưu hóa việc sử dụng các phương tiện, công nghệ hiện đại, nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người dân và cán bộ, chiến sỹ; qua đó góp phần bảo toàn tài sản, duy trì sự ổn định xã hội và xây dựng một môi trường đầu tư, phát triển bền vững cho đất nước.

Thời gian tới, để tổ chức công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH đạt hiệu quả, các chủ thể được giao nhiệm vụ huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ và đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cần chú ý một số nội dung sau:

Đối với cơ sở đào tạo PCCC, CNCH, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các địa phương là những chủ thể được giao thực hiện công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC, CNCH cần tập trung làm tốt một số nội dung sau:

+ Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH trong tổ chức thực hiện, nhất là nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng; thời gian, phạm vi và phân công nhiệm vụ trong thực hiện công tác này;

+ Xây dựng quy trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH nhằm thống nhất trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện tại các đơn vị trực thuộc khi được giao nhiệm vụ này;

+ Xây dựng giáo án huấn luyện lý thuyết, giáo án thảo luận thực hành bảo đảm các nội dung về kiến thức pháp luật, kiến thức và kỹ năng về PCCC, CNCH được truyền đạt, huấn luyện, bồi dưỡng đúng theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;

+ Linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng các hình thức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH bảo đảm các nội dung được truyền tải đầy đủ, khoa học, lời cuốn đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ;

+ Nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin trong huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho các đối tượng theo thẩm quyền pháp luật quy định. Theo đó, cần tăng cường đầu tư vào nghiên cứu, xây dựng các mô phỏng VR/AR tiên tiến để tạo ra môi trường huấn luyện thực nghiệm, cho phép đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng trải nghiệm và thu thập dữ liệu phản ứng từ các kịch bản cháy nổ, CNCH phức tạp nhất.

+ Nghiên cứu tích hợp kiến thức về phòng ngừa cháy, nổ, tai nạn, sự cố, kiến thức về các phản ứng hóa học của chất cháy, công nghệ thông tin,... vào giáo án huấn luyện để đội ngũ cán bộ, chiến sỹ có khả năng phân tích rủi ro một cách khoa học.

+ Nâng cao năng lực sư phạm và kỹ năng huấn luyện, bồi dưỡng thực hành chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đội ngũ cán bộ, chiến sỹ, giảng viên tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH.

+ Chủ động trong chuẩn bị và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết về hội trường giảng lý thuyết và sân, bãi phục vụ thực hành huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên và đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng hoàn thành tốt mục tiêu đề ra.

- Đối với đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH, cần chú ý một số nội dung cụ thể như sau:

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở lập danh sách cử người đi huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH theo đúng đối tượng, thành phần quy định tại Khoản 1, Điều 45 Luật PCCC&CNCH; tạo điều kiện thuận lợi để người được cử đi huấn luyện, bồi dưỡng hoàn thành tốt mục tiêu, chương trình đề ra; phối hợp với giảng viên chuẩn bị các điều kiện phục vụ và quản lý lớp huấn luyện, bồi dưỡng trong quá trình thực hiện;

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định tại lớp huấn luyện, bồi dưỡng và yêu cầu của giảng viên trong quá trình thực hiện;

+ Chủ động hỏi, trao đổi với giảng viên những nội dung kiến thức, kỹ năng về chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi còn vướng mắc để được giải đáp kịp thời;

+ Tham gia học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH đầy đủ, nghiêm túc.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2025), *Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

2. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH (2025), *Công văn số 2251/C07-P3 ngày 23/7/2025 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCHV/v hướng dẫn thực hiện công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH*, Hà Nội

3. Chính phủ (2020), *Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC*, Hà Nội.

4. Chính phủ (2025), *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

5. Quốc hội (2024), *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 25/6/2025; Ngày thẩm định: 28/10/2025; Ngày nhận đăng: 15/3/2026.

XÂY DỰNG MÔ HÌNH TÍNH TOÁN CHỈ SỐ OXYGEN GIỚI HẠN (LOI) BẰNG CÁC PHƯƠNG PHÁP HÓA HỌC LƯỢNG TỬ TÍNH TOÁN

Thượng tá, TS PHAN ANH

Phó trưởng Khoa Phòng cháy, Trường Đại học PCCC

Đại úy, ThS NGUYỄN HỮU HIỆU - Thiếu tá, ThS NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Khoa Khoa học cơ bản và Ngoại ngữ, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Phan Anh (Email: anhpknv2@daihocpccc.edu.vn)

Tóm tắt: Bài báo trình bày quy trình xây dựng và kiểm định mô hình hóa học tính toán nhằm dự đoán chỉ số oxygen giới hạn (LOI) của polymer và vật liệu nền hữu cơ chứa phụ gia chống cháy. Phương pháp kết hợp tính toán lượng tử (DFT), khai thác mô tả phân tử và các thuật toán học máy (GA-MLR, SVR, Random Forest, mạng nơ-ron sâu) trong khuôn khổ QSPR. Mô hình DFT-RF huấn luyện từ 427 dữ liệu LOI đạt $Q^2_{ext} = 0,83$ và $RMSE = 1,7 \text{ \% } O_2$ theo thể tích, vượt trội so với hồi quy tuyến tính. Phân tích SHAP xác định các đặc trưng chính gồm độ rộng HOMO–LUMO, độ cứng hóa học và moment lưỡng cực liên quan đến cơ chế tạo than và hiệu ứng pha ngưng tụ của phụ gia phosphorus–nitrogen. Phương pháp này giúp giảm khoảng 70% chi phí thử nghiệm và có thể mở rộng cho thiết kế phụ gia chống cháy không chứa halogen.

Từ khóa: chỉ số oxygen giới hạn, QSPR, học máy, lý thuyết phiếm hàm mật độ, phụ gia chống cháy chứa phosphorus, mô hình hoá tính toán.

Abstract: This study presents the development and validation of a computational chemistry model for predicting the Limiting Oxygen Index (LOI) of polymers and organic matrix materials containing flame-retardant additives. The approach integrates quantum chemical calculations (DFT), molecular descriptor mining, and machine learning algorithms (GA-MLR, SVR, Random Forest, and deep neural networks) within a QSPR framework. The DFT-RF model, trained on 427 LOI data sets, achieved a Q^2_{ext} of 0.83 and an RMSE of 1.7 vol% O_2 , outperforming traditional linear regression methods. SHAP analysis identified key descriptors—including the HOMO–LUMO gap, chemical hardness, and dipole moment—as dominant factors influencing char formation and condensed-phase activity of phosphorus–nitrogen additives. This method reduces experimental costs by approximately 70% and can be extended to the design of halogen-free flame retardant additives.

Keywords: limiting Oxygen Index (LOI), QSPR, machine learning, density functional theory, phosphorus-based flame retardant additives, computational modeling.

1. Đặt vấn đề

Chỉ số oxygen giới hạn (LOI) là tham số định lượng mức oxygen tối thiểu duy trì cháy, đóng vai trò then chốt trong đánh giá độ nguy hiểm cháy của polymer [1]. So với phép thử UL-94, LOI có ưu điểm

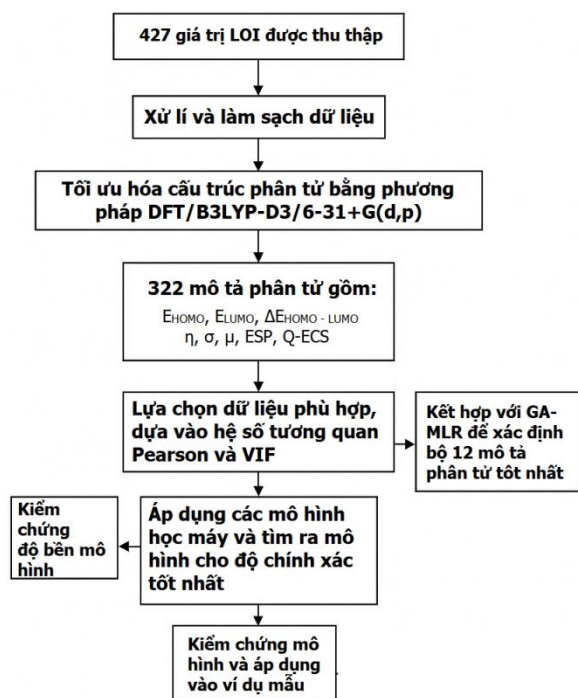
là khả năng tái lập thử nghiệm trên mẫu cũ và cho giá trị liên tục, không bị gián đoạn. Phép thử LOI thường được xác định bằng phương pháp thử nghiệm theo ASTM D2863. Tuy nhiên, thử nghiệm ASTM D2863 đòi hỏi thiết bị tạo hỗn hợp khí thử nghiệm chính xác,

khiến việc sàng lọc vật liệu mới có khả năng bắt cháy trở lên tốn kém. Vì vậy, nhiều nhóm nghiên cứu trên thế giới đã tìm cách dự đoán các giá trị LOI với các dữ liệu đầu vào là các thông số thu được từ cấu trúc phân tử. Ví dụ, Funar-Timofei và cộng sự (2014) lần đầu tiên thiết lập mô hình thiết lập mối quan hệ giữa cấu trúc phân tử với các tính chất lí hóa QSPR (Quantitative Structure–Property Relationship) cho 28 polyphosphoester, độ tin cậy đạt $R^2 = 0,88$ [2]. Mô hình này hứa hẹn cho việc thiết lập các mô hình dự đoán LOI bằng các phương pháp tính toán lý thuyết. Sau đó Crisan và các cộng sự (2016) mở rộng sang 56 dimer phosphoester và khẳng định vai trò của mô tả 3D-Morse (Molecular Representation of Structures based on Electron diffraction) hỗ trợ rất tốt cho QSPR để dự đoán tính chất của các chất thông qua cấu trúc phân tử [3]. Ở hướng nhiệt động hóa học, Nelson và các cộng sự (2001) đã xây dựng mô hình nhiệt động học và động học ở điểm ranh giới giữa hai pha nhằm giải thích ngưỡng LOI như điểm phân nhánh nhiệt động [4], còn Mathieu và các cộng sự (2011) áp dụng lý thuyết tắt lửa ngược để tiên đoán LOI từ các thông số TGA và phép đo nhiệt lượng kế hình nón (cone-calorimeter) [1]. Dẫu vậy, các nghiên cứu trên còn giới hạn kích thước tập dữ liệu và chưa tích hợp tính toán lượng tử cho các mô tả phân tử có ý nghĩa vật lý. Gần đây, Chen và các cộng sự (năm 2022) chứng minh học máy có điều hướng (Sure-Independence-Screening) giúp thiết kế phụ gia phosphoruss làm tăng LOI của epoxy lên 35,7 % [5]. Động lực đó thúc đẩy chúng tôi phát triển một quy trình mới, tích hợp phương pháp phiếm hàm mật độ (DFT) dùng để mô tả phân tử với học máy để dự đoán LOI chính xác và diễn giải được cơ chế và hành vi chống cháy của vật liệu.

2. Phương pháp tính toán

Chúng tôi tổng hợp một cơ sở dữ liệu gồm 427 giá trị LOI từ các nghiên cứu thực nghiệm đã được công bố và chuẩn hóa trong các nghiên cứu trước đây [6 – 11]. Sau đó, các giá trị LOI này được xử lý bằng phương pháp loại bỏ dữ liệu trùng lặp và các điểm ngoại lai sử dụng tiêu chuẩn khoảng tứ phân vị (IQR) để đảm bảo tính nhất quán của tập dữ liệu.

Các cấu trúc phân tử tương ứng được tối ưu hóa ở mức lý thuyết B3LYP-D3/6-31+G(d,p) trong môi trường chân không. Từ hàm sóng đã tối ưu hóa, chúng tôi trích xuất được tổng cộng 322 mô tả phân tử (descriptor), bao gồm các thông số năng lượng orbital (E_{HOMO} , E_{LUMO} , $\Delta E_{\text{HOMO-LUMO}}$), độ cứng–mềm hóa học (η , σ), moment lưỡng cực (μ), phân bố điện tích bề mặt (ESP), các chỉ số topo-hình học và mô tả phân tử lượng tử liên quan năng lượng mặt cắt (Q-ECS). Để kiểm soát đa cộng tuyến, các mô tả có hệ số tương quan Pearson tuyệt đối lớn hơn 0,9 hoặc VIF (hệ số phóng đại phương sai) lớn hơn 5 đã được loại bỏ, còn lại 74 biến mô tả phù hợp cho mô hình. Chúng tôi sử dụng thuật toán hồi quy đa biến kết hợp di truyền (GA-MLR) với 1000 thế hệ để xác định bộ 12 mô tả phân tử có tính thông tin cao nhất. Sau khi xác định bộ mô tả tối ưu, chúng tôi tiến hành huấn luyện và so sánh hiệu năng của bốn mô hình học máy: hồi quy tuyến tính đa biến (MLR), máy vector hỗ trợ sử dụng hàm nhân RBF (SVR-RBF), Random Forest (RF, gồm 500 cây quyết định, $m_{\text{try}} = \sqrt{p}$) và mạng nơ-ron sâu (DNN) ba lớp ẩn với tỷ lệ dropout là 0,2. Toàn bộ tập dữ liệu được chia ngẫu nhiên với tỷ lệ 70% dùng để huấn luyện, 15% để hiệu chỉnh, và 15% để đánh giá mô hình cuối cùng, áp dụng kỹ thuật kiểm chứng chéo 10-fold nhằm tăng tính ổn định và độ tin cậy cho kết quả. Các chỉ số R^2 , Q^2_{ext} , RMSE và CCC được dùng để đánh giá và so sánh hiệu năng dự đoán, tuân theo các khuyến cáo của Gramatica (2007) [12]. Độ bền mô hình được kiểm chứng bằng phương pháp y-randomisation lặp lại 1000 lần. Cuối cùng, chúng tôi sử dụng phương pháp giá trị SHAP và phép hoán vị độ quan trọng để làm rõ vai trò và mức độ đóng góp của các mô tả phân tử đã chọn, đồng thời kiểm tra độ chính xác mô hình bằng năm mẫu epoxy gia cường phụ gia phosphorus-nitrogen được tổng hợp mới và đo LOI theo tiêu chuẩn ASTM D2863. Mô tả tóm tắt quy trình xây dựng phương pháp được trình bày trong Hình 1.



Hình 1: Mô tả tóm tắt quy trình xây dựng phương pháp dự đoán LOI.

3. Kết quả và thảo luận

Phân tích kết quả đánh giá mô hình cho thấy hiệu suất dự đoán LOI có sự khác biệt rõ rệt giữa các thuật toán được sử dụng. Trong số các phương pháp thử nghiệm, mô hình hồi quy tuyến tính đa biến (MLR) có hiệu năng thấp nhất, với hệ số xác nhận ngoài $Q^2_{ext} = 0,55$, chỉ đáp ứng được một phần nhỏ độ biến động của dữ liệu thực nghiệm. Mô hình máy vector hỗ trợ (SVR) sử dụng hàm nhân RBF cải thiện đáng kể kết quả, nâng chỉ số Q^2_{ext} lên 0,74. Tuy nhiên, nổi bật nhất là mô hình Random Forest – RF gồm 500 cây quyết định, cho hiệu năng vượt trội với $Q^2_{ext} = 0,83$ và sai số trung bình bình phương gốc RMSE trên tập kiểm tra chỉ 1,7% thể tích oxygen. Điều này chứng tỏ RF có khả năng xử lý tốt các quan hệ phi tuyến phức tạp giữa các mô tả phân tử lượng tử và chỉ số LOI, phù hợp với đặc điểm của dữ liệu LOI là sự tương tác phức tạp giữa cấu trúc và hiệu quả chống cháy. Ngược lại, mạng neuron sâu (Deep neuron network - DNN), mặc dù có cấu trúc mô hình linh hoạt hơn, nhưng lại không đem lại cải tiến đáng kể về hiệu suất dự đoán so với RF (chỉ đạt $Q^2_{ext} = 0,81$). Nguyên nhân có thể do giới hạn về quy mô của tập dữ liệu khiến DNN chưa thể khai thác hết thế mạnh học sâu. Các kết quả này được tổng hợp chi tiết trong

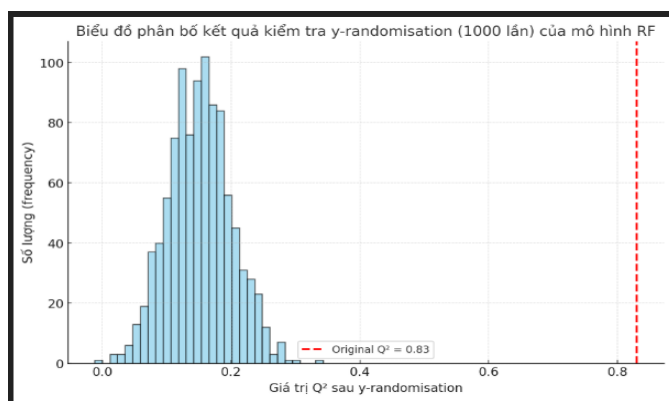
Bảng 1, trong đó các chỉ số đánh giá được so sánh trực tiếp để làm rõ ưu thế của RF.

Bảng 1: Hiệu năng dự đoán LOI của các mô hình trên tập dữ liệu kiểm tra ($n=64$).

Mô hình	R^2	Q^2_{ext}	RMSE (% thể tích O_2)	CCC
MLR	0,58	0,55	3,5	0,72
SVR	0,78	0,74	2,5	0,84
RF	0,86	0,83	1,7	0,92
DNN	0,84	0,81	1,9	0,90

Để đảm bảo rằng kết quả của RF không bị ảnh hưởng bởi sự tình cờ ngẫu nhiên, phương pháp kiểm định tính ổn định (y-randomisation) đã được thực hiện 1000 lần. Kết quả cho thấy mô hình RF có độ ổn định cao, với sự suy giảm của

Q^2_{ext} không quá 0,05 sau mỗi lần xáo trộn dữ liệu. Hình ảnh phân bố kết quả y-randomisation (Hình 2) minh họa rõ ràng độ bền và độ tin cậy của mô hình RF.



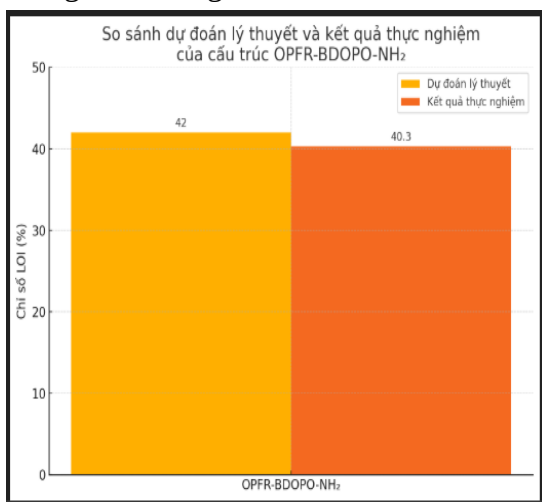
Hình 2: Phân tích độ quan trọng các mô tả phân tử sử dụng SHAP (12 mô tả quan trọng nhất).

Đường kẻ màu đỏ thể hiện giá trị $Q^2_{ext} = 0,83$ của mô hình ban đầu, rõ ràng nằm ngoài phân bố của các giá trị Q^2_{ext} khi dữ liệu bị xáo trộn ngẫu nhiên. Điều này chứng minh mô hình RF được xây dựng có hiệu suất dự đoán tốt và ổn định, không phải do ngẫu nhiên, khẳng định độ tin cậy và giá trị thực tiễn của mô hình này trong dự đoán chỉ số LOI.

Để so sánh hiệu quả thực tế, chúng tôi tiến hành kiểm tra dự đoán của mô hình RF với một mô hình bán thực nghiệm trước đây là mô hình động học hai pha của Nelson và cộng sự (2001) [4] dự đoán chỉ số LOI của Polymethyl Methacrylate (PMMA) là 21,8%, sai lệch

2% so với giá trị thực nghiệm ($LOI = 19,8\%$), trong khi mô hình RF chúng tôi đề xuất giảm sai số xuống chỉ còn $0,8\%$. Điều này nhấn mạnh lợi thế của mô hình dựa trên tính toán lượng tử và học máy trong việc hiệu chỉnh các thông số vi mô, đặc biệt là hằng số truyền nhiệt và năng lượng hoạt hóa.

Khi áp dụng mô hình RF để dự đoán LOI cho các vật liệu ngoài tập dữ liệu gốc, như hệ epoxy chứa khung hữu cơ-kim loại (MOFs), mô hình vẫn duy trì được độ chính xác cao ($RMSE = 2,1\% O_2$). Các dự đoán cũng đúng về xu hướng chống cháy đã được báo cáo trước đó (ví dụ: $Fe-MOF > Al-MOF > Cu-MOF$) như nghiên cứu của Wang và cộng sự (2023) [13]. Điều này cho thấy khả năng khái quát hóa mạnh mẽ và tính ứng dụng thực tế rộng rãi của mô hình RF được xây dựng. Cuối cùng, nhằm minh họa khả năng ứng dụng của phương pháp, chúng tôi sử dụng mô hình RF kết hợp thuật toán tối ưu hóa Bayes để thiết kế cấu trúc phụ gia phosphonate mới (OPFR-BDOPO- NH_2). Dự đoán lý thuyết cho biết giá trị là LOI là 42% , được kiểm chứng bằng kết quả thực nghiệm là $40,3\%$, với sai lệch rất nhỏ chỉ $1,7\%$ (Hình 3). Điều này củng cố vai trò quan trọng của phương pháp này trong thiết kế và phát triển các vật liệu chống cháy không chứa halogen mới.



Hình 3: So sánh dự đoán lý thuyết và kết quả thực nghiệm của cấu trúc OPFR-BDOPO- NH_2 mới.

Tổng thể, những kết quả phân tích sâu sắc này minh chứng rằng phương pháp tích hợp DFT và mô hình học máy (RF-SHAP) không chỉ có độ chính xác cao, mà còn cung cấp công cụ hiệu quả để hiểu rõ các cơ chế chống cháy cấp độ phân tử, hỗ trợ đắc lực cho công tác nghiên cứu phát triển vật liệu mới.

4. Kết luận.

Bộ quy trình DFT → mô tả phân tử → RF-SHAP đưa ra trong nghiên cứu này cho phép dự báo LOI với sai số $< 2\%$ thể tích oxygen và cung cấp thông tin cơ chế hóa học hữu ích. Phương pháp chứng minh khả năng giảm mạnh số phép thử LOI, hỗ trợ thiết kế nhanh vật liệu chống cháy mới (thường là vật liệu không chứa halogen). Bên cạnh đó, mô hình mạng neuron sâu (DNN) cũng hứa hẹn là mô hình tốt có thể áp dụng để dự đoán LOI, do $R^2_{DNN} \approx R^2_{RF}$ (xem bảng 1). Mặc dù mô hình DNN đã được chứng minh tốt hơn mô hình RF trong nhiều một số công bố trước đây [14,15], nhưng do sự giới hạn về tập cơ sở dữ liệu đầu vào của LOI trong nghiên cứu này còn hạn chế, nên mô hình DNN chưa phát huy được điểm mạnh của nó là khả năng học được các đặc trưng phức tạp hơn. Trong tương lai, việc mở rộng tập dữ liệu đầu vào thông qua việc hợp tác và chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu thực nghiệm từ nhiều nhóm nghiên cứu khác nhau về LOI sẽ cải thiện độ chính xác của mô hình DNN và việc cải thiện độ chính xác của DNN sẽ mở đường cho việc tích hợp mô hình DNN này song song với mô hình RF mà nhóm tác giả đã đề xuất ở mục 3 vào phần mềm máy tính được lập trình sẵn giúp cho việc đánh giá chỉ số LOI trở nên chính xác hơn nhằm hỗ trợ cho công tác đánh giá rủi ro cháy nổ liên quan đến vật liệu mới. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Mathieu, S., et al. (2011). Prediction of the limiting oxygen index using simple flame extinction theory and bench-scale material properties. *Fire Safety Science: Proceedings of the 10th International Symposium*, 375-388.
<https://doi.org/10.3801/IAFSS.FSS.10-375>.
- Funari-Timofei, S. et al. (2014). Correlations of limiting oxygen index with structural polyphosphoester features by QSPR approaches. *Structural Chemistry*, 25, 1847-1863.
<https://doi.org/10.1007/s11224-014-0474-7>.
- Crisan, L., Iliescu, S., & Funari-Timofei, S (2016). Structure-flammability relationship study of phosphoester dimers by MLR and PLS.

Polimeros, 26(2), 129-136.

<https://doi.org/10.1590/0104-1428.2306>.

4. Nelson, M. I., Sidhu, H. S., Weber, R. O., Mercer, G. N. (2001). *A dynamical systems model of the limiting oxygen index test*. ANZIAM Journal, 43, 105-117.

<https://doi.org/10.1017/S1446181100011457>.

5. Chen, Z., Yang, B., ... Liu, L. X. (2022). *Machine learning-guided design of organic phosphorus-containing flame retardants for improving the limiting oxygen index of epoxy resins*. Chemical Engineering Journal, 455, 140547. <https://doi.org/10.1016/j.cej.2022.140547>.

6. Hirschler, M. M. (2008). *Polymeric materials and their flammability: Recent developments*. Fire and Materials, 32(1), 1–15. <https://doi.org/10.1002/fam.960>

7. Horrocks, A. R., Price, D., Kandola, B. K., & Coleman, G. V. (2005). *Flame-retardant treatments of cellulosic materials*. Fire and Materials, 29(4), 245–266. <https://doi.org/10.1002/fam.875>.

8. Hull, T. R., Witkowski, A., & Hollingbery, L. (2011). *Fire retardant action of mineral fillers*. Polymer Degradation and Stability, 96(8), 1462–1469. <https://doi.org/10.1016/j.polymdegradstab.2011.05.006>.

9. Jiao, Z., Escobar-Hernandez, H. U., Parker, T., & Wang, Q. (2019). *Review of recent developments of QSPR models on fire and explosion-related properties*. Process Safety and Environmental Protection, 129, 280–290. <https://doi.org/10.1016/j.psep.2019.06.027>.

10. Kandola, B. K., & Horrocks, A. R. (2000). *Complex char formation in flame-retarded fiber-reinforced polyester composites*. Journal of Applied Polymer Science, 78(5), 978–987. [https://doi.org/10.1002/10974628\(20001031\)78:5<977::AID-APOL780978>3.0.CO;2-1](https://doi.org/10.1002/10974628(20001031)78:5<977::AID-APOL780978>3.0.CO;2-1).

11. Stoliarov, S. I., & Lyon, R. E. (2008). *Thermo-kinetic model of burning for pyrolyzing materials*. Fire Safety Journal, 43(8), 610–617. <https://doi.org/10.1016/j.firesaf.2008.02.005>.

12. Gramatica, P. (2007). *Principles of QSAR models validation: Internal and external*. QSAR & Combinatorial Science, 26(5), 694–701. <https://doi.org/10.1002/qsar.200610151>.

13. Song, K., Pan, Y. T., Zhang, J., Song, P., He, J., Wang, D. Y., & Yang, R. (2023). *Metal–organic frameworks–based flame-retardant system for epoxy resin: A review and prospect*. Chemical Engineering Journal, 468, 143653. <https://doi.org/10.1016/j.cej.2023.143653>.

14. Bodruddoza, M., Ghimire, I., van der Walt, W., & Pal, M. (2019). *Uncertainty Assessment of Hyperspectral Image Classification: Deep Learning vs. Random Forest*. Entropy, 21(1), 78. <https://doi.org/10.3390/e21010078>.

15. Boston, T., Van Dijk, A., & Thackway, R. (2024). *U-Net Convolutional Neural Network for Mapping Natural Vegetation and Forest Types from Landsat Imagery in Southeastern Australia*. Journal of Imaging, 10(6), 143. <https://doi.org/10.3390/jimaging10060143>.

MỘT SỐ NỘI DUNG NỔI BẬT CỦA LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN NĂM 2025

Đại úy HÀ THỊ HUỆ

Khoa Luật, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Hà Thị Huệ (E-mail: Hue.ha.731@gmail.com)

Tóm tắt: Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Bài viết trình bày nội dung khái quát và một số điểm nổi bật của Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân năm 2025 như: phạm vi áp dụng; các hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến dữ liệu cá nhân; một số trường hợp xử lý dữ liệu không cần sự đồng ý trong một số trường hợp chính đáng; việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một số trường hợp đặc biệt....

Từ khoá dữ liệu cá nhân, trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Abstract: The Personal Data Protection Law will take effect from January 1, 2026. The article presents an overview and some highlights of the 2025 Personal Data Protection Law, including the scope of application; prohibited acts related to personal data; legitimate circumstances in which personal data may be processed without consent; and the protection of personal data in special cases....

Keywords: personal data; responsibility for protecting personal data.

1. Ngày 26/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chính thức thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Luật số 91/2025/QH15), Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Việc Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân là rất cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân; ngăn chặn các hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. Đồng thời thể chế hóa các chủ trương lớn của Đảng về chiến lược an ninh mạng quốc gia, về phát triển khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong kỷ nguyên số.

2. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 bao gồm 5 chương với 39 điều; quy định về dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Là văn bản luật đầu tiên ở Việt Nam quy định chuyên biệt về dữ liệu cá nhân và bảo vệ dữ liệu cá nhân do

vậy, đây là công cụ pháp lý thiết yếu để các chủ thể pháp luật trong việc bảo vệ quyền riêng tư của mình trong bối cảnh chuyển đổi số. Đối với các cơ quan quản lý, việc luật định các nội dung, thẩm quyền quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đặc biệt là chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ góp phần ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong thực tiễn. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 có một số nội dung nổi bật sau:

Một là, phạm vi áp dụng mở rộng ra toàn cầu

Tại Điều 1 quy định, Luật áp dụng với: Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận căn cước.

Như vậy, Luật không chỉ áp dụng với tổ chức, cá nhân trong nước, Luật còn mở rộng phạm vi điều chỉnh tới các tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận căn cước. Đây là điểm tiệm cận với các tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu quốc tế như GDPR của Châu Âu, khẳng định vai trò chủ động của Việt Nam trong bảo vệ thông tin người dùng trong kỷ nguyên xuyên biên giới.

Thứ hai, phân loại dữ liệu cá nhân rõ ràng, chính sách linh hoạt theo từng lĩnh vực

Luật đưa ra khái niệm pháp lý rõ ràng về dữ liệu cá nhân, phân loại thành dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Trong đó, dữ liệu cá nhân cơ bản là dữ liệu cá nhân phản ánh các yếu tố nhân thân, lai lịch phổ biến, thường xuyên sử dụng trong các giao dịch, quan hệ xã hội, thuộc danh mục do Chính phủ ban hành. Dữ liệu cá nhân nhạy cảm là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân, khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thuộc danh mục do Chính phủ ban hành

Tương ứng với mỗi loại dữ liệu, cho phép Chính phủ quy định chi tiết nhằm linh hoạt điều chỉnh theo từng giai đoạn và bối cảnh. Đặc biệt, Luật đưa ra quy định riêng cho từng ngành nghề như: Tuyển dụng, quản lý, sử dụng người lao động; tài chính - ngân hàng; y tế, bảo hiểm; quảng cáo; trong xử lý dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo, điện toán đám mây... Qua đó, giúp các tổ chức triển khai đúng chuẩn bảo mật trong lĩnh vực hoạt động của mình, tránh rủi ro pháp lý.

Thứ ba, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân

Chủ thể dữ liệu cá nhân có quyền được biết, đồng ý hoặc rút lại sự đồng ý, xem, chỉnh sửa, yêu cầu xóa, hạn chế xử lý dữ liệu, phản đối xử lý, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời, chủ thể phải tự bảo vệ dữ liệu; tôn trọng dữ liệu của người khác; cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân của mình theo quy định của pháp luật,

theo hợp đồng hoặc khi đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của mình; chấp hành pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và tham gia phòng, chống hoạt động xâm phạm dữ liệu cá nhân. Quy định này ngăn chặn lạm dụng quyền, đồng thời khuyến khích ý thức trách nhiệm trong môi trường số.

Thứ tư, quy định rõ ràng các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài mạnh mẽ, xử lý nghiêm hành vi vi phạm

Tại Điều 7 quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm: (1) Xử lý dữ liệu cá nhân nhằm chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. (2) Cản trở hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân. (3) Lợi dụng hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. (4) Xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật. (5) Sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác, cho người khác sử dụng dữ liệu cá nhân của mình để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật. (6) Mua, bán dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác. (7) Chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất dữ liệu cá nhân.

Luật quy định xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ Dữ liệu cá nhân (Điều 8) theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Luật đưa ra mức phạt rất cao nhằm răn đe hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân: Phạt hành chính lên tới 3 tỷ đồng hoặc 10 lần doanh thu bất hợp pháp; phạt tối đa 5% doanh thu năm trước trong trường hợp vi phạm chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài. Trường hợp nghiêm trọng, tổ chức, cá nhân có thể bị xử lý hình sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại dân sự.

Thứ năm, xử lý dữ liệu không cần sự đồng ý trong một số trường hợp chính đáng.

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân bổ sung cơ sở pháp lý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của chủ thể trong một số trường hợp cụ thể vì quyền hoặc lợi ích chính đáng của bên xử lý gồm các trường hợp: (1) Để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc người khác trong trường hợp cấp bách; bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình,

của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan tổ chức một cách cần thiết trước hành vi xâm phạm lợi ích nói trên; (2) Để giải quyết tình trạng khẩn cấp; nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; (3) Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; (4) Thực hiện thỏa thuận của chủ thể dữ liệu cá nhân với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật. Điều này giúp cân bằng giữa bảo vệ quyền riêng tư và nhu cầu thực tế trong quản trị dữ liệu.

Thứ sáu, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một số trường hợp đặc biệt

Một là, bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Đối với trẻ em, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện theo pháp luật thay mặt thực hiện các quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 19 của Luật này. Việc xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em nhằm công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải có sự đồng ý của trẻ em và người đại diện theo pháp luật.

Hai là, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng người lao động.

Về trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tuyển dụng lao động, Điều 25 quy định như sau: Chỉ được yêu cầu cung cấp các thông tin phục vụ cho mục đích tuyển dụng của cơ quan, tổ chức, cá nhân tuyển dụng phù hợp với quy định của pháp luật; thông tin được cung cấp chỉ được sử dụng vào mục đích tuyển dụng và mục đích khác theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật; Thông tin cung cấp phải được xử lý theo quy định của pháp luật và phải được sự đồng ý của người dự tuyển; Phải xóa, hủy thông tin đã cung cấp của người dự tuyển trong trường hợp không tuyển dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người đã dự tuyển....

Trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng người lao động được quy định như sau: Tuân thủ quy định, pháp luật về lao động, việc làm, pháp luật về dữ liệu và quy định khác của pháp luật có liên quan; dữ liệu cá nhân của người lao động phải lưu trữ trong thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận; phải xóa, hủy dữ liệu cá nhân của người lao động khi chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp theo thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Ba là, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với thông tin sức khỏe và trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các thông tin sức khỏe và trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này. Đồng thời, áp dụng đầy đủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sức khỏe không cung cấp dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba là tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoặc dịch vụ bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này. Tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng về y tế, ứng dụng về kinh doanh bảo hiểm phải tuân thủ đầy đủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm và có chuyển dữ liệu cá nhân cho đối tác cần được nêu rõ trong hợp đồng với khách hàng.

Bốn là, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng.

Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thông tin tín dụng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp phòng, chống truy cập, sử dụng, tiết lộ, chỉnh sửa trái phép dữ liệu cá nhân của khách hàng; có giải pháp khôi phục dữ liệu cá nhân của khách hàng trong trường hợp bị mất; bảo mật trong quá trình thu thập, cung cấp, xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng phục vụ đánh giá thông tin tín dụng....

Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng có trách

nhệm thực hiện đầy đủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhạy cảm, các tiêu chuẩn an toàn, bảo mật trong hoạt động tài chính, ngân hàng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng thông tin tín dụng của chủ thể dữ liệu cá nhân để chấm điểm, xếp hạng tín dụng, đánh giá thông tin tín dụng, đánh giá mức độ tín nhiệm về tín dụng của chủ thể dữ liệu cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân. Chỉ thu thập những dữ liệu cá nhân cần thiết phục vụ cho hoạt động thông tin tín dụng từ các nguồn phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân trong trường hợp lộ, mất thông tin về tài khoản ngân hàng, tài chính, tín dụng, thông tin tín dụng.

Năm là, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các nền tảng mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến..

Tại Điều 29 quy định tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến có trách nhiệm: Thông báo rõ ràng nội dung dữ liệu cá nhân thu thập khi chủ thể dữ liệu cá nhân cài đặt và sử dụng mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến; không thu thập trái phép dữ liệu cá nhân và ngoài phạm vi theo thỏa thuận với khách hàng; không được yêu cầu cung cấp hình ảnh, video chứa nội dung đầy đủ hoặc một phần giấy tờ tùy thân làm yếu tố xác thực tài khoản; cung cấp lựa chọn cho phép người dùng từ chối thu thập và chia sẻ tệp dữ liệu; cung cấp lựa chọn “không theo dõi” hoặc chỉ được theo dõi hoạt động sử dụng mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến khi có sự đồng ý của người sử dụng; không nghe lén, nghe trộm hoặc ghi âm cuộc gọi và đọc tin nhắn văn bản khi không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;... Bảo vệ dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam khi chuyển dữ liệu xuyên biên giới; xây dựng quy trình xử lý vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhanh chóng và hiệu quả.

Sáu là, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong xử lý dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo, điện toán đám mây.

Dữ liệu cá nhân trong môi trường dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo và điện toán đám mây phải được xử lý đúng mục đích và giới hạn trong

phạm vi cần thiết, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân. Việc xử lý dữ liệu cá nhân trong môi trường dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo và điện toán đám mây phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; phù hợp với chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam. Hệ thống và dịch vụ sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vũ trụ ảo và điện toán đám mây phải được tích hợp các biện pháp bảo mật dữ liệu cá nhân phù hợp; phải sử dụng phương thức xác thực, định danh phù hợp và phân quyền truy cập để xử lý dữ liệu cá nhân....

Bảy là, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu vị trí cá nhân, dữ liệu sinh trắc học

Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu vị trí cá nhân được quy định như sau: Không áp dụng việc theo dõi định vị qua thẻ nhận dạng tần số vô tuyến và các công nghệ khác, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác. Tổ chức, cá nhân cung cấp nền tảng ứng dụng di động phải thông báo cho người sử dụng về việc sử dụng dữ liệu vị trí cá nhân; có biện pháp ngăn chặn việc thu thập dữ liệu vị trí cá nhân của tổ chức, cá nhân không liên quan; cung cấp cho người sử dụng các tùy chọn theo dõi vị trí cá nhân.

Việc bảo vệ dữ liệu sinh trắc học quy định như sau: cơ quan, tổ chức, cá nhân thu thập và xử lý dữ liệu sinh trắc học phải có biện pháp bảo mật vật lý đối với thiết bị lưu trữ và truyền tải dữ liệu sinh trắc học của mình; hạn chế quyền truy cập vào dữ liệu sinh trắc học; có hệ thống theo dõi để phòng ngừa, phát hiện hành vi xâm phạm dữ liệu sinh trắc học; tuân thủ quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế có liên quan. Trường hợp xử lý dữ liệu sinh trắc học gây thiệt hại cho chủ thể dữ liệu cá nhân thì tổ chức, cá nhân thu thập và xử lý dữ liệu sinh trắc học phải thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân đó theo quy định.

3. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 là bước tiến quan trọng của Việt Nam trong xây dựng môi trường pháp lý số minh bạch, tin cậy và phù hợp thông lệ quốc tế. Với các quy định tinh gọn về dữ liệu

cá nhân, nguyên tắc bảo vệ, quyền nghĩa vụ, chế tài và quy định đặc thù, Luật không chỉ bảo vệ quyền riêng tư mà còn thúc đẩy kinh tế số và hội nhập quốc tế. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 mang lại ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng môi trường số an toàn và thúc đẩy chuyển đổi số bền vững.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
3. Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (2025), *Một số điểm mới đáng chú ý của Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân năm 2025*, Hà Nội.
4. Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân (2025), *Những nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ Dữ liệu năm 2025*, Hà Nội.
5. Quốc hội (2025), *Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân năm 2025*, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 19/12/2025; Ngày thẩm định: 24/3/2026; Ngày duyệt đăng: 31/3/2026.

THIẾT KẾ CÔNG CỤ TÍCH HỢP MÔ HÌNH TRỰC QUAN HÓA TRONG GIẢNG DẠY GIẢI TÍCH VÀ XÁC SUẤT THỐNG KÊ TẠI ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thiếu tá, ThS NGUYỄN NGỌC THẮNG - Thiếu tá, ThS TRẦN THỊ HUYỀN GIANG

Khoa Khoa học cơ bản và Ngoại ngữ, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Huyền Giang (Email: huyengiangkhtn@gmail.com)

Tóm tắt: Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu nhằm giải quyết những thách thức trong việc giảng dạy và học tập môn Toán tại Trường Đại học PCCC thông qua việc thiết kế, xây dựng bộ công cụ dạy học tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin. Nghiên cứu đã phát triển thành công một hệ thống các giải pháp chuyên biệt, sử dụng các phần mềm phù hợp cho từng học phần trọng tâm: các mô hình mô phỏng động trên GeoGebra được xây dựng để trực quan hóa các khái niệm trừu tượng của Giải tích; các thí nghiệm ảo được thiết kế để minh họa quy luật ngẫu nhiên và giúp sinh viên tiếp cận khái niệm xác suất thông qua thống kê và các công cụ trên nền tảng Microsoft Excel được phát triển để tự động hóa việc trình bày lời giải tự động chi tiết theo từng bước cho các bài toán thống kê phức tạp. Kết quả của nghiên cứu là một bộ công cụ dạy học đồng bộ, không chỉ hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy mà còn tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận kiến thức một cách chủ động, trực quan và hiệu quả, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại nhà trường.

Từ khóa: công cụ dạy học, Toán cao cấp, Xác suất thống kê, GeoGebra, Microsoft Excel, trực quan hóa, thí nghiệm ảo, bài giải tự động.

Abstract: This paper presents the findings of a study aimed at addressing challenges of teaching and learning Mathematics at the University of Fire Prevention and Fighting (UFPPF) through the design and development of an integrated instructional toolkit incorporating information technology. The study successfully developed a system of specialized solutions using appropriate software for each core course: dynamic simulation models in GeoGebra were created to visualize abstract concepts in Calculus; virtual experiments were designed to illustrate random phenomena and support students' comprehension of probability concepts through statistical exploration; and tools on the Microsoft Excel platform were developed to automate the step-by-step presentation of detailed automatic solutions for complex Statistics problems. The research outcome is a unified teaching toolkit that not only supports instructors in innovating their teaching methods but also enables students to access knowledge in an active, visual, and effective manner, thereby contributing to the overall of educational quality at the university.

Keywords: teaching toolkit, Advanced Mathematics, Probability and Statistics, GeoGebra, Microsoft Excel, visualization, virtual experiments, automated solutions.

1. Đặt vấn đề

Toán học là một môn khoa học cơ bản, đóng vai trò nền tảng cho nhiều môn học cơ sở ngành và chuyên ngành kỹ thuật, bao gồm cả lĩnh vực phòng cháy chữa cháy (PCCC). Tuy nhiên, việc giảng dạy và học tập môn Toán, đặc biệt là các học phần Toán cao cấp và Xác suất thống kê, tại các trường đại học kỹ thuật nói chung và Trường Đại học PCCC nói riêng vẫn còn tồn tại nhiều thách thức.

Các nội dung giảng dạy thường mang tính hàn lâm, trừu tượng, khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc tiếp thu và liên hệ với thực tiễn. Trong nội dung Giải tích: các khái niệm về hàm nhiều biến, đồ thị trong không gian ba chiều, trường véc tơ, hay các mặt cong phức tạp rất khó để hình dung nếu chỉ dùng phương pháp diễn giải và vẽ tay truyền thống trên bảng. Trong nội dung Xác suất thống kê: nhiều định nghĩa và định lý mang tính lý thuyết cao, các ví dụ minh họa đôi khi chưa trực quan. Quá trình thực hành các bài toán ước lượng, kiểm định lại đòi hỏi các bước tính toán phức tạp, dễ gây nhầm lẫn và tốn nhiều thời gian.

Các nghiên cứu gần đây của Rashevskaya và cộng sự [3] chỉ ra rằng việc sử dụng các công cụ mô phỏng giúp sinh viên trực quan hóa các đối tượng hình học phức tạp, biến những khái niệm trừu tượng trên mặt phẳng và không gian trở nên sống động, tương tác được. Do đó, việc đổi mới phương pháp giảng dạy có sự hỗ trợ của Công nghệ thông tin là một yêu cầu cấp thiết [1], [2]. Thay vì chỉ sử dụng các phần mềm thương mại có sẵn thường chỉ đưa ra kết quả cuối cùng mà không làm rõ quá trình tư duy, chúng tôi nghiên cứu và phát triển những công cụ dạy học được thiết kế chuyên biệt cho từng nội dung, nhằm giải quyết triệt để những khó khăn cụ thể mà cả giảng viên và sinh viên đang đối mặt. Bài báo này sẽ trình bày một cách hệ thống các giải pháp mà chúng tôi đã xây dựng.

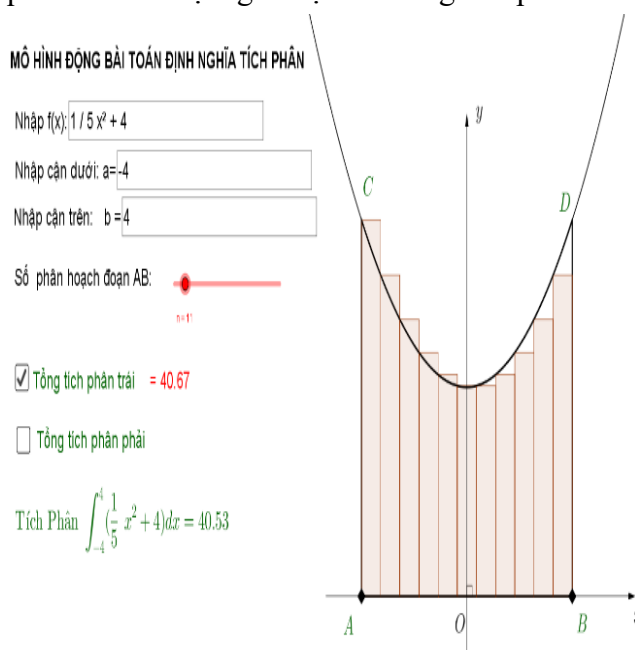
2. Nội dung nghiên cứu và các giải pháp

Bài báo nghiên cứu tập trung vào việc phát triển một hệ thống các giải pháp công nghệ đa dạng, mỗi giải pháp được thiết kế để giải quyết các thách thức đặc thù trong từng nội dung toán học.

2.1. Trực quan hóa các khái niệm Giải tích

Chúng tôi sử dụng GeoGebra để thiết kế các mô hình động hỗ trợ giảng dạy các nội dung Giải tích dựa trên khung chương trình chuẩn [4], [5]. Theo Yorganci [6], GeoGebra giúp sinh viên hình thành thái độ tích cực và tăng cường khả năng tự khám phá kiến thức thông qua việc tương tác với các đối tượng hình học động. Đối với học phần Giải tích, thách thức lớn nhất là tính trừu tượng của các đối tượng trong không gian. Giải pháp của chúng tôi là xây dựng một bộ công cụ mô phỏng trên nền tảng GeoGebra, cho phép sinh viên tương tác và quan sát các khái niệm toán học.

Mô phỏng định nghĩa Tích phân xác định: Để làm sáng tỏ khái niệm tích phân xác định, một mô hình động đã được xây dựng để tính diện tích hình thang cong. Mô hình cho phép người dùng xét một hàm số $y = f(x)$ bất kỳ, ví dụ $f(x) = \frac{1}{5}x^2 + 4$ trên một đoạn $[a, b]$ tùy ý. Sau đó, đoạn $[a, b]$ này được phân hoạch thành n đoạn nhỏ, với n có thể điều chỉnh bằng một thanh trượt. Công cụ sẽ tính và hiển thị tổng diện tích của các hình chữ nhật xấp xỉ, được tính theo quy tắc tổng tích phân trái và tổng tích phân phải. Khi kéo thanh trượt để tăng giá trị của n như thể hiện trong Hình 1, sinh viên có thể quan sát trực quan quá trình hội tụ của các tổng này về giá trị của tích phân xác định. Qua đó, người học có thể tiếp cận một cách rõ ràng và trực quan về khái niệm giới hạn của tổng tích phân.



Hình 1: Mô hình động mô phỏng định nghĩa tích phân xác định.

Mô phỏng về Tích phân bội: Tương tự, các mô hình động cũng được xây dựng cho bài toán tích phân bội được mô tả trong Hình 2. Các mô hình này giúp sinh viên hình dung vật thể trong không gian ba chiều có thể tích cần tính, thay vì chỉ tưởng tượng qua hình vẽ phẳng, từ đó hiểu rõ hơn về ý nghĩa hình học của phép tính.

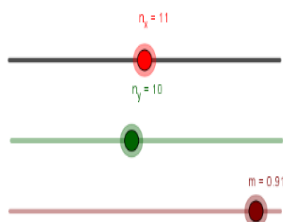
MÔ HÌNH ĐỘNG BÀI TOÁN TÍCH PHÂN BỘI

Nhập $z=f(x,y)=0.2(x^2+y^2-1)$

Kéo thanh trượt n_x để phân hoạch theo chiều Ox .

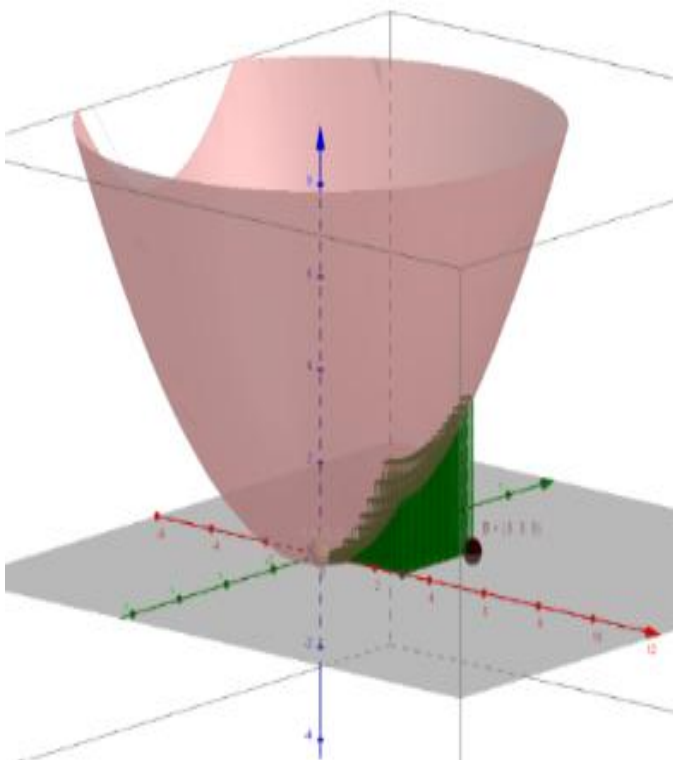
Kéo thanh trượt n_y để phân hoạch theo chiều Oy .

Kéo thanh trượt m để xác định vị trí hình chữ nhật con trong phân hoạch



Giá trị tích phân

$$\iint_D f(x,y) dx dy = \iint_D (0.2(x^2+y^2-1)) dx dy = 10.2931$$



Hình 2: Giao diện tương tác mô phỏng bài toán tích phân bội trong không gian 3 chiều.

2.2. Xây dựng thí nghiệm ảo trong giảng dạy Xác suất

Để biến các khái niệm xác suất vốn khô khan trở nên hữu hình, bài báo đã xây dựng các mô hình thí nghiệm ảo về tính tần số, xác suất, vẽ biểu đồ, ... Mô hình này giúp học viên hiểu rõ hơn về xác suất của các biến cố, ví dụ thông qua thí nghiệm mô phỏng gieo hai "đồng xu" được minh họa tại Hình 3. Thí nghiệm ảo này cho phép học viên thực hiện các phép thử và quan sát sự phân phối của các kết quả, từ đó xây dựng trực quan khái niệm xác suất và các đặc điểm của biến cố trong không gian xác suất.



Hình 3: Mô hình thí nghiệm gieo hai đồng xu ngẫu nhiên.

2.3. Xây dựng lời giải tự động cho các bài toán Thống kê

Giải pháp này nhằm giải quyết khó khăn trong việc thực hiện các quy trình tính toán phức tạp và tốn thời gian của môn Thống kê.

Nhập liệu: Sinh viên chỉ cần nhập các dữ liệu đầu vào của bài toán vào các ô đã được định sẵn trong bảng tính Excel. Ví dụ, với bài toán ước lượng khoảng cho giá trị trung bình từ dữ liệu ghép lớp, sinh viên sẽ nhập các giá trị đại diện của lớp và tần số tương ứng, cùng với độ tin cậy yêu cầu, được thể hiện trong Hình 4.

Xử lý và xuất kết quả: Hệ thống sẽ tự động thực hiện toàn bộ các bước tính toán cần thiết.

Đặc điểm nổi bật: Thay vì chỉ đưa ra một con số cuối cùng, công cụ sẽ tạo ra một lời giải hoàn chỉnh, được trình bày rõ ràng theo từng bước chuẩn mực.

BÀI TOÁN KHOẢNG ƯỚC LƯỢNG ĐỐI XỨNG CHO TRUNG BÌNH																																											
TRƯỜNG HỢP CỖ MẪU LỚN ($n \geq 30$)																																											
Loại bài toán	Đề bài	Lời giải																																									
1	Cho biết μ và σ , tìm γ để $P(\bar{X} - \gamma \leq \bar{X} \leq \bar{X} + \gamma) = \gamma$	Chọn thống kê $G = \frac{\bar{X} - \mu}{\sigma/\sqrt{n}} \Rightarrow G \sim N(0; 1)$																																									
2	Cho biết μ và σ , tìm khoảng ước lượng đối xứng cho μ là $\bar{X} \pm t_{n-1}^{\frac{\alpha}{2}} \cdot \frac{\sigma}{\sqrt{n}}$	Với $\gamma = 0.950 \Rightarrow \alpha = 1 - \gamma = 0.05 \Rightarrow t_{n-1}^{\frac{\alpha}{2}} = 1.960$																																									
3	Cho biết μ và σ , tìm khoảng ước lượng đối xứng cho μ là $\bar{X} \pm t_{n-1}^{\frac{\alpha}{2}} \cdot \frac{s}{\sqrt{n}}$	Với mẫu cụ thể ta lập bảng tính $\bar{x}, s^2$																																									
<table border="1"> <thead> <tr> <th>x</th><th>n</th><th>$n_i x_i$</th><th>$n_i x_i^2$</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>15</td><td>5</td><td>75</td><td>1125</td></tr> <tr><td>45</td><td>7</td><td>315</td><td>14175</td></tr> <tr><td>75</td><td>15</td><td>1125</td><td>84375</td></tr> <tr><td>105</td><td>9</td><td>945</td><td>99225</td></tr> <tr><td>135</td><td>6</td><td>810</td><td>109350</td></tr> <tr><td>165</td><td>4</td><td>660</td><td>108900</td></tr> <tr><td>195</td><td>2</td><td>390</td><td>76050</td></tr> <tr><td>225</td><td>1</td><td>225</td><td>50625</td></tr> <tr><td>Tổng</td><td>49</td><td>4545</td><td>543825</td></tr> </tbody> </table>				x	n	$n_i x_i$	$n_i x_i^2$	15	5	75	1125	45	7	315	14175	75	15	1125	84375	105	9	945	99225	135	6	810	109350	165	4	660	108900	195	2	390	76050	225	1	225	50625	Tổng	49	4545	543825
x	n	$n_i x_i$	$n_i x_i^2$																																								
15	5	75	1125																																								
45	7	315	14175																																								
75	15	1125	84375																																								
105	9	945	99225																																								
135	6	810	109350																																								
165	4	660	108900																																								
195	2	390	76050																																								
225	1	225	50625																																								
Tổng	49	4545	543825																																								
Từ bảng trên, tính được:																																											
+ Trung bình mẫu $\bar{x} = \frac{\sum n_i x_i}{n} = 92.755$																																											
+ Phương sai mẫu hiệu chỉnh $s^2 = \frac{1}{n-1} (\sum n_i x_i^2 - n(\bar{x})^2) = 2546.958$																																											
Suy ra độ lệch mẫu hiệu chỉnh $s = \sqrt{s^2} = 50.467$																																											
Độ chính xác $\varepsilon = t_{n-1}^{\frac{\alpha}{2}} \cdot \frac{s}{\sqrt{n}} = 14.131$																																											
Vậy khoảng ước lượng cần tìm là $(\bar{x} - \varepsilon; \bar{x} + \varepsilon) = (78.624; 106.886)$																																											

Hình 4: Lời giải tự động theo từng bước cho bài toán ước lượng.

Việc tích hợp các bài học tự động vào giảng dạy môn Xác suất thống kê mang lại những lợi ích rõ rệt, thiết thực cho cả giảng viên và sinh viên. Đối với giảng viên, các bài học tự động không chỉ giúp quản lý thời gian giảng dạy theo kế hoạch hiệu quả, mà còn hỗ trợ truyền tải kiến thức một cách rõ ràng và dễ hiểu hơn so với phương pháp giảng dạy truyền thống. Điều này tạo điều kiện để giảng viên dành có thêm thời gian để bổ sung và mở rộng các kiến thức cần thiết, qua đó trực tiếp nâng cao chất lượng giảng dạy. Đối với sinh viên, các công cụ này không chỉ kích thích sự hứng thú học tập mà còn giúp họ tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn. Đặc biệt, bài học tự động tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Sự tự động hóa các quy trình tính toán phức tạp còn hỗ trợ sinh viên thực hành bài tập một cách nhanh chóng và hiệu quả, giúp giảm bớt áp lực và tăng cường khả năng hiểu biết về các khái niệm quan trọng.

3. Đánh giá hiệu quả thực nghiệm

Để đánh giá một cách khách quan tính hiệu quả của bộ công cụ dạy học tích hợp so với phương pháp giảng dạy truyền thống, chúng tôi đã tiến hành thực

nghiệm đối chứng trên một nhóm gồm 32 sinh viên tại Trường Đại học PCCC. Thực nghiệm được thực hiện thông qua hai bài kiểm tra: Bài kiểm tra số 1 (khi chưa sử dụng công cụ) và Bài kiểm tra số 2 (sau khi đã áp dụng các công cụ tích hợp mô hình). Kết quả thu được qua hai bài kiểm tra được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Phân tích thống kê đối chứng kết quả học tập ($n = 32$).

Chỉ số thống kê	Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	Mức độ thay đổi
Điểm trung bình ($\bar{x}$)	7.00	7.66	+9.4%
Điểm trung vị (Median)	7.0	8.0	+1.0
Tỷ lệ sinh viên có sự tiến bộ (%)	-	62.5%	-

Dựa trên kết quả thực nghiệm đối chứng, các dữ liệu thu thập được đã phản ánh sự cải thiện đồng bộ và có ý nghĩa về mặt thống kê trong kết quả học tập của sinh viên. Cụ thể, điểm trung bình ($\bar{x}$) của nhóm thực nghiệm đã có mức tăng từ 7.00 lên 7.66, tương ứng với mức tăng 9.4%. Chỉ số này là minh chứng thực tế cho thấy việc ứng dụng bộ công cụ dạy học tích hợp đã hỗ trợ hiệu quả người học trong việc thu hẹp khoảng cách giữa hệ thống lý thuyết toán học trừu tượng và kỹ năng giải quyết các bài toán thực hành thực tiễn. Bên cạnh đó, xét về tỷ lệ phát triển năng lực cá nhân, có 62.5% sinh viên (tương ứng 20/32 học viên) đạt mức điểm ở bài kiểm tra sau cao hơn so với bài kiểm tra trước. Đặc biệt, sự dịch chuyển của điểm trung vị (Median) từ 7.0 lên 8.0 là một chỉ số quan trọng, phản ánh thực tế phần lớn người học thuộc nhóm trung bình - khá đã có sự cải thiện đáng kể, vươn lên nhóm khá - giỏi sau quá trình được tiếp cận với các mô hình trực quan. Kết quả này khẳng định vai trò then chốt của các mô hình trực quan hóa và thí nghiệm ảo trong việc kích thích tư duy và nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức toán học cho sinh viên.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã giải quyết thành công một số thách thức cố hữu trong việc giảng dạy môn Toán tại Trường Đại học PCCC thông qua việc thiết kế và xây dựng một bộ công cụ dạy học toàn diện, ứng dụng công nghệ thông tin. Bài báo đã phát triển thành công

một hệ thống các giải pháp đa dạng, bao gồm: các mô hình mô phỏng tương tác trên GeoGebra giúp trực quan hóa các khái niệm Giải tích phức tạp; các thí nghiệm ảo để minh họa quy luật ngẫu nhiên trong Xác suất; và công cụ giải bài toán tự động theo từng bước trên nền tảng Excel cho môn Thống kê.

Bộ công cụ này không chỉ là phương tiện hỗ trợ tính toán mà còn là một giải pháp sư phạm hiệu quả. Chúng tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi sinh viên có thể chủ động khám phá, thực hành và xây dựng trực giác toán học - một kỹ năng cốt lõi cho các ngành kỹ thuật. Bằng cách biến những kiến thức trừu tượng trở nên hữu hình và sinh động, các công cụ đã tạo ra sự hứng thú và nâng cao đáng kể khả năng tiếp thu của sinh viên. Đối với giảng viên, đây là những trợ thủ đắc lực giúp đổi mới phương pháp giảng dạy và truyền tải kiến thức hiệu quả hơn.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thái Lai (2002), "*Ứng dụng công nghệ thông tin và những vấn đề cần xem xét đổi mới trong hệ thống phương pháp dạy học môn Toán*", Tạp chí Giáo dục, Hà Nội.

2. Trịnh Thanh Hải (2005), *Ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Toán*, Nxb Hà Nội.

3. N. V. Rashevskia, S. O. Semerikov, et al., (2020), "*Using augmented reality tools in the teaching of two-dimensional plane geometry*", Journal of Physics: Conference Series, pp. 79-90.

4. Nguyễn Đình Trí (2009), *Toán cao cấp tập 2*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Nguyễn Đình Trí (2009), *Toán cao cấp tập 3*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. S. Yorganci (2018), "*A study on the views of graduate students on the use of GeoGebra in mathematics teaching*", European Journal of Education Studies, vol. 4, no. 12, pp. 63-78.

7. H. Zulnaidi, et al. (2020), "*Examining the effects of Geogebra applets on mathematics learning using interactive mathematics textbook*", Journal of Physics.

8. Diệp Cẩm Thu (2002), "*Sử dụng phần mềm máy tính trong dạy và học toán*", Tạp chí Giáo dục (số 5), Hà Nội.

9. Trần Vui (chủ biên) & Lê Quang Hùng (2006), *Thiết kế các mô hình dạy học toán phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

10. Nguyễn Quang Báu (2009), *Lý thuyết xác suất và thống kê toán học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 17/11/2025; Ngày thẩm định: 05/3/2026; Ngày duyệt đăng: 15/3/2026.

TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY GÓP PHẦN ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Thiếu tá, ThS NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

Khoa Lý luận chính trị và khoa học xã hội nhân văn, Trường Đại học PCCC

ThS TRẦN THỊ HUYỀN TRANG

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị lan Hương (Email: lanhuongpc88@gmail.com)

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo trong lực lượng Công an nhân dân, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị (LLCT) tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCC) là yêu cầu tất yếu. Bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận, thực trạng, thuận lợi và khó khăn trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy LLCT tại nhà trường. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ khóa: công nghệ thông tin, giảng dạy, lý luận chính trị, Đại học PCCC, nguồn nhân lực chất lượng cao.

Abstract: In the context of national digital transformation and the increasing demands for training quality within the People's Public Security forces, strengthening the application of information technology in teaching political theory at the University of Fire Prevention and Fighting has become an inevitable requirement. This article analyzes the theoretical foundations, current situation, advantages, and challenges in applying information technology to political theory teaching at the university. On that basis, it proposes several solutions to enhance the effectiveness of information technology applications, contributing to the innovation of teaching methods, promoting learners' proactiveness and creativity, and thereby improving the quality of human resource training to meet task requirements in the new context.

Keywords: Information technology, teaching, political theory, the University of Fire Prevention and Fighting, high-quality human resources.

1. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại” [1], trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác

động mạnh mẽ và trực tiếp đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo, trong đó có đào tạo lý luận chính trị. Đối với Trường Đại học PCCC, công tác giảng dạy lý luận chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lý

tưởng cộng sản, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực tư duy cho học viên. Chính vì vậy, để đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) có đủ khả năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Đại học PCCC là một trong những yêu cầu bức thiết hiện nay góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng nguồn nhân lực cho lực lượng PCCC “vừa hồng vừa chuyên”, có trình độ, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy là quá trình sử dụng các phương tiện, phần mềm và hệ thống công nghệ số nhằm hỗ trợ, đổi mới phương pháp dạy và học. Trong giảng dạy các môn LLCT, việc ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ dừng lại ở việc trình chiếu bài giảng điện tử, mà còn mở rộng sang nhiều hình thức: học liệu số, lớp học trực tuyến, thảo luận qua nền tảng học tập, đánh giá trực tuyến, sử dụng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, video minh họa tình huống thực tiễn....

Theo tinh thần Nghị quyết 52-NQ/TW về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Chiến lược chuyển đổi số ngành giáo dục đến năm 2025, các cơ sở đào tạo cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực số cho cả giảng viên và học viên, hướng tới mô hình “trường học thông minh”. Giảng dạy LLCT bằng công nghệ thông tin giúp bài học trở nên sinh động, gắn lý luận với thực tiễn, tăng cường tương tác hai chiều, đồng thời phát huy vai trò của người học trong quá trình tiếp cận tri thức chính trị – tư tưởng.

Bên cạnh định hướng chung của Đảng, công tác giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ tại Trường Đại học PCCC còn được định hướng bởi hai trụ cột quan trọng: Nghị quyết số 71-NQ/ĐUCA về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân và Nghị quyết số 57-NQ/ĐUCA về đẩy mạnh công tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lực lượng CAND. Việc triển khai đồng bộ các văn bản chỉ đạo của Bộ Công an và Nhà trường

về thực hiện hai nghị quyết này không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà còn là nền tảng cốt lõi để hiện đại hóa phương pháp giảng dạy LLCT, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo lý luận với nghiên cứu khoa học và thực tiễn chiến đấu

3. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an, Trường Đại học PCCC đã có nhiều chủ trương, giải pháp tổ chức hiệu quả công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu lý luận chính trị. Nhận thức được vai trò của công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị nhà trường đã tập trung thực hiện nhiệm vụ đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, tạo sự chuyển biến tích cực về giảng dạy và học tập lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trường Đại học PCCC đã quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy lý luận chính trị. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tại Trường Đại học PCCC thời gian qua đã có bước phát triển đáng kể. Nhà trường đã đầu tư hệ thống mạng nội bộ, phòng học thông minh, trang bị máy chiếu, bảng tương tác và triển khai hệ thống học tập trực tuyến (LMS) trong một số học phần. Các giảng viên giảng dạy LLCT đã thường xuyên sử dụng PowerPoint, video tư liệu, tình huống thực tế, bài giảng E-learning để minh họa nội dung giảng dạy, giúp học viên dễ tiếp cận và hứng thú hơn. Các giảng viên thường xuyên được bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy tích cực thông qua các lớp tập huấn do nhà trường tổ chức. Đến nay, tất cả các giảng viên của trường đều có thể tự soạn giảng và sử dụng hiệu quả các thiết bị hỗ trợ để phục vụ công tác soạn, giảng. Qua khảo sát, đánh giá chất lượng giảng dạy thông qua phiếu đánh giá từ phía học viên, kết quả các học viên đều đánh giá cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường.

Thực tế cho thấy, ứng dụng công nghệ thông tin góp phần quan trọng vào việc tăng hiệu suất giảng dạy và học tập. Chương trình học lý luận chính trị thường có đặc điểm thiết kế thời lượng chương trình phù hợp với đối tượng người học là các học viên vừa học tập, vừa rèn luyện trong nhà trường. Do đó, việc ứng dụng

công nghệ thông tin để hiển thị slide bài giảng, video minh họa, hình ảnh minh họa giúp giảng viên có nhiều thời gian để phân tích, giải thích kỹ hơn các nội dung cần truyền đạt, giúp học viên tiếp thu bài giảng dễ dàng hơn và có nhiều thời gian để thảo luận, luyện tập và có cách nhìn hệ thống hơn về bài học trên lớp.

Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu lý luận chính trị. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong dạy và học là xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy LLCT tại Trường Đại học PCCC vẫn còn một số tồn tại, hạn chế ở một số mặt: một số giảng viên chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng công nghệ, còn lúng túng trong việc thiết kế bài giảng số nên việc sử dụng các tính năng của phần mềm trình chiếu vẫn chưa khai thác được tối đa, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào giảng dạy chưa thực sự hiệu quả dẫn đến kết quả giảng dạy của giảng viên lý luận chính trị chưa cao; hệ thống học tập trực tuyến chưa được khai thác đồng bộ cho tất cả các học phần; cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy LLCT mặc dù đã được nâng cấp nhưng vẫn còn hạn chế, các thiết bị hỗ trợ dạy học như: micro, máy chiếu... xuống cấp, dễ bị hư hỏng; việc xây dựng ngân hàng học liệu số, video giảng dạy và bài tập tương tác còn ít, chưa có tính hệ thống.

Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra không ít khó khăn, thách thức đan xen, tác động tổng hợp cho sự phát triển đất nước. Các tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng bộc lộ rõ nét và gay gắt. Các thế lực thù địch, phản động tăng cường chống phá bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, thâm độc, tìm cách thâm nhập, tác động, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống diễn ra gây bức xúc trong xã hội. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm sử dụng công nghệ cao,... có chiều hướng diễn biến phức tạp hơn. Thực tiễn đó cho thấy, nhiệm

vụ giáo dục lý luận chính trị trở nên ngày càng quan trọng đối với Trường Đại học PCCC, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta. Vì vậy, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn. Qua đó, khẳng định vai trò quan trọng của công tác giáo dục lý luận chính trị trong truyền bá lý luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; nâng cao năng lực và phẩm chất chính trị của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

4. Để nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Đại học PCCC trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động ra mạnh mẽ hiện nay, cần thực hiện đồng bộ một số nội dung cơ bản sau:

Một là, mỗi giảng viên phải làm chủ được kiến thức chuyên môn, am hiểu lý luận và các kiến thức liên quan đến lĩnh vực giảng dạy và sử dụng thành thạo các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để phục vụ cho công tác giảng dạy. Đồng thời, giảng viên cần nghiên cứu và áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, như sử dụng công nghệ thông tin, các phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại, công cụ “thông minh” trong dạy và học lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường sử dụng các phương tiện, dữ liệu trên Internet khai thác, cập nhật thông tin vào bài giảng, ứng dụng các phần mềm tin học để tạo ra các mô hình, sơ đồ hóa kiến thức, sưu tầm phim, hình ảnh liên quan đến từng nội dung lý luận chính trị,...

Hai là, nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường thông qua các lớp bồi dưỡng kỹ năng số, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giảng dạy. Trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi người giảng viên cần phải thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, nhất là nâng cao trình độ về công nghệ thông tin thì mới có thể đáp ứng yêu cầu của công việc. Thực hiện được điều này thì nhà trường cần có sự khảo sát, đánh giá đúng thực trạng năng lực

sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ giảng viên, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho cán bộ, giảng viên; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tạo điều kiện cho giảng viên vừa phát huy được nội lực bản thân, vừa tận dụng được ngoại lực để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho giảng viên thấy rõ hiệu quả và yêu cầu mang tính tất yếu của ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua những hình thức như: tra cứu, tìm kiếm thông tin, soạn giảng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên đề....

Ba là, nhà trường nên tăng cường tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề cấp khoa, cấp trường về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Thông qua các buổi hội thảo, giảng viên trong trường sẽ có cơ hội để trao đổi, thảo luận về cách thức thiết kế, nội dung một bài giảng điện tử chất lượng, phương pháp trình chiếu hiệu quả, chia sẻ những ý tưởng hay, những vướng mắc trong công việc. Cùng với đó, thường xuyên tổ chức hội thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh các cấp; đẩy mạnh hoạt động câu lạc bộ học tập các môn lý luận chính trị; tổ chức tham quan thực tế,... từ đó, mỗi giảng viên bám nắm thực chất khả năng học tập và chuyển biến kiến thức lý luận chính trị thông qua hoạt động thực tiễn của người học. Đồng thời, tăng cường tổ chức các hội thi dạy giỏi các cấp, theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị. Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức thi, kiểm tra đánh giá chất lượng học tập các môn lý luận chính trị để xác định phương hướng, biện pháp đổi mới phương pháp giảng dạy một cách hiệu quả.

Bốn là, tăng cường khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại. Hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị ở nhà trường không chỉ quyết định bởi lực lượng giảng viên, học viên mà còn phụ thuộc điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ. Do vậy, các nhà trường cần đầu tư, củng cố, nâng cấp cơ sở vật chất hiện đại, trang bị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại theo

hướng mô hình đại học thông minh. Thời gian tới, nhà trường cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ để đáp ứng nhu cầu giảng dạy lý luận chính trị. Phải có được hệ thống trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, phù hợp, đồng bộ để giúp giảng viên và học viên chủ động, tích cực trong nghiên cứu và học tập, cụ thể như: hệ thống giảng đường, mạng nội bộ... (phục vụ việc giảng dạy và thảo luận, làm việc nhóm của học viên); hệ thống phòng đọc, phòng truy cập mạng (phục vụ việc tự học, tìm kiếm và khai thác thông tin liên quan). Đặc biệt, nhà trường cần quan tâm bổ sung thường xuyên hệ thống giáo trình, tài liệu đảm bảo cập nhật những vấn đề thực tiễn mới, nhất là những vấn đề từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Năm là, gắn chỉ tiêu ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thi đua, đánh giá xếp loại cán bộ, giảng viên. Nhà trường cần cụ thể hóa việc ứng dụng CNTT thành các chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho từng khoa, bộ môn và cá nhân giảng viên trong từng học kỳ, năm học. Phát động các phong trào thi đua chuyên đề về "Đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trên nền tảng số". Lấy kết quả ứng dụng CNTT (như xây dựng bài giảng điện tử, tham gia hệ thống LMS, số hóa học liệu) làm tiêu chí cứng để xem xét, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, giảng viên hằng năm. Khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có sáng kiến đột phá, đồng thời phê bình những đơn vị chậm đổi mới, giúp tạo ra sức lan tỏa và trách nhiệm tự thân trong việc nâng cao năng lực số.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Đại học PCCC không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin giúp đổi mới phương pháp, phát huy tính chủ động của người học, gắn lý luận với thực tiễn, từ đó hình thành đội ngũ cán bộ PCCC có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn và năng lực công nghệ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Để đạt được hiệu quả cao, cần có sự vào cuộc đồng bộ của lãnh đạo nhà trường, các khoa, bộ môn và mỗi giảng viên LLCT. Việc tăng cường ứng dụng

công nghệ thông tin không chỉ là biện pháp kỹ thuật, mà còn là quá trình đổi mới tư duy, phương pháp và phong cách giảng dạy, hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.182-183.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập II*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 129.
3. Đảng ủy Công an Trung ương (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương lần thứ VII*, Hà Nội, tr.65-66.
4. Đảng ủy Công an Trung ương (2022), *Nghị quyết số 71-NQ/ĐUCA ngày 28/8/2022 về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại"*, Hà Nội.
5. Đảng ủy Công an Trung ương (2023), *Nghị quyết số 57-NQ/ĐUCA ngày 20/3/2023 về "Đẩy mạnh công tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lực lượng Công an nhân dân đến năm 2030"*, Hà Nội.
6. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập, tập 47*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 248.
7. Phan Xuân Tuy (2022), *Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong các trường công an nhân dân, Đề tài cấp Bộ*, Hà Nội.